BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THÉP

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức lấy ý kiến, tham vấn/phản biện xã hội đối với hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về quản lý chất lượng thép (Công văn số 7396/BKHCN-TĐC ngày 24/9/2026 và Công văn số 7865/BKHCN-TĐC ngày 08/10/2026).

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến, tham vấn/góp ý, phản biện xã hội và tổng số ý kiến nhận được:

- **13/15** Bộ, cơ quan ngang Bộ (Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Công an (A04), Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra Chính phủ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

- **31/34** tỉnh, thành phố (chưa nhận được ý kiến của tỉnh Quảng Ninh, Tp.Hồ Chí Minh, tỉnh Ninh Bình)

- **11** Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty

- **01** Ban: Ban Nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân (Hội đồng tư vấn cải cách TTHC)

- Các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Kết quả ý kiến góp ý cụ thể như sau:

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
Góp ý chung				
1.	**Bộ Công an**		Tại Chương II và Chương III quy định về biện pháp quản lý đặc thù đối với sản phẩm thép trong sản xuất, lưu thông và biện pháp quản lý đặc thù đối với sản phẩm thép nhập khẩu: Đề nghị Bộ KH&CN nghiên	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu yêu cầu thống nhất cơ chế định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc và dữ liệu chuyên

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			cứu, đánh giá để đảm bảo phù hợp, thống nhất với quy định tại Nghị định số 372/2026/NĐ-CP ngày 29/9/2026 của Chính phủ về hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa đối với các quy định về hộ chiếu của sản phẩm thép, truy xuất nguồn gốc Tại Dự thảo 1 và trang 1 Phụ lục: Đề nghị Bộ KH&CN nghiên cứu, bổ sung Phụ lục Danh mục văn bản của Đảng, văn bản định hướng của Chính phủ và nội dung thể chế hóa: Trích dẫn nội dung cốt lõi Văn kiện Đại hội XIV của Đảng	ngành. Nghị định số 372/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2027, cần được đối chiếu với thời điểm áp dụng dự kiến của Nghị định về thép. Nội dung liên quan Văn kiện Đại hội XIV trong hồ sơ rà soát cần được bổ sung trên cơ sở văn bản chính thức, gắn với nội dung thể chế hóa cụ thể. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Chỉnh lý khoản 4 Điều 6, khoản 3 Điều 8, Điều 21 và khoản 5 Điều 23 của dự thảo theo hướng kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu qua hạ tầng chung, không phát sinh kê khai trùng lặp.
2.	**Thanh tra Chính phủ**	Góp ý chung	3. Về trình tự, thủ tục, hồ sơ, ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo 3.1. Đề nghị rà soát, chỉnh lý đồng bộ giữa dự thảo Nghị định, Tờ trình, Bản thuyết minh và Báo cáo rà soát chủ trương bảo đảm tính thống nhất. Trong đó, một số nội dung cụ thể cần rà soát lại như sau: (i) Về Phạm vi điều chỉnh: Mục IV.1 dự thảo Tờ trình xác định phạm vi điều chỉnh quy định đối với sản phẩm, hàng hóa thép trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và lưu thông. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh) của dự thảo Nghị định không đề cập đến "xuất khẩu". (ii) Về bố cục: Trong dự thảo Tờ trình mô tả Chương	**Tiếp thu.** Lý do: (i) Thống nhất bổ sung xuất khẩu nhưng dẫn chiếu chế độ riêng, không mở rộng nghĩa vụ nội địa sang hàng xuất khẩu. (ii) Sửa mô tả Chương I trong Tờ trình theo đúng Điều 1-5, bỏ nội dung về danh mục và MRA không có trong chương. (iii) Bổ sung đánh giá riêng chi phí nhận diện, lưu hồ sơ, dữ liệu và doanh nghiệp nhỏ. (iv) Bổ sung rà soát đo lường, thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; phân biệt cắt, xẻ với cán làm đối cơ tính. (v) Sửa đầy đủ

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			I (Điều 1 đến Điều 5) có danh mục sản phẩm thép và nội dung áp dụng điều ước quốc tế, thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau. Tuy nhiên, Điều 1 đến Điều 5 dự thảo Nghị định hiện không có nội dung tương ứng như đã nêu tại dự thảo Tờ trình (iii) Đề nghị đánh giá cụ thể nguồn lực và chi phí thực hiện các nghĩa vụ nhân diễn. truv xuất. liên kết hồ sơ tại Điều 6, Điều 7 và Điều 12 dự thảo Nghị nhận diện, truy xuất, liên kết hồ sơ tại Điều 6, Điều 7 và Điều 12 dự thảo Nghị định. Việc không phát sinh thủ tục hành chính mới chưa đủ cơ sở để kết luận không phát sinh chi phí tuân thủ. Về bản thuyết minh chi tiết: Đề nghị bổ sung rà soát pháp luật về đo lường, thanh tra và kiểm tra chuyên ngành; làm rõ căn cứ pháp lý của từng biện pháp đặc thù, bảo đảm phù hợp với các luật và nghị định hướng dẫn có liên quan. 3.2. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát..., ví dụ: về Điều 7 dự thảo Nghị định: Trong Bản thuyết minh dùng "cắt, cán"; dự thảo Nghị định dùng "cắt, xẻ". Đây là khác biệt có thể ảnh hưởng nội dung nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan; khoản 3 Điều 26 dự thảo Nghị định còn thiếu từ trong tên "Bộ Khoa học và Công...", cần sửa để xác định đầy đủ chủ thể tiếp nhận dữ liệu.	tên Bộ ở Điều 26. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1, khoản 4 Điều 1, Điều 7 và khoản 3 Điều 26. Sửa Mục IV.2 Tờ trình về Chương I; cập nhật Bản thuyết minh và Báo cáo thực trạng tương ứng.
3.	**Thanh tra Chính phủ**	Góp ý chung	2.4. Về kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu và hộ chiếu số Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định về dữ liệu quản lý chất lượng thép, kết nối và chia sẻ	**Tiếp thu.** Lý do: Cần phân rõ chủ thể tạo lập, cập nhật, cơ quan quản lý và quyền khai thác; không phát sinh hệ thống

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			dữ liệu giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với cơ quan hải quan, quản lý thị trường, cơ quan quản lý chuyên ngành và các cơ quan có liên quan. Cần xác định rõ cơ quan đầu mối quản lý, cập nhật, khai thác dữ liệu; trách nhiệm bảo đảm tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu; cơ chế kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu, đồng thời bảo đảm tuân thủ quy định về bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và các thông tin cần được bảo vệ. Đối với quy định về hộ chiếu số của sản phẩm thép, đề nghị bảo đảm thực hiện theo đúng lộ trình, yêu cầu kỹ thuật và hệ thống dữ liệu được cơ quan có thẩm quyền xác định; không làm phát s inh yêu cầu tổ chức, cá nhân phải thiết lập hệ thống dữ liệu riêng hoặc cung cấp lại thông tin đã có trên hệ thống được kết nối, chia sẻ.	riêng hoặc nộp dữ liệu hai lần. Hộ chiếu số chỉ bắt buộc theo lộ trình được phê duyệt, không suy từ nghĩa vụ lưu chứng từ thành nghĩa vụ số hóa mọi sản phẩm. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3, khoản 4 Điều 8 và Điều 21 về hạ tầng dùng chung, trách nhiệm dữ liệu, phân quyền và bảo mật; khoản 5 Điều 22 giao chia sẻ cảnh báo với địa phương.
4.	**UBND Thái Nguyên**	Góp ý chung	- Cần quy định rõ: thời điểm bắt buộc; nhóm sản phẩm áp dụng trước; trách nhiệm cập nhật dữ liệu; cơ quan có quyền khai thác; mức độ dữ liệu được công khai. - Đề nghị quy định rõ hơn: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện hậu kiểm đối với hoạt động lưu thông thép trên địa bàn theo kế hoạch, hướng dẫn và phân cấp của Bộ Khoa học và Công nghệ. Đồng thời cần làm rõ cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ này là cơ quan nào.	**Tiếp thu.** Lý do: Thời điểm, đối tượng, quyền cập nhật và khai thác phải rõ; phân công tại địa phương cần xác định đầu mối khoa học và công nghệ nhưng không tạo thẩm quyền kiểm tra mới ngoài luật. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa Điều 8, Điều 21 và Điều 24: áp dụng dữ liệu theo lộ trình, phân quyền; cơ quan chuyên môn KH&CN làm đầu mối; kiểm tra sản xuất, lưu thông theo thẩm quyền, có

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				phối hợp quản lý thị trường và cơ quan xây dựng.
5.	**Bộ Ngoại giao**	**Góp ý chung**	1. Cơ bản nhất trí đối với sự cần thiết phải ban hành các quy định để quản lý chất lượng thép do đây là ngành công nghiệp nền tảng, cung cấp vật liệu đầu vào cho xây dựng, giao thông, cơ khí chế tạo, năng lượng và nhiều ngành kinh tế khác. Trong bối cảnh dư thừa công suất thép toàn cầu và gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại, việc hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn và kiểm soát chất lượng sẽ góp phần bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, hạn chế nguy cơ thép chất lượng thấp hoặc giá rẻ chuyển hướng vào thị trường Việt Nam, đồng thời tạo nền tảng để doanh nghiệp trong nước đáp ứng tốt hơn các yêu cầu kỹ thuật, môi trường ngày càng cao của các thị trường xuất khẩu. 2. Về hồ sơ, thủ tục, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện các tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan cần được hoàn thiện theo mẫu số 7 Phụ lục IV Nghị định 187/2025/NĐCP (cần nêu rõ, cụ thể quy định nào của dự thảo Nghị định tương thích với quy định cụ thể nào trong điều ước quốc tế).	**Tiếp thu.** Ghi nhận ý kiến đồng thuận về sự cần thiết ban hành Nghị định. Rà soát, hoàn thiện hồ sơ theo quy định về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; lập bảng đối chiếu cụ thể điều khoản dự thảo với điều ước quốc tế có liên quan, xác định rõ phạm vi cam kết và sự tương thích. Nội dung này chủ yếu hoàn thiện hồ sơ, không bổ sung nghĩa vụ mới vào Nghị định.
6.	**Bộ Tài chính**	Góp ý chung	Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ bổ sung đánh	**Tiếp thu.**

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			giá việc triển khai quản lý chất lượng thép thời gian qua, những tồn tại, vướng mắc (nếu có), trong đó đánh giá cụ thể về nguồn lực tài chính (bao gồm nguồn ngân sách nhà nước, nguồn huy động của doanh nghiệp và nguồn huy động hợp pháp khác của tổ chức cá nhân) làm cơ sở đề xuất chính sách khi ban hành Nghị định. Về cân đối, bố trí nguồn lực thực hiện Nghị định, đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, về đầu tư công và các pháp luật có liên quan. - Đối với các nội dung khác, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục rà soát, căn cứ ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan và đơn vị có liên quan để hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định.	Lý do: Bổ sung đánh giá nguồn lực tài chính và tác động theo nhiệm vụ: kiểm tra trong nước, xác minh ngoài nước, thử nghiệm, kết nối dữ liệu, tập huấn; phân biệt ngân sách với chi phí doanh nghiệp. Không cam kết chi khi chưa có dự toán, không huy động tài trợ từ đối tượng cho đoàn kiểm tra. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa Điều 20 theo nguồn và chế độ chi hiện hành; bổ sung Mục V Tờ trình bảng nhiệm vụ, đơn vị, khối lượng, dự toán, nguồn, thời gian, năng lực đáp ứng.
7.	**UBND tỉnh Khánh Hòa**	Góp ý chung	Đề nghị Ban soạn thảo cập nhật đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hồ sơ dự thảo Nghị định tại mục II.2 của Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan, cụ thể: + Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử đã được sửa đổi, bổ sung bởi 2 Nghị định mới, gồm: Nghị định số 46/2024/NĐ-CP ngày	**Tiếp thu** cập nhật văn bản và kiểm tra hiệu lực. Lý do: Báo cáo rà soát phải sử dụng văn bản còn hiệu lực và xác định đúng điều khoản được sửa đổi, thay thế; không suy từ tên một nghị định sửa đổi sang toàn bộ các lĩnh vực được văn bản gốc điều chỉnh. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Đề nghị cập nhật Báo cáo rà soát, Bản thuyết minh theo từng lĩnh vực xây dựng, môi trường, hải

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			04/5/2024 và Nghị định số 186/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026. + Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng đã hết hiệu lực từ ngày 01/07/2026 và được thay thế bởi Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026. + Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường đã được sửa đổi, bổ sung bởi 2 Nghị định mới, gồm: Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026. + Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025.	quan và xử phạt; đối chiếu văn bản gốc cùng văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tại thời điểm trình. Các số hiệu, thời điểm và phạm vi thay thế nêu trong ý kiến góp ý phải được kiểm tra từ văn bản chính thức trước khi sử dụng làm căn cứ. Khoản 2 Điều 26 chỉ cho phép tiếp tục áp dụng văn bản còn hiệu lực trong phạm vi không trái văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn và Nghị định này; không đưa toàn bộ danh sách văn bản vào điều khoản Nghị định.
8.	**UBND tỉnh Khánh Hòa**	Góp ý chung	Đề nghị rà soát, chỉnh lý Bản thuyết minh để thống nhất với dự thảo Nghị định. Cụ thể: Điều 25 dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thép và tổ chức đánh giá sự phù hợp; tuy nhiên tại Bản thuyết minh, nội dung của Điều 25 thể hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước của địa phương (tương ứng với Điều 24 của dự thảo Nghị định).	**Tiếp thu.** Lý do: Theo ý kiến góp ý, nội dung Điều 25 tại Bản thuyết minh chưa thống nhất với dự thảo Nghị định. Đối chiếu dự thảo Nghị định được cung cấp, Điều 24 quy định trách nhiệm địa phương, Điều 25 đã phân định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong chuỗi cung ứng; không

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				có cơ sở kết luận hai điều này của bản hiện tại trùng nhau. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Đề nghị đối chiếu và cập nhật hàng Điều 25 trong Bản thuyết minh theo đúng dự thảo hiện tại, gồm trách nhiệm nhà sản xuất, người nhập khẩu, người kinh doanh, chủ thể gia công, tổ chức đánh giá sự phù hợp và chủ thể tạo lập dữ liệu. Đồng bộ tên điều, nội dung và lý do, không chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước của địa phương sang doanh nghiệp.
9.	**UBND tỉnh Khánh Hòa**	Góp ý chung	Đề nghị ghi đúng tên cơ quan nhà nước tại khoản 3 Điều 26 của dự thảo Nghị định: "Kết quả và dữ liệu được chuyển, cập nhật cho Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại Nghị định này".	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu sửa tên cơ quan bị thiếu và xác định chủ thể bàn giao, tiếp nhận, thời hạn, phương thức điện tử; lỗi kỹ thuật không phải căn cứ mở thêm nghĩa vụ nộp lại hồ sơ cho doanh nghiệp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3 Điều 26, trong đó ghi đúng: "Kết quả và dữ liệu được chuyển, cập nhật cho Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Nghị định này"; bàn giao điện tử trong 30 ngày, không yêu cầu nộp lại.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
10.	**Bộ Nông nghiệp và Môi trường**	Góp ý chung	Về dự thảo Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định, tại thứ tự số 5 và số 6 của Phụ lục kèm theo, đề nghị đánh giá tính thống nhất, đồng bộ và giải pháp xử lý giữa dự thảo Nghị định với các văn bản như: Luật Bảo vệ môi trường 2020; Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN.	**Tiếp thu.** Lý do: Phải rà soát sự thống nhất với Luật Bảo vệ môi trường, nghị định hướng dẫn và Thông tư 02/2024/TT-BKHCN trong phạm vi còn hiệu lực; đồng thời cập nhật Nghị định số 372/2026/NĐ-CP mới ban hành. Phân biệt nghĩa vụ môi trường của cơ sở với yêu cầu chất lượng sản phẩm và nghĩa vụ dữ liệu. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung bảng rà soát của hồ sơ, nêu điều khoản liên quan và cách xử lý. Sửa khoản 4 Điều 4, Điều 8, Điều 9 và khoản 4 Điều 23 theo dẫn chiếu, khuyến khích và dữ liệu bắt buộc đúng căn cứ.
11.	**Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam**	Góp ý chung	Đề nghị bổ sung, chuẩn hóa các khái niệm kỹ thuật cốt lõi mà thị trường thép quốc tế đang sử dụng (mẻ luyện, đơn vị thử, trạng thái giao hàng, cấp chất lượng PSL, loại chứng chỉ theo EN 10204/ISO 10474, đương lượng các-bon CE, quy tắc thử lại/làm tròn); bổ sung cơ chế cho thép dùng trong dự án chuyên ngành (dầu khí, công trình biển, thiết bị áp lực) đã được kiểm soát theo tiêu chuẩn quốc tế và giám định độc lập/đăng kiểm.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu việc bổ sung khái niệm mẻ luyện và làm rõ nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, chứng chỉ, lấy mẫu, thử nghiệm lại theo đúng phạm vi. Không đưa toàn bộ cấp yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm (PSL), trạng thái giao hàng và các chỉ tiêu chuyên biệt vào quy định chung, vì phụ thuộc từng tiêu chuẩn, sản phẩm và công dụng; các nội dung này được đối chiếu khi có

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				yêu cầu áp dụng tương ứng. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 7 Điều 3; khoản 3 Điều 4 dẫn quy tắc của tiêu chuẩn áp dụng, không buộc quy đổi; khoản 4 Điều 10 và khoản 4, khoản 5 Điều 5 sử dụng kết quả chuyên ngành hợp pháp, đúng phạm vi.
12.	**Bộ Công Thương**	Góp ý chung	Hiện nay, một số sản phẩm thép như thép làm cốt bê tông, thép không gỉ đã được Bộ Khoa học và Công nghệ xác định thuộc nhóm sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình tại Thông tư số 36/2026/TT-BKHCN. Tuy nhiên, không phải tất cả các sản phẩm thép đều có mức độ rủi ro trung bình. Do đó, trong trường hợp xác định quản lý thép theo mức độ rủi ro, cần làm rõ cơ sở khoa học, thực tiễn và mức độ rủi ro của từng nhóm sản phẩm thép thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định; tránh áp dụng đồng nhất các biện pháp quản lý đặc thù đối với toàn bộ sản phẩm thép khi mức độ rủi ro, công dụng và hậu quả của việc không bảo đảm chất lượng có sự khác biệt đáng kể.	**Tiếp thu.** Lý do: Không đồng nhất mức rủi ro của tất cả thép. Danh mục rủi ro và chế độ quản lý phải dựa đặc tính, hậu quả, khả năng xảy ra rủi ro theo luật, có phân tích và công bố đúng thẩm quyền. Quy định dự phòng cho nhóm cao không đồng nghĩa đã xếp thép vào nhóm cao. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 22; phân biệt lưu giữ chứng từ với hệ thống truy xuất bắt buộc tại Điều 6.
13.	**Bộ Công Thương**	Góp ý chung	Đề nghị làm rõ phạm vi định nghĩa "sản phẩm thép" tại dự thảo Nghị định. Bộ Công Thương cho rằng cách định nghĩa hiện tại là quá rộng, chưa xác định rõ ranh giới công đoạn sản xuất và phạm vi sản phẩm thuộc đối tượng điều chỉnh. Cụm từ "sản phẩm hoặc bán thành phẩm được chế tạo chủ yếu từ sắt hoặc hợp kim của sắt" có thể được hiểu bao gồm cả các	**Tiếp thu.** Lý do: Khái niệm hiện tại có thể bao trùm cả thiết bị, cấu kiện có nguyên liệu thép. Tiếp thu xác định từ bán thành phẩm luyện-đúc đến các dạng thép cơ bản; loại trừ sản phẩm chế

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			sản phẩm được chế tạo từ thép thành phẩm như bu lông, đinh vít, kết cấu thép, chi tiết cơ khí, bình chứa, phụ tùng và một số sản phẩm máy móc, dẫn đến mở rộng phạm vi điều chỉnh sang các sản phẩm hạ nguồn thuộc các ngành công nghiệp khác. Bộ Công Thương đề nghị xác định phạm vi "sản phẩm thép" theo chuỗi công nghệ sản xuất thép, bắt đầu từ bán thành phẩm thép sau công đoạn luyện – đúc (phôi thép) đến các sản phẩm thép thành phẩm được tạo ra qua các công đoạn cán, kéo, rèn, phủ hoặc gia công luyện kim tương ứng, gồm các nhóm sản phẩm thép dẹt, thép dài và các dạng sản phẩm thép cơ bản khác. Không bao gồm các sản phẩm, chi tiết, thiết bị được chế tạo từ thép thành phẩm để thực hiện một công dụng riêng, trừ trường hợp được quy định cụ thể trong Danh mục sản phẩm thép thuộc phạm vi quản lý.	tạo có công dụng riêng để tránh chồng lấn ngành hạ nguồn, đồng thời vẫn quản lý thép đầu vào theo phạm vi tương ứng. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Thay khoản 1 Điều 3 bằng định nghĩa sản phẩm thép là bán thành phẩm, sản phẩm thép dẹt, dài, hình, ống qua công đoạn luyện kim, tạo hình; không bao gồm phế liệu và chi tiết, cấu kiện, thiết bị, máy móc chế tạo từ thép để thực hiện công dụng riêng. Khoản 2 Điều 22 yêu cầu danh mục có mô tả rõ.
14.	**Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân**	Góp ý chung	Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân thống nhất cao với sự cần thiết ban hành Nghị định, dự thảo Nghị định có nhiều điểm tích cực nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và xác định phạm vi quản lý về chất lượng thép; đồng thời đặt nguyên tắc không yêu cầu doanh nghiệp cung cấp lại hồ sơ/dữ liệu đã có và không tạo rào cản kỹ thuật không cần thiết; thống nhất Bộ KH&CN là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép; chuyển phương thức quản lý từ kiểm soát dựa chủ yếu trên hồ sơ và thủ tục sang quản lý dựa trên nhận diện, truy xuất và dữ liệu theo lô/mẻ luyện. Cách tiếp cận này giúp nâng cao khả năng xác minh chất lượng và quản lý rủi ro,	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu đánh giá chi phí tuân thủ, đặc biệt ghi nhận lô, lưu hồ sơ, dữ liệu, phần mềm, đào tạo và chi phí cơ hội đối với doanh nghiệp nhỏ. Không phát sinh thủ tục hành chính không đồng nghĩa không phát sinh chi phí. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Đề nghị cập nhật Mục V Tờ trình và báo cáo đánh giá tác động, so sánh phương án hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử hiện có với hệ thống

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			nhưng đồng thời tạo chi phí tuân thủ mới cho doanh nghiệp. Do đó, Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân kiến nghị Ban soạn thảo bổ sung đánh giá tác động chính sách cụ thể (tác động kinh tế, chi phí tuân thủ với doanh nghiệp) trong hồ sơ dự thảo; đồng thời trong lộ trình xây dựng lộ trình áp dụng sau này phải đảm bảo có thời gian chuyển đổi, thích nghi; nhất là với nhóm doanh nghiệp nhỏ với hạn chế về năng lực tuân thủ và khả năng đầu tư hệ thống về dữ liệu và quản trị.	bắt buộc. Điều 6, Điều 7 cho phép tận dụng hồ sơ, Điều 26 chuyển tiếp hàng tồn, Điều 27 đề xuất chuẩn bị 06 tháng; hộ chiếu số theo lộ trình riêng.
15.	**UBND Quảng Ninh**	Góp ý chung	a) Đề nghị xem xét bổ sung tiêu chí bảo vệ môi trường vào quy định quản lý chất lượng thép. Hồ sơ dự thảo hiện đang tập trung chủ yếu vào các chỉ tiêu cơ lý, thành phần hóa học của sản phẩm thép và thủ tục công bố hợp quy. Trong khi Ngành sản xuất luyện kim, luyện gang thép là loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao (phát thải bụi, khí thải chứa lưu huỳnh, nitơ oxit, xỉ lò, bụi lò luyện thép có chứa kim loại nặng, nước thải làm mát và xử lý khí). Do vậy đề nghị ban soạn thảo bổ sung, lồng ghép chặt chẽ các điều kiện, tiêu chí về bảo vệ môi trường, kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở sản xuất thép đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. b) Bổ sung điều kiện bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất thép trong nước Bổ sung điều khoản quy định điều kiện về bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất thép (hoặc quy định về hồ sơ, quy trình đánh	**Tiếp thu một phần.** Lý do: (a), (c), (d) Tiếp thu dẫn chiếu pháp luật môi trường, phế liệu, chất thải và khuyến khích công nghệ xanh; không khẳng định mọi bụi lò đều là chất thải nguy hại khi chưa phân định theo pháp luật. (b) Chưa tiếp thu bổ sung giấy phép môi trường thành điều kiện công bố hợp quy/lưu thông chung: đây là nghĩa vụ cơ sở theo pháp luật môi trường, không tự tạo hồ sơ chất lượng mới. (đ) Tiếp thu chia sẻ và xử lý theo thẩm quyền, không tự động đình chỉ chứng nhận vì vi phạm môi trường khi chưa có căn cứ về hiệu lực chứng nhận, chất lượng hoặc biện pháp chuyên ngành. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			giá sự phù hợp/chứng nhận hợp quy): Yêu cầu cơ sở sản xuất thép phải có Giấy phép môi trường (hoặc Đăng ký môi trường) còn hiệu lực theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trước khi đưa sản phẩm lưu thông ra thị trường. Tránh tình trạng doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm nhưng cơ sở sản xuất lại sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm nghiêm trọng, xả thải chưa qua xử lý hoặc chưa được cấp phép môi trường. c) Kiểm soát nguyên liệu phế liệu thép nhập khẩu và tái chế Đối với các cơ sở sử dụng thép phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (nhất là các lò điện hồ quang): Quy định rõ việc sử dụng phế liệu sắt, thép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất phải tuân thủ nghiêm ngặt QCVN về môi trường đối với phế liệu sắt, thép, gang nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (QCVN 31:2024/BTNMT). Kiểm soát chất thải nguy hại: Quá trình luyện thép từ phế liệu phát sinh lượng lớn bụi lò luyện thép (chứa kẽm, chì và các kim loại nặng khác) – đây là chất thải nguy hại. Cần quy định trách nhiệm của cơ sở sản xuất trong việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao và xử lý bụi lò đúng quy định, khuyến khích các công nghệ thu hồi kim loại từ bụi lò theo mô hình kinh tế tuần hoàn. d) Thúc đẩy công nghệ xanh, giảm phát thải khí nhà kính Lĩnh vực sản xuất thép thuộc danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị bổ sung nguyên tắc khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ tốt nhất hiện có, biện pháp	sửa: Sửa Điều 9 và khoản 4 Điều 23: dẫn chiếu nghĩa vụ môi trường, khuyến khích tuần hoàn và giảm phát thải, chia sẻ dữ liệu cần thiết; không bổ sung giấy phép môi trường vào Điều 10, Điều 12 hoặc tạo chế tài ngoài luật.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			quản lý môi trường tốt nhất, chuyển đổi từ lò cao truyền thống sang công nghệ hoàn nguyên trực tiếp sử dụng hydro hoặc lò điện sử dụng năng lượng tái tạo nhằm giảm phát thải carbon, đáp ứng xu hướng Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon của thị trường quốc tế. đ) Phối hợp thanh tra, kiểm tra và thu hồi sản phẩm không đạt chuẩn Đề nghị bổ sung cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý chất lượng sản phẩm (Sở Khoa học và Công nghệ/Sở Công Thương) với Sở Nông nghiệp và Môi trường. Khi phát hiện cơ sở sản xuất vi phạm nghiêm trọng về môi trường hoặc gây sự cố môi trường, cơ quan môi trường có thẩm quyền kiến nghị đình chỉ/tạm dừng hiệu lực của chứng nhận chất lượng hoặc đình chỉ lưu thông sản phẩm theo quy định	
16.	**Bộ Giáo dục và Đào tạo**	Góp ý chung	Bộ Giáo dục và Đào tạo cơ bản thống nhất với sự cần thiết ban hành Nghị định quy định về quản lý chất lượng thép. Sau khi nghiên cứu dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định quy định về quản lý chất lượng thép (dự thảo 1 ngày 21/9/2026) Đề nghị rà soát, bổ sung đầy đủ các tài liệu theo quy định tại các Điều 27, 28 và 29 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP); làm rõ căn cứ pháp lý, sự cần thiết ban hành, đánh giá tác động và nguồn lực thi hành; bảo đảm tính chính xác, thống nhất của số liệu, nội dung thuyết minh; cập nhật đầy đủ quá trình xây dựng, lấy ý kiến, thẩm định tại Mục III Tờ trình và thống nhất phạm vi điều chỉnh về hoạt động xuất	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu rà soát đầy đủ thành phần hồ sơ, trình tự và thẩm quyền theo Luật Ban hành VBQPPL và nghị định hướng dẫn còn hiệu lực; cập nhật đúng quá trình đã thực hiện; thống nhất xuất khẩu theo chế độ riêng. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1, khoản 4 Điều 1, khoản 1 Điều 2; chỉnh Mục III, IV, V Tờ trình, thuyết minh, bảng rà soát và đánh giá tác động.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			khẩu thép giữa Tờ trình và dự thảo Nghị định (phần IV.1 của Tờ trình (nêu cả hoạt động xuất khẩu) với khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định)	
17.	**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**	Quy định về việc phân loại sản phẩm thép	**1. Phân loại sản phẩm thép theo quy định Thông tư 36/2026/TT-BKHCN:** Theo Thông tư 36/2026/TT-BKHCN ("Thông tư 36"), trong nhóm Danh mục sản phẩm thép thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ hiện mới chỉ xác định 2 nhóm sản phẩm thép chính là hàng hoá có rủi ro trung bình gồm: - Nhóm thép làm cốt bê tông (QCVN 7:2019/BKHCN); - Nhóm thép không gỉ (QCVN 20:2019/BKHCN). Như vậy, nhiều sản phẩm thép có vai trò đầu vào trực tiếp cho các ngành công nghiệp trọng yếu – như thép cuộn cán nóng (HRC), thép cán nguội (CRC), thép mạ kẽm (GI), thép mạ hợp kim nhôm kẽm (GL), tôn sơn màu, thép hình, thép tấm kết cấu, thép chế tạo và ống thép – hiện chưa được xếp vào danh mục rủi ro trung bình hoặc rủi ro cao của Thông tư 36. Đây là các sản phẩm có thể không trực tiếp đưa ngay vào các công trình xây dựng nhưng là các sản phẩm được sử dụng làm nguyên liệu hoặc bán thành phẩm đầu vào cho xây dựng, cơ khí chế tạo, đóng tàu, sản xuất ô tô, kết cấu thép công nghiệp và nhiều ngành sản xuất hạ nguồn khác. Việc bỏ sót này khiến một phần lớn sản phẩm thép lưu thông trên thị trường nằm ngoài phạm vi giám sát chất lượng theo cơ chế rủi ro, trong khi Thông tư 41/2026/TT-BXD về vật liệu	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu yêu cầu rà soát rủi ro trên cơ sở hậu quả, xác suất, công dụng và bằng chứng chất lượng, không lấy việc có QCVN làm tiêu chí duy nhất. Chưa tiếp thu việc xếp đồng loạt HRC, CRC, thép mạ, tôn, hình, tấm, ống vào nhóm trung bình hoặc cao: hồ sơ chưa có đánh giá riêng cho từng nhóm; gian lận HS, xuất xứ và phòng vệ thương mại không đồng nhất với rủi ro chất lượng. Sản phẩm chưa thuộc danh mục vẫn chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn công bố, ghi nhãn, chất lượng và hậu kiểm theo luật. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 2 Điều 22: giao rà soát danh mục có mô tả kỹ thuật, HS, công dụng, QCVN và biện pháp tương ứng. Bổ sung đánh giá theo từng nhóm trong Báo cáo thực trạng, lập hồ sơ sửa Thông tư số 36/2026/TT-BKHCN theo thẩm quyền sau đánh giá; không coi Nghị định này là văn bản tự động nâng

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			xây dựng cũng chỉ xác định xỉ thép làm vật liệu san lấp là sản phẩm rủi ro cao, còn lại các sản phẩm thép xây dựng khác được hiểu là rủi ro thấp. **2. Tiêu chí phân loại dựa trên việc "đã có QCVN" là chưa khoa học và chưa phản ánh đúng thực tiễn** Theo cách tiếp cận hiện hành, một sản phẩm thép chỉ được coi là có rủi ro trung bình khi đã tồn tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Nói cách khác, việc phân loại rủi ro không dựa trên bản chất, mức độ ảnh hưởng hoặc khả năng gây mất an toàn thực tế của sản phẩm, mà phụ thuộc hoàn toàn vào tiến độ xây dựng quy chuẩn là không hợp lý. Cách tiếp cận này tạo ra một vòng luẩn quẩn: sản phẩm chưa có quy chuẩn thì không được xếp loại rủi ro; không được xếp loại rủi ro thì không bị áp dụng biện pháp quản lý tương xứng; và do không bị quản lý chặt nên không tạo động lực để ban hành quy chuẩn. Hệ quả là nhiều sản phẩm thép có khả năng ảnh hưởng lớn đến an toàn công trình và sức khỏe cộng đồng (như HRC, CRC dùng làm kết cấu chịu lực, các sản phẩm tôn dùng cho mái nhà, ống thép sử dụng làm giàn giáo công trình, thép dự ứng lực cho các công trình chịu lực, v.v..), lại đang được quản lý lỏng lẻo hơn so với một số sản phẩm có mức độ rủi ro thực tế thấp hơn nhưng đã có quy chuẩn. **3. Sản phẩm thép rủi ro cao trên thực tế chưa được xếp loại phù hợp để quản lý** Nhóm sản phẩm như HRC, CRC, thép mạ, tôn, thép hình... trên thực tế tiềm ẩn rủi ro cao hơn so với phân	mức rủi ro.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			loại hiện hành, thể hiện qua các hành vi: - Lẩn tránh xác định nguồn gốc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan hoặc tránh các biện pháp phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp) đang áp dụng với thép nhập khẩu từ một số thị trường; - Sai lệch giữa chất lượng thực tế và tiêu chuẩn công bố trên nhãn hàng hóa (sai mác thép, sai thành phần hóa học, sai độ dày lớp mạ...); - Lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại thông qua thay đổi mã HS, pha trộn hoặc gia công chuyển đổi xuất xứ không đáng kể. Tuy nhiên, vì chưa được xếp vào nhóm rủi ro trung bình hoặc cao theo Thông tư 36, các sản phẩm này hiện không phải chịu cơ chế công bố hợp quy hoặc chứng nhận hợp quy bắt buộc, dẫn đến khoảng trống quản lý đúng vào nhóm sản phẩm cần được kiểm soát chặt chẽ nhất. ⇒ **Kiến nghị:** Tập đoàn Hòa Phát kiến nghị Bộ Khoa học Công nghệ sửa đổi Thông tư 36 theo hướng: (i) bổ sung các nhóm sản phẩm thép nêu trên vào danh mục hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình hoặc cao; và (ii) xây dựng lại tiêu chí phân loại rủi ro trên cơ sở mức độ ảnh hưởng thực tế đến an toàn, sức khỏe và khả năng gian lận xuất xứ/chất lượng của sản phẩm, không phụ thuộc đơn thuần vào việc đã ban hành quy chuẩn kỹ thuật hay chưa.	
18.	**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa**	Kinh nghiệm quốc tế	**Kinh nghiệm quốc tế** Khác với cách tiếp cận hậu kiểm của Dự thảo, nhiều	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu nghiên cứu kinh

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	Phát		quốc gia áp dụng kiểm tra tại nguồn như một điều kiện bắt buộc trước khi sản phẩm thép được thông quan hoặc lưu thông. Ngay tại tài liệu "Báo cáo đánh giá thực trạng quản lý chất lượng thép" mà Ban soạn thảo ban hành cùng bộ Hồ sơ lấy ý kiến về Nghị định đã ghi nhận Indonesia, Ấn Độ, Thái Lan và Malaysia đều lấy tiền kiểm – kiểm tra tại nguồn trước khi nhập khẩu làm cơ chế trọng tâm đối với nhóm thép thuộc tiêu chuẩn bắt buộc: chứng nhận hoặc cấp phép, đánh giá nhà máy và/hoặc thử nghiệm phải được hoàn tất trước khi nhập khẩu, thông quan hoặc đưa hàng ra thị trường. Tuy nhiên, các nước này không chỉ tiền kiểm mà còn duy trì hậu kiểm bằng giám sát định kỳ, kiểm tra đột xuất và lấy mẫu trên thị trường. EU áp dụng cách tiếp cận tương tự: nhà sản xuất phải hoàn thành nghĩa vụ đánh giá sự phù hợp của sản phẩm thông qua một Đơn vị được EU công nhận chức năng kiểm định, lập tuyên bố và gắn CE trước khi lưu thông, và cơ quan nhà nước đồng thời hậu kiểm và giám sát thị trường theo rủi ro. Vậy tại sao các quốc gia này lựa chọn tiền kiểm – đây có phải chỉ nhằm tạo thêm thủ tục hành chính hay không? Trên thực tế, đây không phải là biện pháp được áp dụng tràn lan, thiếu căn cứ, mà được xác định rõ phạm vi, đối tượng áp dụng theo quy định pháp luật của từng nước. Chẳng hạn, Ấn Độ áp dụng bắt buộc kiểm soát chất lượng (chứng nhận BIS/dấu ISI) đối với phần lớn các sản phẩm thuộc Chương 72 (sắt, thép) và một số sản phẩm thuộc Chương 73 (sản phẩm bằng sắt, thép) theo Danh mục quy định tại Lệnh Kiểm soát chất lượng Thép và Sản	nghiệm chứng nhận sản phẩm, đánh giá nhà máy và giám sát thị trường của các nước. Tuy nhiên, cần phân biệt đánh giá cơ sở sản xuất trong hoạt động chứng nhận với xác minh phục vụ hậu kiểm của cơ quan nhà nước. Chưa tiếp thu tiền kiểm và đánh giá định kỳ hằng năm đối với toàn bộ sản phẩm Chương 72, 73: phạm vi này rộng hơn khái niệm sản phẩm thép tại Điều 3, không phân biệt mức rủi ro, chưa có đánh giá sự cần thiết, chi phí và tính tương xứng; đồng thời có thể làm thay đổi chế độ quản lý đã quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Việc nước khác đang áp dụng một cơ chế không tự chứng minh cơ chế đó phù hợp với điều kiện Việt Nam hoặc nghĩa vụ WTO. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Giữ Chương IV theo hướng xác minh có mục tiêu phục vụ hậu kiểm, ưu tiên từ xa; không thiết lập giấy phép nhà máy hoặc chứng nhận định kỳ mới. Không sử dụng nhận định bao trùm toàn bộ Chương 72, 73 hoặc nghĩa vụ CE đối với mọi sản phẩm thép khi chưa kiểm chứng phạm vi áp dụng.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			phẩm thép (Steel and Steel Products Quality Control Order) do Bộ Thép Ấn Độ ban hành năm 2024. Indonesia áp dụng tiền kiểm bắt buộc với các sản phẩm như HRC, CRC, thép hình, dây cáp thép và nhiều sản phẩm khác. Có thể thấy, việc giới hạn phạm vi áp dụng theo nhóm sản phẩm cụ thể, đồng thời phân định rõ trách nhiệm và trình tự thực hiện như trên cho thấy tiền kiểm không đơn thuần là thủ tục hành chính mà được các quốc gia này sử dụng như một công cụ quản lý có mục tiêu cụ thể. Tập đoàn Hoà Phát nhận thấy động cơ chính cho việc lựa chọn tiền kiểm của các quốc gia nêu trên là nhằm: - Ngăn chặn từ gốc rủi ro về chất lượng trước khi hàng hóa được đưa vào sử dụng, tránh hậu quả không thể khắc phục (đặc biệt với thép dùng trong công trình xây dựng, ứng dụng trong cơ khí chế tạo); - Bảo đảm cạnh tranh công bằng giữa hàng nhập khẩu và hàng sản xuất trong nước, vốn đã phải tuân thủ đầy đủ quy chuẩn ngay từ khâu sản xuất; - Hạn chế gian lận xuất xứ, lẩn tránh phòng vệ thương mại ngay tại nguồn, thay vì phải xử lý khi hàng hóa đã phân tán trên thị trường nội địa; - Về thủ tục hành chính, các quốc gia nêu trên không áp dụng tiền kiểm tràn lan cho mọi lô hàng, mà thường chỉ yêu cầu đánh giá, chứng nhận một lần đối với nhà máy/nhà xuất khẩu trước lô hàng đầu tiên, sau đó kết hợp với hậu kiểm định kỳ và cơ chế miễn, giảm kiểm tra cho cơ sở có lịch sử tuân thủ tốt. Qua đó cân bằng được giữa mục tiêu quản lý chất lượng	

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			và chi phí tuân thủ của doanh nghiệp. Chúng tôi xin đính kèm phụ lục tóm tắt sơ đồ Quy trình tiền kiểm – kiểm tra tại nguồn của một số Quốc gia. → Kiến nghị: Chúng tôi xin kiến nghị như sau đối với Dự thảo Nghị định: (i) Quy định lại tại Chương IV của Dự thảo Nghị định theo hướng áp dụng cơ chế kiểm tra chất lượng thép tại nguồn (tiền kiểm) đối với toàn bộ sản phẩm thép thuộc Chương 72, Chương 73 theo Danh mục hài hoá thuế quan nhập khẩu vào Việt Nam, không phân biệt nhóm rủi ro thấp, trung bình hay cao tương tự kinh nghiệm của Indonesia, Thái Lan và Ấn Độ đã dẫn chiếu tại Phụ lục 01. (ii) Dự thảo Nghị định quy định rõ quy trình kiểm tra tại nguồn (trình tự, hồ sơ, cơ quan/tổ chức thực hiện đánh giá, thời hạn cấp chứng nhận/giấy phép...), đồng thời bổ sung cơ chế rà soát, kiểm tra lại định kỳ hàng năm đối với cơ sở sản xuất/nhà xuất khẩu đã được chứng nhận, tương tự cơ chế giám sát định kỳ, hậu kiểm hàng năm mà Indonesia, Thái Lan và Ấn Độ đang áp dụng song song với tiền kiểm. Xem chi tiết kiểm tra tại nguồn tham khảo tại các phụ lục	
19.	**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (HSG)**	Góp ý chung	1. Không áp dụng kiểm tra chất lượng thép cuộn cán nóng (HRC) tại nguồn Khoản 1 Điều 14 Dự thảo giới hạn đối tượng kiểm tra tại nguồn ở cơ sở sản xuất nước ngoài có sản phẩm thép mức độ rủi ro trung bình hoặc cao đã được nhập khẩu, đưa ra lưu thông tại Việt Nam.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu yêu cầu không bổ sung tiền kiểm, đánh giá nhà máy bắt buộc hoặc lấy mẫu HRC tại cảng chỉ vì chủng loại hàng hóa. Cần xem xét chi phí tháo cuộn, cắt

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			HRC thuộc các nhóm mã HS 7208 và 7225 không được liệt kê trong danh mục tại Thông tư số 36/2026/TT-BKHCN. Do đó, HSG đề nghị ghi rõ HRC không thuộc phạm vi kiểm tra tại nguồn trong Dự thảo. HSG không đồng ý áp dụng đối với HRC nội dung về đánh giá nhà máy nước ngoài trước khi cấp chứng nhận chất lượng nêu tại Mục 3.1 trong đề xuất của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA). Đề nghị loại trừ cả kiểm tra tại nguồn và yêu cầu đánh giá, xác nhận hoặc chấp thuận bắt buộc đối với cơ sở sản xuất nước ngoài phục vụ nhập khẩu HRC. 2. Không áp dụng lấy mẫu chất lượng thép cuộn cán nóng (HRC) tại cảng HRC là nguyên liệu đầu vào được lựa chọn theo mác thép, quy cách và yêu cầu công nghệ của cơ sở sử dụng. Việc lấy mẫu tại cảng có thể phải mở đai, tháo cuộn, cắt và đóng gói lại, cần thiết bị và điều kiện thao tác phù hợp; việc chờ thử nghiệm có thể kéo dài thời gian tiếp nhận nguyên liệu, tăng chi phí và ảnh hưởng kế hoạch sản xuất. Các tác động này cần được xem xét khi lựa chọn công cụ quản lý đối với nguyên liệu công nghiệp. HSG không đồng ý áp dụng đối với HRC nội dung về lấy mẫu, thử nghiệm chất lượng tại cảng nêu tại Mục 3.1 trong đề xuất của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA), bao gồm lấy mẫu ngẫu nhiên hoặc lấy mẫu làm điều kiện thông quan. HSG đề nghị quy định trực tiếp điều khoản loại trừ HRC trong Dự thảo; phát huy việc truy xuất lô, hồ sơ chất lượng và trách	mẫu, bảo quản, lưu kho và gián đoạn sản xuất khi lựa chọn biện pháp kiểm tra. Tuy nhiên, không loại trừ tuyệt đối mọi HRC khỏi hoạt động kiểm tra, lấy mẫu và xác minh khi có căn cứ pháp luật. Mã HS thuộc nhóm 7208, 7225 không thay thế mô tả kỹ thuật, phạm vi quy chuẩn và danh mục rủi ro áp dụng. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Giữ khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 14 theo mức độ rủi ro tại danh mục có hiệu lực; sản phẩm không thuộc nhóm trung bình hoặc cao không thuộc đối tượng lựa chọn xác minh theo khoản 1 Điều 14. Không lập danh mục miễn riêng cho toàn bộ HRC. Khoản 1 Điều 13 quy định xác minh tại nguồn phục vụ hậu kiểm, không làm điều kiện thông quan hoặc điều kiện bắt buộc cho lần nhập khẩu tiếp theo. Việc kiểm tra, lấy mẫu tại cảng chỉ thực hiện khi có căn cứ, đúng thẩm quyền và phương thức theo pháp luật; không bổ sung cơ chế lấy mẫu HRC đại trà trong Nghị định.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			nhiệm của cơ sở sử dụng nguyên liệu trong quản lý chuỗi sản xuất.	
20.	**Công ty Cổ phần Tôn Đông Á**	Góp ý chung	Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Tôn Đông Á luôn hoạt động trên tinh thần thượng tôn pháp luật. Công ty nghiêm túc chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cũng như các hướng dẫn, chỉ đạo của các cơ quan quản lý nhà nước trong sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh. Tôn Đông Á hoàn toàn nhất trí và ủng hộ chủ trương xây dựng Nghị định quản lý chất lượng thép, cũng như việc kiểm soát chặt chẽ sản phẩm thép kém chất lượng, gian lận xuất xứ và gian lận thương mại. Đây là yêu cầu chính đáng nhằm bảo vệ người tiêu dùng và môi trường cạnh tranh lành mạnh. Tôn Đông Á đặc biệt đánh giá cao các nguyên tắc mà Ban soạn thảo đã xác lập trong Dự thảo, cụ thể: Quản lý dựa trên mức độ rủi ro và lịch sử tuân thủ; không phân biệt đối xử theo xuất xứ; không tạo rào cản kỹ thuật không cần thiết đối với thương mại (khoản 2 Điều 4); Không phát sinh giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận hoặc thành phần hồ sơ riêng đối với sản phẩm thép (khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 10); Kiểm tra chất lượng thép tại nguồn là biện pháp hậu kiểm theo rủi ro, không phải điều kiện thông quan và không phải thủ tục hành chính đối với người	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Ghi nhận đặc điểm sử dụng HRC làm nguyên liệu và các tác động về thời gian, chi phí lấy mẫu, lưu kho, vốn lưu động và khả năng duy trì chuỗi cung ứng. Không đồng nhất năng lực sản xuất trong nước, lượng nhập khẩu hoặc xuất xứ với rủi ro chất lượng. Tuy nhiên, đặc điểm là nguyên liệu đầu vào không đủ căn cứ để miễn tuyệt đối mọi biện pháp kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc nguy cơ mất an toàn. Kiểm soát thành phẩm cũng không đương nhiên thay thế việc đáp ứng yêu cầu bắt buộc đối với nguyên liệu nếu pháp luật có quy định. Đề xuất chỉnh sửa: Giữ nguyên tắc tại Điều 4; chỉnh lý Điều 10, Điều 13 và Điều 14 theo hướng không thiết lập giấy phép nhập khẩu thép, không coi kiểm tra tại nguồn là điều kiện thông quan; việc lựa chọn kiểm tra phải có hồ sơ phân tích rủi ro. Bổ sung: "Không áp dụng kiểm tra tại nguồn chỉ vì hàng hóa là thép cuộn cán nóng, được nhập khẩu lần đầu hoặc có xuất xứ từ một quốc

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			nhập khẩu (khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 13); Không lựa chọn kiểm tra tại nguồn chỉ vì sản phẩm được nhập khẩu lần đầu hoặc chỉ vì xuất xứ hàng hóa (khoản 4 Điều 14). Tuy nhiên, nếu các đề xuất tại Mục 3.1 và Mục 3.2 của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA) được tiếp thu và áp dụng đối với HRC, Nghị định sẽ gây ra những khó khăn đáng kể cho doanh nghiệp nói riêng, cho ngành thép nói chung và ảnh hưởng trực tiếp đến chuỗi cung ứng ngành thép, như trình bày dưới đây. II. NHỮNG KHÓ KHĂN, TÁC ĐỘNG NẾU ÁP DỤNG ĐỀ XUẤT CỦA VSA ĐỐI VỚI HRC 1. Đối với doanh nghiệp sản xuất hạ nguồn HRC là nguyên liệu đầu vào được lựa chọn theo mác thép, quy cách và yêu cầu công nghệ của từng dây chuyền cán nguội, mạ kẽm, mạ nhôm kẽm và sơn màu. Tôn Đông Á hiện kiểm soát HRC thông qua hợp đồng và tiêu chuẩn kỹ thuật, chứng thư chất lượng của nhà sản xuất (MTC), mã mẻ luyện, mã cuộn, thành phần hóa học, cơ tính, kích thước - dung sai và kiểm tra đầu vào trước khi đưa vào dây chuyền. Đây là hệ thống kiểm soát có khả năng truy xuất và xác định trách nhiệm cụ thể, phù hợp để làm nền tảng cho cơ chế hậu kiểm theo rủi ro. Việc áp dụng đồng thời ba biện pháp theo đề xuất của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA) sẽ phát sinh các khó khăn sau:	gia, vùng lãnh thổ nhất định. Việc lấy mẫu, thử nghiệm thực hiện theo pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, phù hợp đối tượng, mức độ rủi ro và yêu cầu kỹ thuật áp dụng; sử dụng lại kết quả hợp pháp, còn giá trị và đáp ứng phạm vi đánh giá.” Phạm vi áp dụng: Khoản 1 Điều 14 chỉ áp dụng đối với sản phẩm thuộc nhóm rủi ro trung bình hoặc cao theo danh mục có hiệu lực. HRC không thuộc các nhóm này không được lựa chọn xác minh theo điều khoản đó; hoạt động kiểm tra khác, nếu có, phải có căn cứ pháp luật riêng, không suy rộng từ Chương IV.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			Kéo dài thời gian tiếp cận nguyên liệu: yêu cầu đánh giá nhà máy nước ngoài trước khi cấp chứng nhận chất lượng sẽ làm gián đoạn hoặc trì hoãn việc ký kết, thực hiện hợp đồng mua HRC với các nhà cung cấp đã có quan hệ ổn định. Tăng chi phí và rủi ro tại cảng: việc lấy mẫu HRC phải tháo đai, tháo cuộn, cắt mẫu và đóng gói lại, đòi hỏi thiết bị chuyên dụng; thời gian chờ thử nghiệm làm phát sinh chi phí lưu kho, lưu bãi và nguy cơ hư hỏng bề mặt cuộn thép. Phát sinh thêm thủ tục hành chính: giấy phép nhập khẩu theo từng nhà xuất khẩu là một thủ tục tiền kiểm mới, làm tăng chi phí tuân thủ nhưng không thay thế được việc xác định chất lượng thực tế của sản phẩm. Ảnh hưởng đến chất lượng thép cuộn cán nóng (HRC): việc kiểm nghiệm HRC tại cảng sẽ kéo dài thời gian nhận hàng, làm tăng nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa, đặc biệt là nguy cơ gỉ sét trong thời gian lưu cảng; đồng thời làm phát sinh thêm chi phí lưu kho, lưu bãi và chi phí sản xuất. Ảnh hưởng kế hoạch sản xuất và đơn hàng xuất khẩu: nguyên liệu về chậm làm gián đoạn dây chuyền, ảnh hưởng tiến độ giao hàng cho khách hàng trong nước và các đơn hàng xuất khẩu đã cam kết. Trùng lặp trong việc kiểm soát chất lượng: thép cuộn cán nóng (HRC) nhập khẩu đối với các nhà sản xuất ở hạ nguồn tiếp tục được đưa vào tẩy gỉ, cán nguội, ủ, mạ kim loại, sơn phủ, chia cuộn và kiểm tra trước khi hình thành sản phẩm cuối cùng. Đặc	

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			tính kỹ thuật của thành phẩm được tạo lập và kiểm soát qua toàn bộ quá trình này. Vì vậy, nếu sản phẩm thép mạ thành phẩm đã được kiểm soát theo tiêu chuẩn áp dụng, việc tiếp tục kiểm tra bắt buộc từng lô HRC tại cửa khẩu sẽ tạo ra hai tầng kiểm soát trùng lặp nhưng chưa chắc làm tăng tương ứng hiệu quả quản lý. 2. Đối với ngành thép nói chung Nguồn cung HRC trong nước hiện chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của sản xuất hạ nguồn về sản lượng, chủng loại, mác thép và quy cách. Việc bổ sung các biện pháp quản lý làm gia tăng hạn chế đối với HRC nhập khẩu có thể thu hẹp lựa chọn nguyên liệu, làm giảm tính cạnh tranh lành mạnh trên thị trường và tăng sự phụ thuộc vào một số ít nhà cung cấp. Việc trong nước đã có năng lực sản xuất HRC không phải là căn cứ kỹ thuật để mặc nhiên xác định HRC nhập khẩu có rủi ro chất lượng. Mục tiêu bảo đảm chất lượng cần được phân biệt với mục tiêu điều tiết thương mại; nếu phát sinh hành vi bán phá giá, trợ cấp hoặc gia tăng nhập khẩu gây thiệt hại, các công cụ phòng vệ thương mại phải được xem xét theo đúng pháp luật chuyên ngành, thay vì thiết lập thủ tục chất lượng có tác dụng hạn chế nhập khẩu gián tiếp. Bên cạnh đó, khi cần bảo vệ sản xuất trong nước trước hành vi cạnh tranh không lành mạnh, pháp luật đã có công cụ phòng vệ thương mại riêng theo Luật Quản lý ngoại thương. Trên thực tế, HRC nhập khẩu từ một số nguồn đã và đang chịu thuế chống bán phá	

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			giá theo quyết định của Bộ Công Thương. Tôn Đông Á cho rằng công cụ quản lý chất lượng cần giữ đúng mục tiêu bảo đảm an toàn, chất lượng, không được sử dụng như một hàng rào hạn chế nhập khẩu, phù hợp với nguyên tắc tại khoản 2 Điều 4 Dự thảo và cam kết quốc tế của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại. 3. Đối với chuỗi cung ứng ngành thép HRC là mắt xích đầu tiên của chuỗi giá trị thép cán phẳng: từ thép cán nguội, tôn mạ, tôn màu, ống thép đến cơ khí chế tạo, xây dựng và xuất khẩu. Một điểm nghẽn ở khâu nhập khẩu nguyên liệu sẽ lan truyền xuống toàn bộ chuỗi, làm tăng giá thành sản phẩm cho người tiêu dùng trong nước và suy giảm năng lực cạnh tranh của thép Việt Nam trên thị trường xuất khẩu. Đối với hàng xuất khẩu, chi phí và thời gian phát sinh ở khâu nhập khẩu HRC không thể dễ dàng chuyển vào giá bán do doanh nghiệp phải cạnh tranh trực tiếp trên thị trường quốc tế. Vì vậy, biện pháp tiền kiểm diện rộng có thể làm giảm khả năng nhận đơn hàng, kéo dài thời gian giao hàng và suy giảm sức cạnh tranh của chính ngành thép hạ nguồn trong nước.	
21.	**Bộ Y tế**	"Kiểm tra chất lượng thép tại nguồn" (Chương IV)	Cơ quan soạn thảo nội dung này nhằm mục tiêu tăng cường hậu kiểm, xác minh tính xác thực của hồ sơ chất lượng và truy xuất nguyên nhân sự không phù hợp của thép nhập khẩu. Tuy nhiên, để bảo đảm tính hợp pháp, khả thi và phù hợp với chủ trương cải cách	**Tiếp thu và thu hẹp cơ chế tại nguồn.** Lý do: Tiếp thu yêu cầu làm rõ thẩm quyền, điều kiện làm việc ở nước ngoài, hiệu quả và nguồn lực. Thẩm

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			thủ tục hành chính, Bộ Y tế đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc thêm một số nội dung sau: - Về cơ sở pháp lý: Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ căn cứ tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15) cho việc cơ quan quản lý nhà nước tổ chức kiểm tra tại cơ sở sản xuất ở nước ngoài; Trường hợp Luật chưa quy định cụ thể nội dung này, đề nghị cân nhắc để bảo đảm Nghị định không phát sinh thẩm quyền ngoài phạm vi được Luật giao. - Về sự phù hợp với định hướng cải cách: Thời gian qua, quản lý chất lượng thép nhập khẩu đã có bước chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm; Thông tư số 18/2017/TT-BCT đã bãi bỏ phần lớn các quy định về thủ tục kiểm tra thép nhập khẩu tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN. Mặc dù dự thảo đã xác định kiểm tra tại nguồn không phải là điều kiện thông quan hay thủ tục hành chính, cơ chế này vẫn có thể được doanh nghiệp và đối tác thương mại hiểu là một hình thức kiểm soát bổ sung; Đề nghị cơ quan soạn thảo đánh giá kỹ tác động, bảo đảm không làm phát sinh rào cản kỹ thuật không cần thiết đối với thương mại, phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Về nguồn lực và tính khả thi: Việc tổ chức các đoàn công tác ra nước ngoài đòi hỏi kinh phí, nhân lực chuyên môn và sự chấp thuận của cơ sở sản xuất cũng như cơ quan có thẩm quyền nước sở tại. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung đánh giá về chi phí, hiệu quả và khả năng thực hiện trên thực tế.	quyền hậu kiểm trong nước không tự tạo quyền cưỡng chế ngoài lãnh thổ. Giữ phương án xác minh hỗ trợ hậu kiểm chỉ trong giới hạn hợp tác hợp pháp; ưu tiên trao đổi dữ liệu và kết quả được thừa nhận. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 6 Điều 3, Điều 13, Điều 15, Điều 17, Điều 20: xác minh từ xa là ưu tiên; trực tiếp ở nước ngoài chỉ khi có cơ sở pháp lý, hợp tác, dự toán và hiệu quả được chứng minh.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			Trên cơ sở các nội dung nêu trên, Bộ Y tế đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc quy định này tại Nghị định. Thay vào đó, có thể ưu tiên các biện pháp như tăng cường hậu kiểm trong nước, thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp, và hợp tác trao đổi thông tin với cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu	
22.	**Bộ Công Thương**	Cơ chế kiểm tra tại nguồn	Cần đánh giá hiệu quả của việc kiểm tra đánh giá tại nguồn trước đây, sự cần thiết đánh giá tại nguồn; các quy định hiện hành về dữ liệu truy xuất nguồn gốc để làm cơ sở, xây dựng chương IV dự thảo nghị định (kiểm tra từ xa, đánh giá trực tiếp, định mức kinh tế-kỹ thuật/chi phí kiểm tra...).	**Tiếp thu.** Lý do: Hoạt động xác minh tại nguồn chỉ có cơ sở khi làm rõ được thông tin cần xác minh, giá trị bổ sung so với hậu kiểm trong nước và hiệu quả sử dụng nguồn lực. Nhu cầu quản lý chung hoặc kinh nghiệm nước ngoài chưa đủ để chứng minh sự cần thiết tổ chức đoàn trực tiếp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Điều 13 và khoản 1 Điều 17 ưu tiên đối chiếu hồ sơ, dữ liệu và trao đổi từ xa; khoản 3 Điều 14, khoản 2 Điều 15 yêu cầu hồ sơ phân tích rủi ro, phương án thực hiện và xem xét về pháp lý, hợp tác, tài chính. Điều 20 quy định kinh phí theo dự toán và chế độ chi hiện hành. Đề nghị bổ sung vào Báo cáo đánh giá thực trạng số liệu các đợt kiểm tra trước đây, kết quả phát hiện, chi phí và khả năng xác minh từ xa; số liệu chưa có phải nêu rõ giới hạn, không

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				suy đoán để chứng minh hiệu quả. Không ban hành định mức chi mới hoặc khoản thu đối với doanh nghiệp trong Nghị định này.
23.	**Bộ Xây dựng**	Cơ chế kiểm tra tại nguồn	Đề nghị rà soát kỹ Chương IV về mục tiêu, tiêu chí lựa chọn, phương pháp kiểm tra, thẩm quyền, chi phí và tính khả thi của hoạt động kiểm tra tại nguồn, nhất là trường hợp kiểm tra tại cơ sở sản xuất ở nước ngoài. Lượng hóa tiêu chí lựa chọn kiểm tra tại nguồn theo mức độ rủi ro; quy định thời hạn xem xét lại sau khi cơ sở khắc phục, thành phần đoàn kiểm tra phù hợp với nhóm sản phẩm và cơ chế chia sẻ kết quả với bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan. Đánh giá tác động về chi phí, nguồn kinh phí, nhân lực, năng lực thử nghiệm, khả năng phối hợp với cơ quan và nhà sản xuất nước ngoài; đồng thời có biện pháp phòng ngừa xung đột lợi ích, tiêu cực trong quá trình kiểm tra. Trường hợp cơ sở sản xuất ở nước ngoài từ chối phối hợp kiểm tra tại nguồn mà không có lý do chính đáng, đề nghị nghiên cứu cơ chế chuyển lô hàng sang chế độ kiểm tra chặt tại cửa khẩu hoặc áp dụng biện pháp quản lý rủi ro tương ứng, thay vì tạo thủ tục không thể thực hiện.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu tiêu chí rủi ro, tỷ lệ lô, nhân sự, chi phí, xung đột lợi ích, chia sẻ kết quả và xem xét khắc phục. Không đặt ngưỡng điểm cứng chưa được thử nghiệm. Không tự động chuyển toàn bộ lô sang kiểm tra chặt vì cơ sở không hợp tác; thay đổi chế độ phải đáp ứng căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa điểm b, điểm e khoản 2 và khoản 3 Điều 14; Điều 15 về hồ sơ, nhân sự, khai báo lợi ích; khoản 4 Điều 17; khoản 4 Điều 19 về cơ quan nhận bằng chứng, thời hạn 10 ngày làm việc khi đủ bằng chứng; Điều 20 về dự toán.
24.	**UBND Tuyên Quang**	Về cơ chế kiểm tra chất lượng thép tại nguồn	- Về cơ sở pháp lý quốc tế: Theo nguyên tắc bình đẳng chủ quyền và nguyên tắc lãnh thổ của luật quốc tế, việc một đoàn kiểm tra của cơ quan hành chính Việt Nam trực tiếp sang kiểm tra, lấy mẫu tại cơ sở sản xuất đặt trên lãnh thổ quốc gia khác là hành vi thực thi quyền hành pháp ngoài lãnh thổ, chỉ có thể thực hiện hợp pháp khi có điều ước hoặc thỏa thuận	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu yêu cầu làm rõ cơ sở hợp tác, bảo đảm chủ quyền, không phân biệt đối xử, hiệu quả chi phí và quyền giải trình. Sự đồng ý của doanh nghiệp không thay thế

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			quốc tế cho phép. Điều 13.1 và Điều 15.3 dự thảo lại đặt cơ sở thực hiện trên "sự phối hợp" và "thống nhất" với chính cơ sở sản xuất (một chủ thể tư); Sự đồng ý của doanh nghiệp tư nhân nước ngoài không thể thay thế cho sự cho phép của chính phủ nước sở tại. Nếu triển khai mà không có thỏa thuận song phương, rủi ro bị coi là can thiệp công việc nội bộ, phát sinh căng thẳng ngoại giao với các thị trường nhập khẩu thép chủ lực. - Về nguy cơ phân biệt đối xử: Nếu cơ chế chỉ thực hiện được với một số quốc gia nơi doanh nghiệp "đồng ý" hoặc pháp luật sở tại cho phép mà không áp dụng được với quốc gia khác, có thể bị coi là biện pháp không nhất quán, tiềm ẩn vi phạm nguyên tắc đối xử tối huệ quốc trong khuôn khổ WTO và các hiệp định thương mại tự do đã ký kết. - Về hiệu quả so với chi phí/rủi ro: Điều 19 xác định kết quả kiểm tra tại nguồn chỉ là "nguồn thông tin hậu kiểm", không phải chứng nhận, không thay thế đánh giá sự phù hợp và không tự động phát sinh quyền miễn, giảm kiểm tra. Với giá trị pháp lý hạn chế như vậy, cần cân nhắc lại tính tương xứng giữa rủi ro ngoại giao, chi phí tổ chức đoàn kiểm tra ở nước ngoài với lợi ích quản lý thu được. - Về quyền của đối tượng bị kiểm tra: Chương IV chưa có điều khoản về quyền khiếu nại, kiến nghị xem xét lại kết luận trong báo cáo kết quả kiểm tra (Điều 18), trong khi kết luận này có thể dẫn tới hệ quả bất lợi như tăng cường kiểm tra, cảnh báo, thu hồi sản phẩm đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu.	điều kiện pháp lý cho hoạt động tại nước sở tại. Ưu tiên trao đổi dữ liệu, hợp tác với cơ quan có thẩm quyền và sử dụng kết quả được thừa nhận hợp pháp; chỉ xác minh trực tiếp khi có căn cứ, sự cần thiết và điều kiện hợp tác phù hợp. Việc không tiếp đoàn không tự động làm phát sinh chế độ kiểm tra bất lợi; tiêu chí rủi ro được áp dụng nhất quán trong các tình huống tương đương. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Chỉnh lý khoản 6 Điều 3, Điều 13, Điều 15, Điều 17 và Điều 20 về mục đích hậu kiểm, giới hạn hoạt động ở nước ngoài, ưu tiên phương thức từ xa và đánh giá chi phí. Khoản 5 Điều 18 bổ sung quyền kiến nghị xem xét lại báo cáo và bảo đảm quyền khiếu nại, khởi kiện; khoản 3 Điều 10 quy định sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp được thừa nhận hợp pháp.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			Đề nghị ban soạn thảo: - Thay thế hoặc bổ sung song song cơ chế thừa nhận lẫn nhau (ký thỏa thuận song phương/đa phương về công nhận kết quả đánh giá sự phù hợp) làm phương án chính, hạn chế việc tổ chức đoàn kiểm tra trực tiếp ở nước ngoài, trường hợp thật sự cần thiết và chỉ thực hiện trên cơ sở văn bản hợp tác với cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại, không chỉ dựa vào sự đồng ý của doanh nghiệp. - Làm rõ tiêu chí áp dụng nhất quán giữa các quốc gia/thị trường để tránh rủi ro bị coi là phân biệt đối xử.	
25.	**UBND tỉnh Khánh Hòa**	Kiểm tra thép tại nguồn	Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung tại Chương IV của dự thảo Nghị định điều khoản quy định về kiểm tra chất lượng hàng hóa thép lưu thông trên thị trường đồng bộ với quy định kiểm tra chất lượng thép tại nguồn, nhằm thiết lập khuôn khổ quản lý thống nhất đối với chất lượng thép trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường; thống nhất, giao đầu mối trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng thép và quy định rõ trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan, UBND cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ; nâng cao hiệu quả phòng ngừa, phát hiện, cảnh báo, truy xuất, thu hồi và xử lý sản phẩm thép không phù hợp; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và lợi ích công cộng.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu liên kết hậu kiểm lưu thông với cảnh báo và xử lý tại nguồn. Không xây dựng lại toàn bộ thủ tục kiểm tra thị trường ở Chương IV vì đã có luật và Nghị định số 37/2026/NĐ-CP; lặp lại dễ khác biệt về thẩm quyền, thời hạn. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa Điều 19 về sử dụng kết quả và chuyển thông tin; Điều 23, Điều 24 về phối hợp hậu kiểm, khoanh vùng, thu hồi. Dẫn chiếu kiểm tra lưu thông theo pháp luật hiện hành tại Điều 1 và Điều 10, không tạo quy trình riêng cho thép.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
26.	**UBND Đắk Lắk**	Về cơ chế kiểm tra chất lượng thép tại nguồn	Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, định hướng tiếp cận đối với hoạt động kiểm tra chất lượng thép tại nguồn theo hướng: - Về phương thức, cách thức thực hiện: Nên xem xét quy định hình thức thực hiện bằng phương thức rà soát hồ sơ, đối chiếu thông tin điện tử từ xa hoặc ủy quyền cho tổ chức đánh giá sự phù hợp quốc tế được thừa nhận thực hiện giám sát tại nước sở tại; thay thế cho phương thức thành lập đoàn kiểm tra trực tiếp tại hiện trường nước ngoài. - Về tổ chức thực hiện: Chuyển đổi mô hình vận hành từ "Thành lập đoàn công tác đi kiểm tra trực tiếp ngoài lãnh thổ" sang hình thức "Thành lập Hội đồng thẩm tra dữ liệu từ xa tại Việt Nam" để định kỳ hoặc đột xuất đánh giá hồ sơ. Trường hợp phát hiện rủi ro nghiêm trọng tại cửa khẩu, cơ quan quản lý thực hiện ủy quyền cho các tổ chức chứng nhận quốc tế độc lập hoạt động hợp pháp tại bản xứ tiến hành xác minh hiện trường. - Về kinh phí thực hiện: Quy định cơ chế tài chính tách biệt: Ngân sách nhà nước chỉ bảo đảm chi phí cho hoạt động rà soát, thẩm tra dữ liệu từ xa của Hội đồng tại Việt Nam; chi phí phát sinh liên quan đến việc thuê tổ chức quốc tế độc lập kiểm tra hiện trường đột xuất hoặc chi phí thử nghiệm đối chứng khi có dấu hiệu vi phạm phải do đơn vị nhập khẩu lô hàng đó chi trả nếu có vi phạm tại nguồn.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu ưu tiên rà soát dữ liệu từ xa và thuê tổ chức độc lập có năng lực khi cần thiết. Chưa tiếp thu lập Hội đồng thường trực hoặc ủy quyền quyền kiểm tra hành chính cho tổ chức quốc tế: dễ tạo đầu mối mới, không thay thế thẩm quyền luật định. Chi phí do người vi phạm chịu chỉ trong phạm vi pháp luật quy định, không buộc trả toàn bộ thuê tư vấn hoặc công tác chỉ vì kết luận có vi phạm. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa Điều 15 về chuyên gia hỗ trợ, khoản 1 Điều 17 về phương thức, Điều 20 về kinh phí. Không bổ sung cơ chế Hội đồng hoặc cơ chế thu phí mới. Hồ sơ phân tích hiệu quả và lựa chọn nhà cung cấp theo pháp luật tài chính, đấu thầu có liên quan.
27.	**Công ty Cổ phần tôn Đông Á**		1. Kết quả đánh giá sự phù hợp, công bố hợp quy, kiểm tra và quyết định chỉ định, thừa nhận được ban	**Tiếp thu** về nguyên tắc bảo đảm tính liên tục và quyền lợi hợp pháp

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			hành, tiếp nhận hợp pháp trước ngày Nghị định có hiệu lực tiếp tục được sử dụng, quản lý, giám sát trong phạm vi, thời hạn còn giá trị theo quy định áp dụng; không yêu cầu thực hiện lại chỉ vì thay đổi đầu mối quản lý. Việc đình chỉ, thu hồi, sửa đổi hoặc chấm dứt sử dụng phải có căn cứ, đúng thẩm quyền và trình tự pháp luật, không áp dụng cụm từ không còn bảo đảm như một căn cứ độc lập. 2. Quy chuẩn, danh mục, văn bản quản lý hiện hành tiếp tục áp dụng trong phạm vi không trái văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn và Nghị định này. Trong 12 tháng từ ngày Nghị định có hiệu lực, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các bộ rà soát, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý quy chuẩn, danh mục, thủ tục và văn bản giao nhiệm vụ có liên quan; xác định rõ sản phẩm, chỉ tiêu và quy định giao thoa, không mặc nhiên coi mọi quy chuẩn về thép là tương đương. 3. Trước ngày có hiệu lực, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp các bộ công khai cơ quan tiếp nhận hồ sơ mới đối với từng nhóm sản phẩm theo phân công của Nghị định này. Cơ quan đã tiếp nhận hồ sơ trước ngày có hiệu lực tiếp tục giải quyết theo quy định áp dụng, trừ trường hợp pháp luật chuyển tiếp có quy định khác; không yêu cầu nộp lại. Trong 30 ngày từ ngày có hiệu lực, cơ quan bàn giao và tiếp nhận hoàn thành bàn giao hồ sơ, dữ liệu quản lý, danh sách tổ chức được chỉ định, thừa nhận; ưu tiên bàn giao điện tử. Cơ quan tiếp nhận chịu trách nhiệm quản lý, giám sát sau bàn giao; kết quả và dữ liệu	của doanh nghiệp. Khoản 1 đến khoản 6 Điều 26 của dự thảo đã quy định hiệu lực của kết quả đánh giá sự phù hợp, tiếp nhận hồ sơ, bàn giao dữ liệu và sử dụng chứng từ hợp pháp. Giữ thời hạn 12 tháng rà soát văn bản và 30 ngày bàn giao dữ liệu; không đặt ra yêu cầu làm lại chứng nhận chỉ do thay đổi cơ quan quản lý.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			được chuyển, cập nhật cho Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Nghị định này. 4. Đối với hàng đã được sản xuất, nhập khẩu hoặc lưu thông hợp pháp trước thời điểm áp dụng yêu cầu nhận diện, liên kết hồ sơ mới, tiếp tục sử dụng thông tin, chứng từ hợp pháp hiện có; không buộc khôi phục mã mẻ, mã lô không thể có từ trước. Khi tiếp tục chia tách, gia công, phải liên kết với hồ sơ hiện có trong khả năng chứng minh hợp pháp. Quy định này không hợp thức hóa hồ sơ giả mạo, không miễn nghĩa vụ xử lý sản phẩm không phù hợp hoặc nguy hiểm. 5. Định danh, xác thực, truy xuất trên môi trường số thực hiện theo danh mục, phương thức, lộ trình và điều khoản chuyển tiếp của Nghị định số 372/2026/NĐ-CP và Nghị định số 37/2026/NĐ-CP; hộ chiếu số theo lộ trình được phê duyệt đúng thẩm quyền tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Dữ liệu môi trường, phát thải, vật liệu tái chế chỉ bắt buộc khi có quy định, phương pháp và thời điểm áp dụng tương ứng. Không yêu cầu hồi tố dữ liệu ngoài nghĩa vụ tại thời điểm phát sinh, trừ trường hợp luật có quy định khác. 6. Trong thời gian rà soát, kết quả hợp pháp về cùng chỉ tiêu, cùng sản phẩm được sử dụng theo khoản 5 Điều 5; chỉ thực hiện bổ sung phần yêu cầu còn thiếu. Việc xử lý hồ sơ, bàn giao không được làm gián đoạn hoạt động hợp pháp hoặc trì hoãn áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.	

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh				
28.	**Bộ Quốc phòng**	Điều 1	Đề nghị bổ sung một khoản quy định về sản phẩm thép phục vụ mục đích quốc phòng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này. Lý do: Khoản 3 Điều 6a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15 quy định "Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể việc thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý phù hợp với yêu câu, nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh sau khi trao đổi, thống nhất với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ"; mặt khác từ thực tiễn thép phục vụ quốc phòng có yêu cầu cao về thành phần hóa học, tính đồng nhất của vật liệu, khả năng chịu nhiệt, áp lực, va đập, tác động của môi trường khắc nghiệt,...;	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu cơ chế quản lý quốc phòng theo khoản 3 Điều 6a của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Không gộp thêm miễn cho nguyên liệu gia công xuất khẩu vào ý kiến quốc phòng vì khác căn cứ, phạm vi. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 3 Điều 1 dẫn chiếu quản lý sản phẩm thuộc phạm vi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; giữ các trường hợp miễn kiểm tra nhập khẩu tại khoản 5 Điều 1 theo Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.
29.	**Thanh tra Chính phủ**	Khoản 2 Điều 1	Dự thảo Nghị định xác định phạm vi áp dụng "trừ trường hợp Nghị định này có quy định đặc thù". Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ dự thảo Nghị định để xác định cụ thể từng nội dung được coi là "đặc thù", tránh tình trạng quy định nêu trên tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định tạo thành một quy định mở, qua đó cho phép Nghị định thiết lập các cơ chế quản lý riêng đối với thép mà không xác định rõ căn cứ pháp lý và giới hạn thẩm quyền. Trường hợp dự thảo không có quy định đặc thù khác với pháp luật chung thì đề nghị bỏ cum từ "trừ trường hợp Nghị định này có quy định đặc thù" để bảo đảm rõ ràng về phạm vi điều chỉnh và tránh cách hiểu Nghị	**Tiếp thu.** Lý do: Cụm từ trừ trường hợp Nghị định này có quy định đặc thù không thể tạo ngoại lệ đối với luật. Phạm vi cần xác định trực tiếp, các nghĩa vụ dữ liệu và quản lý phải đúng căn cứ, thẩm quyền. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bỏ cụm từ cuối khoản 2 Điều 1; dẫn chiếu pháp luật chung. Phân định nội dung và lộ trình ở Điều 6–9, Điều 10–12; thu hẹp xác minh

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			định có thể đặt ra ngoại lệ đối với quy định của Luật.	ngoài nước tại Điều 13.
30.	**Vụ Pháp chế, Bộ KH&CN**	Khoản 2 Điều 1	dự thảo Nghị định quy định việc thực hiện các nội dung quản lý chất lượng theo pháp luật hiện hành, "trừ trường hợp Nghị định này có quy định đặc thù". Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn và các nội dung về quy định đặc thù tại dự thảo Nghị định.	**Tiếp thu.** Lý do: Cụm từ "trừ trường hợp Nghị định này có quy định đặc thù" chưa xác định giới hạn áp dụng, có thể được hiểu là cho phép loại trừ quy định của luật hoặc pháp luật chuyên ngành. Tính đặc thù phải được chứng minh bằng yêu cầu quản lý thép theo mẻ luyện, lô sản phẩm, quá trình gia công và rủi ro chất lượng; không tự tạo căn cứ để đặt thêm điều kiện kinh doanh hoặc thủ tục. Đề xuất sửa khoản 2 Điều 1: "Các nội dung về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá sự phù hợp, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng, ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc và hộ chiếu số của sản phẩm thép thực hiện theo pháp luật có liên quan. Các yêu cầu cụ thể về quản lý chất lượng thép tại Nghị định này được thực hiện phù hợp với quy định của luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên." Bổ sung vào Bản thuyết minh bảng đối chiếu từng yêu cầu tại Điều 6,

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				Điều 7, Điều 8 và các điều về kiểm tra tại nguồn với căn cứ về nội dung, thẩm quyền và thực tiễn. Nội dung không đủ căn cứ phải bỏ hoặc chuyển thành biện pháp khuyến khích; nếu cần sửa quy định của nghị định khác, phải xác định rõ điều khoản được sửa và thể hiện đúng kỹ thuật lập pháp.
31.	**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (HSG)**	Khoản 3 Điều 1	- Bổ sung khoản 3 Điều 1 Dự thảo về loại trừ thép cuộn cán nóng (HRC); đồng thời chỉnh lý, dẫn chiếu tại Điều 10, Điều 14 và các điều khoản liên quan. HSG đề xuất nội dung: *"3. Thép cuộn cán nóng (HRC) thuộc các mã HS chi tiết trong nhóm 7208 và 7225 không thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp sau đây theo Nghị định này: a) Kiểm tra chất lượng tại nguồn hoặc đánh giá bắt buộc tại cơ sở sản xuất nước ngoài phục vụ nhập khẩu; b) Lấy mẫu, thử nghiệm chất lượng tại cảng hoặc cửa khẩu nhập khẩu; c) Cấp giấy phép nhập khẩu thép.* *Phạm vi HRC được xác định theo mô tả sản phẩm là thép cán phẳng dạng cuộn, chưa gia công quá mức cán nóng và mã HS chi tiết tương ứng. Không yêu cầu giấy xác nhận, đăng ký hoặc văn bản chấp thuận riêng để được áp dụng quy định loại trừ này."* - Rà soát các quy định về kiểm tra tại nguồn, nhận diện hồ sơ, nhãn và thông quan trong Dự thảo để bảo đảm không có điều khoản khác làm phát sinh lại ba	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu mục tiêu tránh tiền kiểm diện rộng và thủ tục trùng lặp đối với tép cuộn cán nóng (HRC). Chưa tiếp thu việc loại trừ tuyệt đối kiểm tra tại nguồn và lấy mẫu tại cảng, cửa khẩu vì có thể làm mất công cụ kiểm soát khi có bằng chứng vi phạm hoặc rủi ro cao; việc miễn, giảm kiểm tra phải theo điều kiện pháp luật quy định. Hai nhóm HS 7208 và 7225 có phạm vi rộng, không thể sử dụng riêng mã nhóm để xác định toàn bộ đối tượng được loại trừ. Nghị định không thiết lập giấy phép nhập khẩu thép nên không cần tạo cơ chế xin xác nhận miễn giấy phép. Đề xuất chỉnh lý Điều 10, Điều 13, Điều 14: "Không thiết lập giấy phép nhập khẩu thép hoặc yêu cầu đánh

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			biện pháp đối với HRC dưới tên gọi hoặc hình thức tương đương. Việc cụ thể hóa mã HS chi tiết phải phù hợp mô tả HRC và Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. - Đề nghị VSA loại HRC thuộc các nhóm mã HS 7208 và 7225 khỏi phạm vi áp dụng ba biện pháp nêu tại Mục 3.1 và Mục 3.2 trong đề xuất của VSA; đính kèm công văn HSG khi gửi cơ quan soạn thảo và thể hiện rõ ý kiến khác nhau giữa các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị ngành thép. HSG tiếp tục thực hiện trách nhiệm về khai báo hàng hóa, tính xác thực của hồ sơ chất lượng, truy xuất nguồn gốc và chất lượng sản phẩm theo pháp luật, góp phần duy trì quản lý chất lượng trong chuỗi cung ứng khi loại trừ ba biện pháp nêu trên đối với HRC.	giá bắt buộc cơ sở sản xuất nước ngoài làm điều kiện thông quan theo Nghị định này. Việc kiểm tra, lấy mẫu, thử nghiệm và áp dụng miễn, giảm kiểm tra thực hiện theo pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, căn cứ mức độ rủi ro, dấu hiệu vi phạm và lịch sử tuân thủ; không áp dụng chỉ vì sản phẩm là HRC hoặc vì xuất xứ hàng hóa.” Không bổ sung khoản loại trừ tuyệt đối tại Điều 1. Trường hợp cần xác định nhóm HRC để đánh giá tác động hoặc áp dụng biện pháp quản lý cụ thể, phải đồng thời xác định mô tả kỹ thuật và mã HS chi tiết phù hợp; không phát sinh giấy xác nhận riêng. Phạm vi áp dụng: Khoản 1 Điều 14 chỉ áp dụng đối với sản phẩm thuộc nhóm rủi ro trung bình hoặc cao theo danh mục có hiệu lực. HRC không thuộc các nhóm này không được lựa chọn xác minh theo điều khoản đó; hoạt động kiểm tra khác, nếu có, phải có căn cứ pháp luật riêng, không suy rộng từ Chương IV.
32.	**Công ty Cổ phần kim khí Nam**	Khoản 3 Điều	“3. Toàn bộ thép cuộn cán nóng (HRC) nhập khẩu, là thép cán phẳng dạng cuộn, chưa gia công quá mức	Chế độ miễn kiểm tra phải tuân thủ phân loại rủi ro và các trường hợp

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	Hưng	1	cán nóng, thuộc các mã HS chi tiết trong nhóm 7208 và 7225, được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng khi nhập khẩu, không phân biệt loại hình nhập khẩu hoặc mục đích sử dụng; không áp dụng các biện pháp sau đây theo Nghị định này: a) Kiểm tra chất lượng tại nguồn hoặc đánh giá bắt buộc tại cơ sở sản xuất ở nước ngoài phục vụ nhập khẩu; b) Lấy mẫu, thử nghiệm chất lượng tại cảng hoặc cửa khẩu nhập khẩu; c) Cấp giấy phép nhập khẩu thép hoặc đăng ký, chấp thuận nhà cung cấp như một điều kiện nhập khẩu. Phạm vi HRC được xác định đồng thời theo mô tả hàng hóa và mã HS chi tiết tương ứng trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Không yêu cầu giấy xác nhận, đăng ký hoặc văn bản chấp thuận riêng để áp dụng quy định loại trù này. Việc loại trừ các biện pháp nêu trên không làm thay đổi trách nhiệm khai báo trung thực, bảo đảm tính xác thực của hồ sơ chất lượng, truy xuất nguồn gốc và chất lượng sản phẩm của tổ chức, cá nhân; không loại trừ việc kiểm tra, xác minh và xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật." Đề nghị bổ sung quy định thực hiện: “Việc miễn kiểm tra đối với HRC được áp dụng thống nhất theo mô tả hàng hóa và mã HS chi tiết tương ứng, không phụ thuộc loại hình nhập khẩu hoặc mục đích sử dụng; Việc miễn kiểm tra không loại trừ trách nhiệm về chất lượng, tính xác thực của hồ sơ, truy xuất nguồn gốc và việc xử lý hành vi vi phạm theo pháp luật.	miễn theo Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP; quy định miễn tuyệt đối có thể làm vô hiệu yêu cầu quản lý đối với các sản phẩm thực sự thuộc diện kiểm tra. Do đó, không chỉnh sửa theo đề nghị của Công ty về miễn kiểm tra nhà nước đối với toàn bộ HRC nhập khẩu chỉ dựa vào chủng loại hoặc mã HS. **Tiếp thu** mục tiêu không đặt thêm giấy phép nhập khẩu, đăng ký nhà cung cấp, lấy mẫu tại cảng hoặc xác minh ở nước ngoài ngoài căn cứ pháp luật. Giữ khoản 1 Điều 10 và quy định về xác minh phục vụ hậu kiểm tại Điều 13, Điều 14; không bổ sung khoản loại trừ HRC tại Điều 1. Phạm vi áp dụng: Khoản 1 Điều 14 chỉ áp dụng đối với sản phẩm thuộc nhóm rủi ro trung bình hoặc cao theo danh mục có hiệu lực. HRC không thuộc các nhóm này không được lựa chọn xác minh theo điều khoản đó; hoạt động kiểm tra khác, nếu có, phải có căn cứ pháp luật riêng, không suy rộng từ Chương IV.
33.	**Công ty Cổ phần Sản xuất kinh**	khoản 3 Điều 1	Toàn bộ thép cuộn cán nóng (HRC) nhập khẩu, là thép cán phẳng dạng cuộn, chưa gia công quá mức	Chế độ miễn kiểm tra phải tuân thủ phân loại rủi ro và các trường hợp

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	doanh thép Việt Nhật		cán nóng, thuộc các mã HS chi tiết trong nhóm 7208 và 7225, được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng khi nhập khẩu, không phân biệt loại hình nhập khẩu hoặc mục đích sử dụng; không áp dụng các biện pháp sau đây theo Nghị định này: a) Kiểm tra chất lượng tại nguồn hoặc đánh giá bắt buộc tại cơ sở sản xuất ở nước ngoài phục vụ nhập khẩu; b) Lấy mẫu, thử nghiệm chất lượng tại cảng hoặc cửa khẩu nhập khẩu; c) Cấp giấy phép nhập khẩu thép hoặc đăng ký, chấp thuận nhà cung cấp như một điều kiện nhập khẩu. Phạm vi HRC được xác định đồng thời theo mô tả hàng hóa và mã HS chi tiết tương ứng trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Không yêu cầu giấy xác nhận, đăng ký hoặc văn bản chấp thuận riêng để áp dụng quy định loại trừ này. Việc loại trù các biện pháp nêu trên không làm thay đổi trách nhiệm khai báo trung thực, bảo đảm tính xác thực của hồ sơ chất lượng, truy xuất nguồn gốc và chất lượng sản phẩm của tổ chức, cá nhân; không loại trừ việc kiểm tra, xác minh và xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật." Đề nghị bổ sung quy định thực hiện: “Việc miễn kiểm tra đối với HRC được áp dụng thống nhất theo mô tả hàng hóa và mã HS chi tiết tương ứng, không phụ thuộc loại hình nhập khẩu hoặc mục đích sử dụng: Việc miễn kiểm tra không loại trừ trách nhiệm về chất lượng, tính xác thực của hồ sơ, truy xuất nguồn gốc và việc xử lý hành vi vi phạm theo pháp luật.’	miễn theo Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP; quy định miễn tuyệt đối có thể làm vô hiệu yêu cầu quản lý đối với các sản phẩm thực sự thuộc diện kiểm tra. Do đó, không chỉnh sửa theo đề nghị của Công ty về miễn kiểm tra nhà nước đối với toàn bộ HRC nhập khẩu chỉ dựa vào chủng loại hoặc mã HS. Áp dụng các miễn, giảm theo Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và phạm vi quy chuẩn, danh mục rủi ro có hiệu lực; không phát sinh giấy phép hoặc kiểm tra chất lượng tại nguồn như một điều kiện nhập khẩu. Phạm vi áp dụng: Khoản 1 Điều 14 chỉ áp dụng đối với sản phẩm thuộc nhóm rủi ro trung bình hoặc cao theo danh mục có hiệu lực. HRC không thuộc các nhóm này không được lựa chọn xác minh theo điều khoản đó; hoạt động kiểm tra khác, nếu có, phải có căn cứ pháp luật riêng, không suy rộng từ Chương IV.
34.	Công ty Cổ phần Thép TVP	khoản 3 Điều 1	Bổ sung khoản 3 Điều 1 Dự thảo về loại trừ HRC; đồng thời chỉnh lý, dẫn chiếu tại Điều 10, Điều 14 và các điều khoản liên quan. Công ty Cổ phần Thép	**Tiếp thu một phần** về yêu cầu không bổ sung rào cản đối với HRC, nhưng không tiếp thu quy

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			TVP đề xuất nội dung: "3 Thép cuộn cán nóng (HRC) thuộc các mã HS chi tiết trong nhóm 7208 và 7225 không thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp sau đây theo Nghị định này: a) Kiểm tra chất lượng tại nguồn hoặc đánh giá bắt buộc lại cơ sở sản xuất nước ngoài phục vụ nhập khẩu; b) Lấy mẫu, thủ nghiệm chất lượng tại cảng hoặc của khẩu nhập khẩu; c) Cấp giấy phép nhập khẩu thép. Phạm vi HRC được xác định theo mô tả sản phẩm là thép cán phẳng dạng cuộn, chưa gia công quá mức cán nóng và mã HS chi tiết tương ứng. Không yêu cầu giấy xác nhận, đăng ký hoặc văn bản chấp thuận riêng để được áp dụng quy định loại trừ này. "	định loại trừ toàn bộ HRC khỏi chế độ kiểm tra chất lượng, do chưa có căn cứ pháp lý và đánh giá rủi ro theo từng nhóm. Không thêm khoản 3 Điều 1 như đề nghị; giữ cơ chế áp dụng theo rủi ro tại Điều 10 và xác minh tại nguồn phục vụ hậu kiểm, không phải thủ tục trước thông quan. Phạm vi áp dụng: Khoản 1 Điều 14 chỉ áp dụng đối với sản phẩm thuộc nhóm rủi ro trung bình hoặc cao theo danh mục có hiệu lực. HRC không thuộc các nhóm này không được lựa chọn xác minh theo điều khoản đó; hoạt động kiểm tra khác, nếu có, phải có căn cứ pháp luật riêng, không suy rộng từ Chương IV.
35.	**UBND tỉnh Lạng Sơn**	**Điều 1**	Tại Điều 1 dự thảo Nghị định: đề nghị cơ quan soạn thảo biên tập lại nội dung tại Điều 1 theo hướng: phân định rõ nội dung nào là yêu cầu quản lý chất lượng bắt buộc; nội dung nào chỉ áp dụng theo pháp luật chuyên ngành hoặc theo lộ trình riêng. Đồng thời, bổ sung nguyên tắc không áp dụng đồng thời yêu cầu về phát thải, dấu chân carbon, vật liệu tái chế như một điều kiện chất lượng thép nếu chưa có quy chuẩn kỹ thuật hoặc căn cứ pháp lý tương ứng. Lý do: Các nội dung về truy xuất nguồn gốc, hộ	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu phân định nghĩa vụ bắt buộc, khuyến khích và theo lộ trình. Yêu cầu carbon, vật liệu tái chế không tự trở thành điều kiện chất lượng hoặc thông quan; phải có căn cứ, phương pháp, phạm vi áp dụng cụ thể. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 2 Điều 1 dẫn chiếu;

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			chiếu số, dữ liệu phát thải, dấu chân carbon và kiểm tra cơ sở sản xuất ở nước ngoài có liên quan đến môi trường, thương mại và dữ liệu, không hoàn toàn là quản lý chất lượng sản phẩm; do đó, cần biên tập, điều chỉnh lại nội dung tại Điều 1 để bảo đảm thống nhất, logic trong toàn bộ dự thảo Nghị định.	khoản 4 Điều 4 bảo đảm không phát sinh điều kiện mới; Điều 8, Điều 9 và khoản 5 Điều 26 quy định dữ liệu, nghĩa vụ môi trường và lộ trình riêng.
36.	**UBND tỉnh Lai Châu**	**Điều 1**	Rà soát thống nhất nội dung giữa dự thảo Tờ trình và Nghị định, như: Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định "1. Nghị định này quy định các yêu cầu quản lý chất lượng đặc thù đối với sản phẩm, hàng hoá thép trong sản xuất, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường... cá nhân có liên quan", tuy nhiên tại mục 1 phần IV dự thảo Tờ trình nội dung phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng là "Dự thảo Nghị định quy định các yêu cầu, biện pháp đặc thù về quản lý chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa thép trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.", chưa thống nhất Nghị định có áp dụng đối với sản phẩm, hàng hoá thép xuất khẩu không.	**Tiếp thu.** Lý do: Thống nhất phạm vi bao gồm xuất khẩu nhưng phải nói rõ chế độ chất lượng, truy xuất áp dụng với hàng xuất khẩu. Chỉ thêm từ xuất khẩu mà không phân định nghĩa vụ có thể làm mở rộng yêu cầu nội địa trái định hướng. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung xuất khẩu tại khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 2 và khoản 4 Điều 1 về áp dụng pháp luật, yêu cầu nước nhập khẩu, hợp đồng, truy xuất theo Nghị định số 372/2026/NĐ-CP; đồng bộ Tờ trình và thuyết minh.
37.	**Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam**	Điều 1	Đề nghị bổ sung quy định loại trừ đối với thép nhập khẩu để gia công/chế tạo sản phẩm, cấu kiện, thiết bị tại Việt Nam và sản phẩm được xuất khẩu toàn bộ ra nước ngoài, không lưu thông, sử dụng tại Việt Nam khỏi các yêu cầu quản lý chất lượng thép nhập khẩu theo Nghị định.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu miễn kiểm tra trong trường hợp đủ điều kiện của Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Chưa tiếp thu loại trừ toàn bộ Nghị định cho thép gia công xuất khẩu vì miễn một khâu không loại bỏ nghĩa

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				vụ quản lý nguyên liệu, hải quan, chất lượng và xử lý khi chuyển tiêu thụ nội địa. Không mặc nhiên mở rộng miễn sang công trình, thiết bị sử dụng tại Việt Nam. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 5 Điều 1, dẫn chiếu trường hợp miễn đúng quy định thay vì tuyên bố không áp dụng Nghị định; khi chuyển mục đích phải thực hiện nghĩa vụ tương ứng theo pháp luật hiện hành.
38.	**Bộ Giáo dục và Đào tạo**	Điều 1	Đề nghị quy định rõ việc áp dụng các yêu cầu về nhận diện lô sản phẩm, thiết lập mã nhận diện sau gia công, lưu giữ hồ sơ và truy xuất nguồn gốc đối với thép, mẫu thép được sử dụng trong nghiên cứu khoa học, thí nghiệm, thực hành, đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, không nhằm mục đích kinh doanh, lưu thông trên thị trường. Đặc biệt, khoản 1 Điều 7 đang quy định chung đối với hoạt động cắt, xẻ, gia công thép, có thể được hiểu bao gồm cả việc gia công, chuẩn bị mẫu thí nghiệm. Đề nghị phân định rõ hoạt động gia công để tiếp tục lưu thông với hoạt động chuẩn bị, thử nghiệm mẫu trong nghiên cứu, đào tạo; bảo đảm không phát sinh nghĩa vụ quản lý không cần thiết, đồng thời vẫn đáp ứng yêu cầu an toàn và truy xuất theo quy định pháp luật. Việc quy định đối với thép nhập khẩu cần thống nhất với trường hợp miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng mẫu phục vụ nghiên cứu	**Tiếp thu.** Lý do: Hoạt động chuẩn bị mẫu chỉ để nghiên cứu, thí nghiệm, thực hành, đào tạo không phải gia công sản phẩm để tiếp tục lưu thông. Không buộc tạo mã bán hàng hoặc hệ thống truy xuất riêng cho mẫu; vẫn giữ nghĩa vụ an toàn, hồ sơ mẫu theo phương pháp thử và pháp luật. Miễn kiểm tra hàng mẫu nhập khẩu phải đúng điểm c khoản 1 và điều kiện liên quan tại Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, không miễn mọi thép mua bởi cơ sở giáo dục. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 1 và khoản 6 Điều 7; khi sản phẩm

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			khoa học, khảo nghiệm, thử nghiệm tại điểm c khoản 1 Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.	được đưa trở lại lưu thông phải đáp ứng nghĩa vụ tương ứng, không tiếp tục hưởng ngoại lệ mẫu chỉ từ tên gọi của đơn vị sử dụng.
Điều 2. Đối tượng áp dụng				
39.	**Bộ Xây dựng**	Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 5	Đề nghị tiếp tục rà soát Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 5 và các quy định có liên quan theo hướng xác định rõ phạm vi sản phẩm thép thuộc Nghị định, bảo đảm không chồng lấn với pháp luật chuyên ngành và không tạo thêm thủ tục kiểm tra đối với các sản phẩm đã được quản lý đầy đủ theo cơ chế chuyên ngành.	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu thu hẹp đối tượng là thép cơ bản, phân biệt với sản phẩm chế tạo và việc sử dụng trong công trình, thiết bị. Việc sử dụng kết quả chuyên ngành phải đúng phạm vi, hiệu lực; không tạo miễn toàn bộ bằng tên gọi. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1 Điều 3, Điều 1, Điều 2; khoản 4, khoản 5 Điều 5 về kết quả đã có và trách nhiệm chuyên ngành. Khoản 2 Điều 22 giao rà soát danh mục bằng mô tả kỹ thuật, HS và QCVN.
40.	**Bộ Xây dựng**	Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 5	Nghiên cứu quy định danh mục sản phẩm thép thuộc phạm vi quản lý kèm thông tin nhận diện cần thiết như tên sản phẩm, mô tả kỹ thuật, tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật áp dụng, mã HS, mức độ rủi ro và cơ quan chủ trì quản lý; bảo đảm mỗi nhóm sản phẩm có một đầu mối chủ trì, đồng thời quy định cơ chế phối hợp đối với trường hợp giao thoa.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu danh mục có đủ thông tin nhận diện và một đầu mối chất lượng. Không lập ngay danh mục HS, mức rủi ro mới trong Nghị định khi chưa đánh giá và đối chiếu, vì có thể xung đột danh mục có hiệu lực; mã HS không thay thế mô tả kỹ

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				thuật. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 2 Điều 22 giao phối hợp ban hành, rà soát danh mục theo thẩm quyền, có mô tả, công dụng, đặc tính, HS, QCVN, biện pháp; công khai và xử lý giao thoa theo Điều 5. Hồ sơ phải kèm bảng đối chiếu danh mục hiện hành trước khi trình.
41.	**Bộ Xây dựng**	Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 5	Đề nghị loại trừ hoặc có cơ chế công nhận tương đương đối với vật liệu thép sử dụng cho đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi tàu biển, phương tiện thủy nội địa và công trình biển đã được kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận theo pháp luật chuyên ngành và điều ước quốc tế có liên quan; tránh kiểm tra trùng lặp.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu tránh kiểm tra trùng với đăng kiểm, chứng nhận đóng tàu, phương tiện thủy, công trình biển. Chưa tiếp thu miễn chung hoặc coi mọi chứng nhận chuyên ngành là tương đương toàn bộ: phải xem chỉ tiêu, lô, phương pháp, năng lực và căn cứ thừa nhận; chất lượng vật liệu và an toàn thiết bị có thể khác mục tiêu. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 4 Điều 10; khoản 4, khoản 5 Điều 5 cho sử dụng kết quả hợp pháp phù hợp, chỉ bổ sung phần thiếu; kết quả nước ngoài theo khoản 3 Điều 10. Không lập thủ tục xin xác nhận tương đương mới.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
42.	**Bộ Xây dựng**	Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 5	Đối với thép chuyên dụng nhập khẩu phục vụ trực tiếp chế tạo cơ khí chính xác, thiết bị công nghệ cao, đóng tàu, sản xuất linh kiện và các mục đích chuyên ngành khác không sử dụng làm thép kết cấu xây dựng, đề nghị nghiên cứu tiêu chí loại trừ hoặc cơ chế quản lý phù hợp để tránh tạo rào cản kỹ thuật không cần thiết, trên cơ sở vẫn bảo đảm yêu cầu an toàn và truy xuất nguồn gốc.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu quản lý phù hợp thép chuyên dụng và tránh áp dụng yêu cầu của thép xây dựng chỉ từ tên gọi thép. Không miễn mọi thép cơ khí, công nghệ cao, linh kiện chỉ vì không dùng kết cấu xây dựng: vẫn có thể rủi ro cao về an toàn thiết bị, áp lực, công trình biển. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1 Điều 3 về phạm vi, khoản 1 Điều 10 về mức rủi ro theo danh mục và khoản 4 Điều 10 về sử dụng kết quả chuyên ngành. Không bổ sung tiêu chí miễn chung theo mục đích sử dụng; các miễn cụ thể theo Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.
43.	**Bộ Giáo dục và Đào tạo**	Điều 1	Đề nghị quy định rõ việc áp dụng các yêu cầu về nhận diện lô sản phẩm, thiết lập mã nhận diện sau gia công, lưu giữ hồ sơ và truy xuất nguồn gốc đối với thép, mẫu thép được sử dụng trong nghiên cứu khoa học, thí nghiệm, thực hành, đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, không nhằm mục đích kinh doanh, lưu thông trên thị trường. Đặc biệt, khoản 1 Điều 7 đang quy định chung đối với hoạt động cắt, xẻ, gia công thép, có thể được hiểu bao gồm cả việc gia công, chuẩn bị mẫu thí nghiệm. Đề nghị phân định rõ hoạt động gia	**Tiếp thu.** Lý do: Hoạt động chuẩn bị mẫu chỉ để nghiên cứu, thí nghiệm, thực hành, đào tạo không phải gia công sản phẩm để tiếp tục lưu thông. Không buộc tạo mã bán hàng hoặc hệ thống truy xuất riêng cho mẫu; vẫn giữ nghĩa vụ an toàn, hồ sơ mẫu theo phương pháp thử và pháp luật. Miễn kiểm tra hàng mẫu nhập khẩu phải đúng điểm c khoản 1 và điều

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			công để tiếp tục lưu thông với hoạt động chuẩn bị, thử nghiệm mẫu trong nghiên cứu, đào tạo; bảo đảm không phát sinh nghĩa vụ quản lý không cần thiết, đồng thời vẫn đáp ứng yêu cầu an toàn và truy xuất theo quy định pháp luật. Việc quy định đối với thép nhập khẩu cần thống nhất với trường hợp miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng mẫu phục vụ nghiên cứu khoa học, khảo nghiệm, thử nghiệm tại điểm c khoản 1 Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.	kiện liên quan tại Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, không miễn mọi thép mua bởi cơ sở giáo dục. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 1 và khoản 6 Điều 7; khi sản phẩm được đưa trở lại lưu thông phải đáp ứng nghĩa vụ tương ứng, không tiếp tục hưởng ngoại lệ mẫu chỉ từ tên gọi của đơn vị sử dụng.
Điều 3. Giải thích từ ngữ				
44.	**Bộ Ngoại giao**		Hiện khái niệm về "kiểm tra chất lượng thép tại nguồn" đang được nêu đồng thời tại khoản 7 Điều 3 và khoản 1 Điều 13; đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bảo đảm các khái niệm được đưa ra thống nhất và tránh trùng lặp	**Tiếp thu** về kỹ thuật lập quy. Khái niệm xác minh chất lượng tại nguồn chỉ đặt tại khoản 6 Điều 3; Điều 13 quy định tính chất, phạm vi, nguyên tắc thực hiện và dẫn chiếu khái niệm, tránh định nghĩa lặp. Rà soát dùng thống nhất thuật ngữ "xác minh chất lượng thép tại nguồn" để phân biệt hoạt động hậu kiểm với kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu.
45.	**Thanh tra Chính phủ**	khoản 1	- Đề nghị làm rõ phạm vi sản phẩm thép và yêu cầu quản lý tương ứng với từng mức độ rủi ro theo khoản 4 Điều 5 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Điều 4, Điều 5 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Danh mục cần gắn với mô tả sản phẩm, đặc tính kỹ thuật, mã HS và quy chuẩn áp dụng; xác định đầu mối xử lý trường hợp chưa thống nhất về phân loại.	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu xác định sản phẩm bằng mô tả kỹ thuật cùng HS, mức rủi ro và cơ quan xử lý giao thoa; đồng thời bổ sung chuyển thông tin khi cần thanh tra, có dấu hiệu tội phạm. Không dùng báo cáo kiểm tra

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			- Đề nghị làm rõ cơ chế phối hợp, xử lý khi kiểm tra phát hiện vụ việc cần thanh tra hoặc có dấu hiệu tội phạm theo khoản 1 Điều 61 Luật Thanh tra số 84/2025/QH15; bảo đảm chuyển thông tin, hồ sơ đến đúng cơ quan có thẩm quyền.	thay kết luận thanh tra hoặc quyết định tố tụng. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1 Điều 3 và khoản 2 Điều 22; bổ sung khoản 5 Điều 19 chuyển hồ sơ đến đúng cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật, bảo đảm không trì hoãn biện pháp bảo vệ an toàn đang thuộc thẩm quyền.
46.	**UBND Hải Phòng**		Đề nghị bổ sung khái niệm "dấu chân carbon" để thống nhất việc sử dụng thuật ngữ trong văn bản	**Tiếp thu.** Lý do: Thuật ngữ dấu chân carbon được sử dụng nhiều lần nên cần giải thích thống nhất về phát thải, hấp thụ, phạm vi vòng đời, đơn vị CO2 tương đương; định nghĩa không tự tạo phương pháp hoặc nghĩa vụ tính riêng cho mọi mẻ luyện. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 8 Điều 3; yêu cầu công bố phạm vi, phương pháp, đơn vị, kỳ dữ liệu. Điều 8, Điều 9 và Điều 26 tách áp dụng bắt buộc với công bố tự nguyện.
47.	**UBND Thái Nguyên**		Đề nghị bổ sung khái niệm "dấu chân carbon" để thống nhất việc sử dụng thuật ngữ trong văn bản.	**Tiếp thu.** Lý do: Thuật ngữ dấu chân carbon được sử dụng nhiều lần nên cần giải thích thống nhất về phát thải, hấp thụ, phạm vi vòng đời, đơn vị CO2

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				tương đương; định nghĩa không tự tạo phương pháp hoặc nghĩa vụ tính riêng cho mọi mẻ luyện. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 8 Điều 3; yêu cầu công bố phạm vi, phương pháp, đơn vị, kỳ dữ liệu. Điều 8, Điều 9 và Điều 26 tách áp dụng bắt buộc với công bố tự nguyện.
48.	**UBND Cần Thơ**		Đề nghị bổ sung khái niệm "dấu chân carbon" để thống nhất cách hiểu và sử dụng thuật ngữ trong văn bản.	**Tiếp thu.** Lý do: Thuật ngữ dấu chân carbon được sử dụng nhiều lần nên cần giải thích thống nhất về phát thải, hấp thụ, phạm vi vòng đời, đơn vị CO2 tương đương; định nghĩa không tự tạo phương pháp hoặc nghĩa vụ tính riêng cho mọi mẻ luyện. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 8 Điều 3; yêu cầu công bố phạm vi, phương pháp, đơn vị, kỳ dữ liệu. Điều 8, Điều 9 và Điều 26 tách áp dụng bắt buộc với công bố tự nguyện.
49.	**UBND Nghệ An**	khoản 1 Điều 3	Đề nghị ban soạn thảo xem xét quy định nguyên tắc nhận diện đối tượng theo đồng thời dạng sản phẩm, mác thép, thành phần và đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn áp dụng, mục đích sử dụng; mã HS được dùng để đối chiếu, không là căn cứ duy nhất.	**Tiếp thu.** Lý do: Phạm vi phải dựa bản chất sản phẩm, dạng, mác, thành phần và đặc tính kỹ thuật; công dụng là thông tin đánh giá rủi ro, không tự

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			Lý do: dự thảo Nghị định xác định sản phẩm thép gồm sản phẩm hoặc bán thành phẩm được chế tạo chủ yếu từ sắt hoặc hợp kim của sắt, phạm vi còn rộng và chưa làm rõ ranh giới giữa sản phẩm thép là hàng hóa, vật liệu xây dựng với kết cấu, cấu kiện đã gia công hoặc sản phẩm khác có thép là thành phần	chia lại cơ quan quản lý theo nhiều mục đích. Mã HS hỗ trợ đối chiếu, không là căn cứ duy nhất thay đặc tính. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1 Điều 3 xác định thép cơ bản, loại trừ sản phẩm chế tạo có công dụng riêng; khoản 2 Điều 22 quy định mô tả danh mục và phối hợp hải quan xử lý phân loại.
50.	**UBND Đồng Nai**	khoản 2	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung hoặc làm rõ tiêu chí xác định "cùng điều kiện công nghệ xác định", "phương thức định danh tương đương" để bảo đảm thống nhất trong thực tiễn kiểm tra, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn,sản xuất liên tục hoặc có nhiều công đoạn, nhiều dây chuyền	**Tiếp thu.** Lý do: Điều kiện công nghệ và cách nhận diện lô phải theo quy tắc tiêu chuẩn/QCVN áp dụng, bảo đảm đồng nhất các chỉ tiêu được đánh giá. Không thể đồng nhất mọi dây chuyền hoặc công đoạn chỉ vì cùng nhà sản xuất; phương thức tương đương phải xác định được duy nhất lô trong hồ sơ. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 2 Điều 3: gắn điều kiện công nghệ, đơn vị thử và lô với tiêu chuẩn; cho dùng tổ hợp thông tin đối chiếu duy nhất thay mã riêng. Điều 6 khai thác hồ sơ sản xuất sẵn có.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
51.	**SKHCN tỉnh An Giang**	Khoản 2 Điều 3	Đề nghị làm rõ cụm từ "(nếu có)" được sử dụng để giải thích cho nội dung nào trong quy định về lô sản phẩm thép	**Tiếp thu.** Lý do: Cụm nếu có chỉ bổ nghĩa cho QCVN tương ứng, không làm tùy nghi yêu cầu cùng mác, tiêu chuẩn hoặc nhận diện lô. Biên tập tách câu để không tạo cách hiểu miễn các tiêu chí còn lại. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 2 Điều 3, câu cuối: "Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng chỉ được áp dụng khi sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn đó"; bỏ cách đặt nếu có chung ở cuối chuỗi điều kiện.
52.	**UBND Đăk Lăck**	khoản 7	Đề nghị bổ sung vào cuối khoản đoạn văn "làm căn cứ quyết định áp dụng, duy trì hoặc hủy bỏ quyền áp dụng các cơ chế miễn, giảm kiểm tra chất lượng nhập khẩu, hoặc áp dụng biện pháp tạm dừng nhập khẩu đối với các lô hàng tiếp theo của cơ sở sản xuất đó" để bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn quan hệ quốc tế, nâng cao hiệu lực phản ứng nhanh trước rủi ro và tạo cơ sở pháp lý để áp dụng các biện pháp ngăn chặn kịp thời.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu sử dụng kết quả trong quản lý rủi ro. Không đưa quyền tự động miễn, hủy miễn hoặc tạm dừng nhập khẩu vào định nghĩa; đây là hệ quả pháp lý phải đúng điều kiện, thẩm quyền, thủ tục của chất lượng và ngoại thương, không phát sinh chỉ từ báo cáo tại nguồn. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 6 Điều 3 giới hạn khái niệm; Điều 19 quy định giá trị thông tin và dẫn chiếu áp dụng biện pháp theo Nghị định số

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				37/2026/NĐ-CP, pháp luật liên quan. Không bổ sung thẩm quyền tạm dừng nhập khẩu mới.
53.	**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**	Điều 3, Điều 13, tại Khoản 2, Điều 14	Theo quy định tại Điều 3, Điều 13 Dự thảo Nghị định quy định kiểm tra chất lượng thép tại nguồn là hoạt động hậu kiểm theo rủi ro, được thực hiện sau khi hàng hóa đã được nhập khẩu, lưu thông trên thị trường Việt Nam và xuất hiện căn cứ hoặc dấu hiệu rủi ro cần kiểm tra theo quy định tại Khoản 2, Điều 14 Dự thảo Nghị định. Cơ chế này còn tồn tại một số bất cập như sau: - Dự thảo hiện tại chưa quy định rõ căn cứ, dấu hiệu rủi ro cụ thể để kích hoạt cơ chế hậu kiểm, cũng như chưa xác định rõ cơ quan tổ chức nào có trách nhiệm chủ động thu thập thông tin, chứng cứ và đánh giá rủi ro ban đầu để báo cáo, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra tại nguồn. Khi thiếu quy định về đầu mối và trách nhiệm thu thập dữ liệu, hoạt động hậu kiểm dễ bị động, chỉ được thực hiện khi có phản ánh hoặc sự cố xảy ra, khiến hàng hóa kém chất lượng có thể đã xâm nhập sâu vào thị trường trước khi bị phát hiện; - Đối với đặc thù của sản phẩm thép, đặc biệt là sản phẩm thép sử dụng trong kết cấu công trình, cầu đường, công trình công nghiệp, một khi sản phẩm đã được gia công, lắp đặt hoặc che khuất trong công trình thì việc hậu kiểm, dù phát hiện được vi phạm, cũng không còn nhiều ý nghĩa thực tiễn: hàng hóa rất khó thu hồi, buộc tái xuất mà chỉ có thể xử lý hành chính đối với tổ chức, cá nhân vi phạm, trong	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu đầu mối chủ động thu thập, tiêu chí cụ thể và xử lý cơ sở không phối hợp. Bảo lưu quản lý theo rủi ro kết hợp công bố/đánh giá bắt buộc trước lưu thông khi pháp luật yêu cầu; hậu kiểm không thay toàn bộ biện pháp phòng ngừa. Nguy cơ thép đã vào công trình được xử lý khẩn cấp tại Việt Nam, không chờ kiểm tra ngoài nước. Không coi từ chối tiếp đoàn là bằng chứng không phù hợp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa Điều 14 về đầu mối, bằng chứng và tỷ lệ lô; khoản 4 Điều 15 xử lý khẩn cấp; khoản 4 Điều 17 phân biệt nguyên nhân không tiếp cận; khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 23 thông báo công trình, đánh giá ảnh hưởng và khắc phục.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			khi hậu quả về an toàn công trình, tính mạng con người và chi phí khắc phục đã phát sinh và thường rất lớn; - Việc xử lý đối với cơ sở không hợp tác hoặc từ chối kiểm tra tại nguồn (khoản 4 Điều 17) cũng chưa được làm rõ về chế tài và chưa phân biệt nguyên nhân khách quan với hành vi cố ý không hợp tác, càng làm giảm thêm hiệu lực của cơ chế hậu kiểm vốn đã có độ trễ nhất định.	
Điều 4. Nguyên tắc quản lý chất lượng thép				
54.	**Bộ Tư pháp**	Khoản 3	Khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định: "*Tiêu chuẩn quốc gia chỉ được áp dụng bắt buộc khi được viện dẫn trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật*". Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc lược bỏ nguyên tắc nêu trên do nội dung này đã được quy định tại khoản 2 Điều 10a Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Đồng thời, cơ quan chủ trì soạn thảo cần lược bỏ quy định tại khoản 4 Điều này do không thuộc nội dung quy định về nguyên tắc quản lý chất lượng thép	**Tiếp thu.** Lý do: Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia và việc áp dụng văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đã được pháp luật chung quy định; nhắc lại không tạo thêm nội dung quản lý đặc thù đối với thép và có thể dẫn đến sai khác khi pháp luật thay đổi. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Lược bỏ câu quy định lại nguyên tắc áp dụng bắt buộc tiêu chuẩn quốc gia tại khoản 3 Điều 4 của bản lấy ý kiến; giữ dẫn chiếu pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đồng thời quy định việc sử dụng quy tắc lấy mẫu, thử nghiệm, làm tròn, thử lại của tiêu chuẩn công bố áp dụng trong phạm

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				vi không trái yêu cầu bắt buộc. Bỏ khoản 4 Điều 4 của bản lấy ý kiến về áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế. Khoản 4 Điều 4 của dự thảo hiện tại là nội dung mới về sử dụng thông tin môi trường, năng lượng và phát thải, không phải nội dung được đề nghị lược bỏ.
55.	**Bộ Quốc phòng**	khoản 4	khoản 4 Điều 4: Đề nghị chuyển khoản này đến Điều 26 cho phù hợp. Lý do: Khoản 4 quy định về việc thực hiện chuyển tiếp các văn bản được dẫn chiếu, không phải là "Nguyên tắc quản lý chất lượng thép"	**Tiếp thu.** Đã lược bỏ nội dung dẫn chiếu chung về áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tại khoản 4 Điều 4 của bản dự thảo lấy ý kiến do đã được điều chỉnh bởi pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Khoản 4 Điều 4 trong bản chỉnh lý quy định nguyên tắc sử dụng thông tin môi trường và dữ liệu phát thải, là nội dung khác với khoản được góp ý.
56.	**Bộ Nông nghiệp và Môi trường**	**Điều 4**	Đề nghị cân nhắc bỏ khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị định do nội dung của khoản này đã được quy định thành nguyên tắc của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.	**Tiếp thu.** Bỏ nội dung về áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tại khoản 4 Điều 4 của bản lấy ý kiến; không quy định lại nguyên tắc đã có trong pháp luật. Khoản 4 Điều 4 của bản chỉnh lý được sử dụng cho nguyên tắc về thông tin môi trường, năng lượng và phát thải.
57.	**Vụ Khoa học Kỹ thuật và Công**	Điều 4	đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung quy định nguyên tắc xác định mức độ rủi ro của sản phẩm thép	**Tiếp thu.** Lý do: Cần có căn cứ thống nhất để

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	nghệ (CN), Bộ KH&CN		để làm căn cứ triển khai.	phân loại rủi ro và lựa chọn biện pháp quản lý. Tuy nhiên, phải phân biệt mức độ rủi ro của nhóm sản phẩm với dấu hiệu rủi ro của từng cơ sở, lô hàng; lịch sử tuân thủ là dữ liệu phục vụ quyết định kiểm tra, không tự làm thay đổi danh mục phân loại sản phẩm. Đề xuất bổ sung Điều 4: "Việc xác định mức độ rủi ro của sản phẩm thép thực hiện theo pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và nguyên tắc, phương pháp đánh giá rủi ro quy định tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Việc lựa chọn đối tượng, nội dung và mức độ kiểm tra căn cứ vào mức độ rủi ro của sản phẩm, mục đích sử dụng, thông tin cảnh báo, kết quả kiểm tra, mức độ và lịch sử tuân thủ của tổ chức, cá nhân; bảo đảm khách quan, minh bạch và tương xứng với rủi ro. Không xác định rủi ro chỉ căn cứ vào xuất xứ hoặc việc nhập khẩu lần đầu." Dẫn chiếu phương pháp chung, không lập thang điểm hoặc danh mục rủi ro riêng trong Nghị định về thép khi chưa có đánh giá và căn cứ tương ứng.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
58.	**Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam**	Điều 4	Bổ sung khoản 5: "5. Sản phẩm thép được sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tiêu chuẩn của tổ chức, hiệp hội ngành được thừa nhận rộng rãi (như ISO, EN, ASTM, API, JIS, AWS) được sử dụng làm tiêu chuẩn công bố áp dụng. Việc đánh giá sự phù hợp căn cứ vào yêu cầu của chính tiêu chuẩn đó, bao gồm các yêu cầu bổ sung đã được thỏa thuận trong hợp đồng, đơn hàng và quy tắc lấy mẫu, làm tròn số, thử lại của tiêu chuẩn; không yêu cầu quy đổi hoặc đáp ứng thêm chỉ tiêu của tiêu chuẩn khác khi không được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia."	**Tiếp thu** về nguyên tắc lựa chọn và áp dụng tiêu chuẩn. Khoản 3 Điều 4 dẫn chiếu pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; việc đánh giá căn cứ tiêu chuẩn công bố áp dụng trong phạm vi không trái yêu cầu bắt buộc của quy chuẩn và pháp luật liên quan. Không liệt kê các tổ chức ISO, EN, ASTM, API, JIS, AWS để suy ra mọi tài liệu do các tổ chức này ban hành đều mặc nhiên được thừa nhận hoặc đáp ứng quy chuẩn của Việt Nam.
Điều 5. Nguyên tắc thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép				
59.	**Bộ Xây dựng**	Điều 5	Đề nghị bổ sung vào khoản 4 Điều 5 nội dung: "Việc sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp, kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép không thay thế việc lựa chọn, kiểm tra, thí nghiệm, giám sát và nghiệm thu vật liệu, cấu kiện thép sử dụng trong công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng, hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng của dự án." Đồng thời, rà soát chỉnh lý các điều khoản có liên quan theo nguyên tắc kết quả quản lý chất lượng sản phẩm là một thành phần của hồ sơ chất lượng vật liệu khi đáp ứng điều kiện nhận diện, truy xuất và tương ứng với sản phẩm thực tế, nhưng không thay thế trách nhiệm kiểm soát chất lượng vật liệu, cấu kiện tại công trình.	**Tiếp thu.** Lý do: Kiểm soát chất lượng sản phẩm và kiểm soát vật liệu, cấu kiện tại công trình, thiết bị có mục tiêu và căn cứ khác nhau. Không yêu cầu trùng lặp vô căn cứ nhưng kết quả hợp quy không thay nghiệm thu, kiểm định, thử nghiệm theo thiết kế, pháp luật chuyên ngành và hợp đồng hợp pháp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Chỉnh lý khoản 4 Điều 5 và khoản 6 Điều 23 để bảo đảm sử dụng kết quả đúng phạm vi, không thay thế yêu cầu kiểm tra chuyên

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				ngành. Kết quả đã có chỉ dùng khi cùng sản phẩm, chỉ tiêu, phạm vi và còn giá trị.
60.	**Bộ Tư pháp**		Về nguyên tắc thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Điều 5 và Điều 22) Khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 22 dự thảo Nghị định quy định: "Bộ Khoa học và Công nghệ là đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này…". Tuy nhiên, Điều 1 và khoản 9 Điều 2 Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 quy định: "Bộ Công Thương là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp và thương mại, bao gồm các ngành và lĩnh vực: … công nghiệp cơ khí, công nghiệp luyện kim, công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản…". Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phân định rõ trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng thép để bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo với chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương đã được quy định tại Nghị định số 40/2025/NĐ-CP.	**Tiếp thu và bảo lưu một đầu mối chất lượng.** Lý do: Tiếp thu phân định với quản lý công nghiệp luyện kim của Bộ Công Thương. Việc giao Bộ Khoa học và Công nghệ đầu mối chất lượng sản phẩm thép không đồng nghĩa chuyển quản lý quy hoạch, đầu tư, sản xuất công nghiệp, thị trường và phòng vệ thương mại. Cần điều chỉnh văn bản phân công giao thoa theo đúng thẩm quyền, không chỉ tuyên bố chung rồi duy trì hai thủ tục. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa Điều 5, khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 26: nêu phạm vi chức năng mỗi bộ, cơ chế phối hợp và thời hạn rà soát văn bản. Đề nghị bổ sung vào hồ sơ trình nội dung làm rõ nội dung cần điều chỉnh của phân công hiện hành trước khi trình.
61.	**Thanh tra Chính phủ**		Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ phạm vi, thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan tại Điều 5 và Chương V dự thảo Nghị định, nhất là trong	**Tiếp thu.** Lý do: Thống nhất một bộ chủ trì chất lượng theo Điều 94 Nghị định

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			kiểm tra chất lượng thép trong sản xuất, nhập khẩu và lưu thông; bảo đảm thống nhất đầu mối quản lý, không chồng chéo với quản lý chuyên ngành và hoạt động thanh tra. Việc phân công cần phù hợp với nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 94 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Đồng thời, cần quy định rõ nguyên tắc phối hợp, sử dụng kết quả kiểm tra và dữ liệu đã có giữa các cơ quan, tránh phát sinh việc kiểm tra hoặc yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại cùng một thông tin, hồ sơ.	số 37/2026/NĐ-CP, phân công theo bản chất kỹ thuật, không chia nhiều đầu mối chỉ vì nhiều mục đích sử dụng. Phải phân biệt thẩm quyền thanh tra, kiểm tra và kiểm soát chất lượng công trình; tận dụng dữ liệu hợp pháp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa Điều 5, Điều 22–24; Điều 19 quy định chuyển hồ sơ khi cần thanh tra; Điều 21 chia sẻ dữ liệu. Điều 26 công khai đầu mối hồ sơ mới và bàn giao để tránh khoảng trống.
62.	**UBND Nghệ An**	Điều 5	Đề nghị nghiên cứu, chỉ rõ cách xử lý khi một sản phẩm thuộc từ hai quy chuẩn trở lên	**Tiếp thu.** Lý do: Sản phẩm thuộc nhiều QCVN phải đáp ứng yêu cầu bắt buộc tương ứng; một kết quả không tự động thay mọi kết quả theo QCVN khác. Cần tái sử dụng cùng chỉ tiêu khi phương pháp, mẫu, hiệu lực và phạm vi phù hợp, chỉ đánh giá phần thiếu và xử lý chồng lấn theo thẩm quyền. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 5 Điều 5; khoản 2, khoản 6 Điều 26 giao rà soát trong 12 tháng và xử lý chuyển tiếp, không tạo thủ tục xác nhận tương

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				đương. Rà soát cụ thể từng sản phẩm, chỉ tiêu trước khi kết luận có chồng lấn.
63.	**Vụ Pháp chế - Bộ KH&CN**	Khoản 1 và khoản 2 Điều 5	Dự thảo Nghị định quy định Bộ Khoa học và Công nghệ là đầu mối thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép và thực hiện nhiệm vụ của bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép: đề nghị làm rõ cơ sở chính trị, pháp lý của việc phân công nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên; rà soát để bảo đảm phù hợp với quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ theo pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật chuyên ngành có liên quan.	**Tiếp thu yêu cầu làm rõ căn cứ và giới hạn phân công.** Lý do: Việc giao một đầu mối nhằm thống nhất quản lý chất lượng thép, khắc phục giao thoa về đối tượng và thủ tục; không đồng nghĩa chuyển toàn bộ chức năng quản lý ngành, thị trường, công trình xây dựng, hải quan và môi trường về Bộ Khoa học và Công nghệ. Chủ trương chung về tinh gọn đầu mối không thay thế căn cứ pháp lý phân công nhiệm vụ. Hồ sơ cần đối chiếu Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, các văn bản sửa đổi, nghị định phân công quản lý và pháp luật chuyên ngành. Đề xuất chỉnh lý khoản 1, khoản 2 Điều 5: "Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này; thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép theo phân công của Chính phủ và quy định của pháp luật. Việc phân công này không làm thay đổi

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				trách nhiệm quản lý nhà nước về công trình xây dựng, thị trường, hải quan, môi trường và các lĩnh vực khác theo pháp luật chuyên ngành.” Đồng bộ Điều 22, Điều 23 và Điều 26.
64.	**Bộ Nội vụ**	Khoản 3 Điều 5	Tại Điều 23 dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ (Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, ngành khác có liên quan) trong cung cấp thông tin về quy hoạch, đầu tư, năng lực sản xuất, công nghệ trong ngành thép; yêu cầu kỹ thuật đối với thép; dữ liệu nhập khẩu, kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng; dữ liệu về môi trường... Đồng thời, do Điều 5 dự thảo Nghị định chỉ quy định về nguyên tắc thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép nên để tránh trùng lặp với nội dung đã được quy định tại Điều 23 dự thảo Nghị định, đề nghị biên tập lại khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định theo hướng tập trung xác định nguyên tắc về trách nhiệm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong quản lý chất lượng thép.	**Tiếp thu.** Lý do: Điều 5 chỉ cần nguyên tắc; trách nhiệm chi tiết của bộ thuộc Điều 23. Tiếp thu tránh lặp danh sách nhiệm vụ và vẫn giữ yêu cầu sử dụng kết quả, dữ liệu hợp pháp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Biên tập khoản 3 Điều 5 dẫn Điều 23, phân biệt quản lý chất lượng sản phẩm với nhiệm vụ chuyên ngành tại khoản 2, khoản 4; khoản 6 Điều 23 dẫn trở lại nguyên tắc phối hợp.
65.	Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ, Bộ KH&CN	Khoản 3	Đề nghị sửa khoản 3 Điều 5 thành: “3. Việc quản lý nhà nước đối với quy hoạch, đầu tư, thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư, chuyển giao công nghệ, kiểm tra, giám sát công nghệ, nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, sản xuất công nghiệp, sử dụng thép trong công	**Tiếp thu một phần**. Bổ sung vào khoản 3 Điều 5 nguyên tắc không làm thay đổi thẩm quyền quản lý về đầu tư, thẩm định, chuyển giao công nghệ đã được pháp luật chuyên ngành phân công; bổ sung nội dung

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			trình, thương mại, hải quan, bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động và lĩnh vực khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và chức năng, nhiệm vụ được giao; các bộ, cơ quan ngang bộ không quy định hoặc tổ chức thực hiện thêm thủ tục đánh giá sự phù hợp, công bố hợp quy, kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với cùng sản phẩm, hàng hóa thép đã thuộc phạm vi quản lý chất lượng của Bộ Khoa học và Công nghệ, trừ trường hợp luật có quy định khác.” - Lý do, căn cứ pháp lý: Ngành thép có nhiều công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao (mục 27, 28, 30 đến 36 Phụ lục II) và Danh mục công nghệ cấm chuyển giao (mục 60, 71, 79 Phụ lục III) ban hành kèm theo Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026. Việc bổ sung giúp phân định rõ thủ tục quản lý chất lượng sản phẩm thép với thủ tục thẩm định, kiểm tra, giám sát công nghệ dự án đầu tư theo Điều 13, khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 9, khoản 11 Điều 1 Luật số 115/2025/QH15), khoản 2 Điều 23 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP (“2. Không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan khác”) và quản lý nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo Thông tư số 56/2026/TT-BKHCN ngày 08/9/2026.	khuyến khích ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ tiên tiến, công nghệ xanh tại Điều 9. Không đưa thẩm quyền mới hoặc thủ tục thẩm định dự án vào Nghị định quản lý chất lượng sản phẩm thép.
66.	**Vụ Pháp chế, Bộ KH&CN**	Khoản 3 Điều 5	Quy định các bộ, cơ quan ngang bộ khác “không quy định hoặc tổ chức thực hiện thêm thủ tục đánh giá sự phù hợp, công bố hợp quy, kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với cùng sản phẩm, hàng hóa thép đã	**Tiếp thu.** Lý do: Quy định không tổ chức thêm thủ tục cần gắn với cùng đối

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			thuộc phạm vi quản lý chất lượng của Bộ Khoa học và Công nghệ, trừ trường hợp luật có quy định khác.". Đồng thời, đề nghị rà soát các nhiệm vụ quy định tại Điều 22 và Điều 23 dự thảo Nghị định, để bảo đảm phân định rõ trách nhiệm quản lý giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và các bộ, cơ quan có liên quan; tránh chồng chéo trong tổ chức thực hiện.	tượng, cùng chỉ tiêu và cùng yêu cầu quản lý; không được loại bỏ trách nhiệm kiểm tra chuyên ngành do luật giao hoặc yêu cầu riêng về an toàn công trình. Đồng thời phải tránh việc một sản phẩm chịu đánh giá lặp lại đối với nội dung đã có kết quả hợp pháp, đáp ứng yêu cầu. Đề xuất sửa khoản 3 Điều 5: "Các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ theo pháp luật chuyên ngành và phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong quản lý chất lượng thép. Không đặt thêm thủ tục đánh giá sự phù hợp, công bố hợp quy hoặc kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với cùng đối tượng, cùng chỉ tiêu và cùng yêu cầu kỹ thuật đã được thực hiện hợp pháp, trừ trường hợp pháp luật có quy định về kiểm tra lại hoặc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Trường hợp có yêu cầu kỹ thuật riêng thì đánh giá phần nội dung chưa được đáp ứng và sử dụng kết quả đã có nếu phù hợp." Chỉnh lý Điều 22, Điều 23: Bộ Khoa học và Công nghệ làm đầu mối về chất lượng; Bộ Công Thương thực hiện quản lý ngành và quản lý thị trường; Bộ Xây dựng thực hiện quản lý yêu cầu kỹ thuật,

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				chất lượng công trình và việc sử dụng thép trong công trình; Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ hải quan. Cơ chế phối hợp không mở thêm đầu mối tiếp nhận hồ sơ chất lượng.
67.	**UBND Nghệ An**	khoản 4 Điều 5	Đề nghị Ban soạn thảo cần làm rõ nguyên tắc không kiểm tra lại chất lượng sản phẩm không làm thay đổi trách nhiệm kiểm soát vật liệu đầu vào, kiểm tra, lấy mẫu thí nghiệm và nghiệm thu chất lượng công trình theo pháp luật về xây dựng, thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và hợp đồng xây dựng. Đề nghị ban soạn thảo bổ sung nội dung xác định hoạt động hậu kiểm chất lượng hàng hóa thép lưu thông trên thị trường và hoạt động quản lý chất lượng vật liệu, cấu kiện trong quá trình thi công, nghiệm thu công trình có mục tiêu, đối tượng và căn cứ khác nhau; kết quả kiểm tra sản phẩm được sử dụng làm thông tin, bằng chứng khi phù hợp nhưng không thay thế việc kiểm soát, nghiệm thu theo quy định về xây dựng.	**Tiếp thu.** Lý do: Kiểm soát chất lượng sản phẩm và kiểm soát vật liệu, cấu kiện tại công trình, thiết bị có mục tiêu và căn cứ khác nhau. Không yêu cầu trùng lặp vô căn cứ nhưng kết quả hợp quy không thay nghiệm thu, kiểm định, thử nghiệm theo thiết kế, pháp luật chuyên ngành và hợp đồng hợp pháp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Chỉnh lý khoản 4 Điều 5 và khoản 6 Điều 23 để bảo đảm sử dụng kết quả đúng phạm vi, không thay thế yêu cầu kiểm tra chuyên ngành. Kết quả đã có chỉ dùng khi cùng sản phẩm, chỉ tiêu, phạm vi và còn giá trị.
68.	**Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam**	Khoản 4 Điều 5	Bổ sung khoản 4 Điều 5: "Quy định này không loại trừ kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định và nghiệm thu phục vụ thiết kế, chế tạo, lắp đặt, vận hành công trình, thiết bị theo pháp luật chuyên ngành và hợp đồng phù hợp pháp luật. Kết quả đã có được sử dụng trong phạm vi còn giá trị và phù hợp mục đích kiểm	**Tiếp thu.** Lý do: Kiểm soát chất lượng sản phẩm và kiểm soát vật liệu, cấu kiện tại công trình, thiết bị có mục tiêu và căn cứ khác nhau. Không yêu cầu trùng lặp vô căn cứ nhưng kết

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			tra.” Khoản 5 Điều 23 dẫn chiếu ngoại lệ này.	quả hợp quy không thay nghiệm thu, kiểm định, thử nghiệm theo thiết kế, pháp luật chuyên ngành và hợp đồng hợp pháp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Chỉnh lý khoản 4 Điều 5 và khoản 6 Điều 23 để bảo đảm sử dụng kết quả đúng phạm vi, không thay thế yêu cầu kiểm tra chuyên ngành. Kết quả đã có chỉ dùng khi cùng sản phẩm, chỉ tiêu, phạm vi và còn giá trị.
69.	**UBND Tuyên Quang**	Điều 5	Bổ sung một khoản tại Điều 5 theo hướng: kết quả đánh giá sự phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành được sử dụng thay thế cho thủ tục tương đương theo quy chuẩn kỹ thuật của bộ khác đối với cùng sản phẩm thép; đồng thời giao thời hạn cụ thể (ví dụ 12 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực) để Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp Bộ Xây dựng rà soát, loại bỏ phần trùng lặp giữa hai quy chuẩn nêu trên.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu rà soát và thời hạn xử lý chồng lấn. Chưa tiếp thu quy định kết quả theo QCVN Bộ Khoa học và Công nghệ mặc nhiên thay kết quả theo QCVN bộ khác: có thể khác sản phẩm, chỉ tiêu, phương pháp, mục tiêu quản lý. Hồ sơ chưa chỉ ra chính xác phần trùng của QCVN 07:2019/BKHCN và QCVN 16:2023/BXD, không thể lấy giả định làm căn cứ miễn. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 5 Điều 5, khoản 2 và khoản 6 Điều 26: dùng lại phần kết quả phù hợp, chỉ bổ sung phần thiếu; hoàn tất rà soát trong 12

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				tháng.
70.	**UBND Đà Nẵng**	Khoản 1, 2	Đề nghị sửa đổi: "Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì quản lý nhà nước về hạ tầng chất lượng (tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp); thẩm định TCVN, QCVN và phối hợp kiểm tra chất lượng hàng hóa thép lưu thông trên thị trường và trong sản xuất.". Lý do: Tập trung vào đúng chức năng hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI), không tham gia sâu vào quản lý chuyên ngành.	**Tiếp thu một phần và bảo lưu đầu mối chất lượng.** Lý do: Tiếp thu làm rõ Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý chất lượng theo thẩm quyền, không lấn quản lý công trình hoặc phát triển ngành. Chưa tiếp thu chỉ giới hạn Bộ vào hạ tầng chất lượng: không thể hiện trách nhiệm kiểm tra, cảnh báo, quản lý rủi ro của đầu mối chất lượng mà dự thảo hướng tới. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Giữ khoản 1 Điều 5 về một đầu mối chất lượng; sửa khoản 2, khoản 3 để tách ngành, công trình, thiết bị; sửa Điều 22 và Điều 23 theo từng chức năng.
71.	**UBND Đà Nẵng**	Bổ sung	Bổ sung: "Bộ Xây dựng chủ trì quản lý nhà nước về chất lượng thép xây dựng và thép kết cấu; đề xuất, xây dựng TCVN; xây dựng, ban hành QCVN áp dụng cho sản phẩm thép tương ứng; xây dựng, ban hành quy định trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng thép xây dựng trong sản xuất sản xuất và nhập khẩu." Lý do: - Việc giao Bộ Xây dựng làm đầu mối giúp gắn liền khâu kiểm soát chất lượng thép sản xuất/nhập khẩu với khâu đưa vào sử dụng tại công trình, tránh tình	**Tiếp thu một phần và bảo lưu một đầu mối chất lượng.** Lý do: Tiếp thu trách nhiệm Bộ Xây dựng về công trình, yêu cầu kỹ thuật và phối hợp. Chưa tiếp thu giao riêng Bộ Xây dựng chủ trì chất lượng thép theo mục đích xây dựng và ban hành thủ tục nhập khẩu riêng: cùng thép có thể nhiều công dụng, dễ quay lại nhiều đầu mối và trái nguyên tắc Điều 94 Nghị định

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			trạng doanh nghiệp phải chịu kiểm tra trùng lặp từ nhiều bộ ngành, giảm phiền hà cho doanh nghiệp. - Đảm bảo nguyên tắc "Một sản phẩm/phân khúc - Một bộ chịu trách nhiệm chính", tránh chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ giữa các Bộ.	số 37/2026/NĐ-CP. Thẩm quyền theo luật chuyên ngành vẫn được bảo đảm. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 4 Điều 5, khoản 2 Điều 23 về kiểm soát sử dụng, sự cố, giám định, phối hợp; không bổ sung thủ tục kiểm tra nhập khẩu ngành xây dựng ngoài chế độ chung. Điều 26 xử lý phân công chuyển tiếp.
72.	**UBND Đà Nẵng**	Bổ sung	Bổ sung: "Bộ Công Thương chủ trì quản lý chất lượng thép sử dụng trong chế tạo, gia công cơ khí; đề xuất, xây dựng TCVN; xây dựng, ban hành QCVN áp dụng cho sản phẩm thép tương ứng; ban hành danh mục mã HS; chủ trì triển khai các biện pháp phòng thủ thương mại đối với thép.". Lý do: - Phân định rõ thẩm quyền, tránh chồng chéo trong công tác quản lý, giảm phiền hà cho doanh nghiệp. - Đảm bảo nguyên tắc "Một sản phẩm/phân khúc - Một bộ chịu trách nhiệm chính", tránh chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ giữa các Bộ.	**Tiếp thu một phần và bảo lưu một đầu mối chất lượng.** Lý do: Tiếp thu giữ đầy đủ quản lý luyện kim, công nghệ, thị trường và phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương. Chưa tiếp thu chia chất lượng thép theo mục đích gia công cơ khí để giao thêm đầu mối, vì một dạng thép có thể vừa xây dựng vừa chế tạo; danh mục HS và quy chuẩn cần thống nhất theo bản chất kỹ thuật. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Giữ khoản 1 Điều 5; sửa khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 23 về Bộ Công Thương; khoản 2 Điều 22 quy định phối hợp xây dựng danh mục, QCVN. Không tạo danh mục và thủ

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				tục chất lượng song song.
73.	**Bộ Giáo dục và Đào tạo**	khoản 3, khoản 4 Điều 5	Đề nghị rà soát quy định các bộ, cơ quan ngang bộ không tổ chức thêm thủ tục đánh giá sự phù hợp, công bố hợp quy, kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với cùng sản phẩm thép, "trừ trường hợp luật có quy định khác", để bảo đảm không hạn chế thẩm quyền quản lý chuyên ngành, thẩm quyền ban hành và áp dụng yêu cầu kỹ thuật được giao theo pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật chuyên ngành. Quy định rõ ranh giới giữa kiểm tra chất lượng sản phẩm thép và kiểm tra việc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu, thiết bị, công trình trong quá trình sử dụng; bảo đảm không đánh giá, kiểm tra trùng lặp nhưng cũng không bỏ sót yêu cầu bảo đảm chất lượng, an toàn.	**Tiếp thu.** Lý do: Quy định tránh thủ tục trùng không được tước thẩm quyền ban hành yêu cầu kỹ thuật hoặc kiểm tra chuyên ngành do luật giao. Cần phân biệt cùng mục tiêu chất lượng sản phẩm với mục tiêu an toàn công trình, thiết bị, sử dụng. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3, khoản 4 Điều 5; khoản 5 Điều 22 chỉ chủ trì xử lý giao thoa trong thẩm quyền, khoản 4 Điều 5 bảo đảm thực hiện kiểm định, nghiệm thu theo pháp luật chuyên ngành. Không cấm tuyệt đối kiểm tra lại khi có căn cứ pháp luật.
Điều 6. Thông tin nhận diện lô sản phẩm thép				
74.	**Bộ Giáo dục và đào tạo**	Điều 6	Đề nghị quy định rõ việc áp dụng các yêu cầu về nhận diện lô sản phẩm, thiết lập mã nhận diện sau gia công, lưu giữ hồ sơ và truy xuất nguồn gốc đối với thép, mẫu thép được sử dụng trong nghiên cứu khoa học, thí nghiệm, thực hành, đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, không nhằm mục đích kinh doanh, lưu thông trên thị trường. Đặc biệt, khoản 1 Điều 7 đang quy định chung đối với hoạt động cắt, xẻ, gia công thép, có thể được hiểu bao gồm cả việc gia công, chuẩn bị	**Tiếp thu.** Lý do: Hoạt động chuẩn bị mẫu chỉ để nghiên cứu, thí nghiệm, thực hành, đào tạo không phải gia công sản phẩm để tiếp tục lưu thông. Không buộc tạo mã bán hàng hoặc hệ thống truy xuất riêng cho mẫu; vẫn giữ nghĩa vụ an toàn, hồ sơ mẫu theo phương pháp thử và pháp luật. Miễn kiểm tra hàng mẫu nhập khẩu

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			mẫu thí nghiệm. Đề nghị phân định rõ hoạt động gia công để tiếp tục lưu thông với hoạt động chuẩn bị, thử nghiệm mẫu trong nghiên cứu, đào tạo; bảo đảm không phát sinh nghĩa vụ quản lý không cần thiết, đồng thời vẫn đáp ứng yêu cầu an toàn và truy xuất theo quy định pháp luật. Việc quy định đối với thép nhập khẩu cần thống nhất với trường hợp miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng mẫu phục vụ nghiên cứu khoa học, khảo nghiệm, thử nghiệm tại điểm c khoản 1 Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.	phải đúng điểm c khoản 1 và điều kiện liên quan tại Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, không miễn mọi thép mua bởi cơ sở giáo dục. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 1 và khoản 6 Điều 7; khi sản phẩm được đưa trở lại lưu thông phải đáp ứng nghĩa vụ tương ứng, không tiếp tục hưởng ngoại lệ mẫu chỉ từ tên gọi của đơn vị sử dụng.
75.	**Vụ Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ (CN), Bộ KH&CN**	Điều 6	Đề nghị làm rõ mối liên hệ giữa mã mẻ luyện, mã lô sản phẩm, chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất và kết quả thử nghiệm để bảo đảm kết quả thử nghiệm có tính đại diện và truy xuất được đến đúng sản phẩm cần xác minh.	**Tiếp thu.** Lý do: Mã mẻ luyện liên kết nguồn gốc kim loại; mã lô sản phẩm liên kết sản phẩm trong điều kiện sản xuất xác định; chứng chỉ chất lượng và kết quả thử nghiệm phải xác định được phạm vi sản phẩm được chứng minh. Sản phẩm cùng mẻ luyện nhưng khác chế độ cán, nhiệt luyện hoặc gia công có thể khác cơ tính; vì vậy không suy rộng kết quả thử nghiệm cho toàn bộ mẻ chỉ dựa trên mã mẻ luyện. Đề xuất bổ sung Điều 6: "Tổ chức, cá nhân bảo đảm khả năng đối chiếu giữa mã mẻ luyện, mã lô sản phẩm, thông tin nhận diện cuộn, bó hoặc kiện, chứng chỉ chất lượng của nhà

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				sản xuất và kết quả thử nghiệm liên quan. Hồ sơ thử nghiệm phải xác định mẫu, phương pháp lấy mẫu và phạm vi lô sản phẩm mà kết quả đại diện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc phương pháp đánh giá áp dụng. Trường hợp chia tách, gộp lô hoặc gia công, phải duy trì thông tin liên kết với sản phẩm ban đầu và nhận diện sản phẩm sau gia công; không sử dụng kết quả cũ để chứng minh chỉ tiêu đã bị thay đổi bởi quá trình gia công." Cho phép sử dụng hồ sơ, mã và dữ liệu hợp pháp sẵn có nếu đối chiếu được; không bắt buộc cấp mã mới, thử nghiệm lại hoặc lập chứng chỉ riêng chỉ để đáp ứng hình thức quản lý.
76.	**SKHCN tỉnh An Giang**	Khoản 1 Điều 6	Đề nghị bổ sung thông tin "ngày sản xuất" vào danh mục thông tin nhận diện lô sản phẩm thép	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu liên kết ngày sản xuất khi pháp luật ghi nhãn, tiêu chuẩn, QCVN áp dụng yêu cầu. Không bổ sung đồng loạt trường ngày sản xuất độc lập cho mọi thép nếu mã mẻ, lô và hồ sơ đã xác định đủ, tránh tạo nghĩa vụ hồi tố hoặc dữ liệu không sẵn có. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				sửa: Sửa điểm đ khoản 1 Điều 6: có thông tin ngày sản xuất khi quy định áp dụng yêu cầu; dữ liệu đã có được liên kết, không nộp lại.
77.	**Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam**	điểm e khoản 1	Sửa điểm e khoản 1 Điều 6 thành "các chỉ tiêu phải kiểm soát theo tiêu chuẩn công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, nếu có".	**Tiếp thu.** Lý do: Các chỉ tiêu chủ yếu có thể gây tùy nghi, bỏ sót chỉ tiêu bắt buộc. Tiếp thu xác định theo tiêu chuẩn công bố và QCVN áp dụng; chỉ yêu cầu tài liệu tương ứng với nghĩa vụ thực tế, không mặc nhiên thử lại tất cả. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa điểm e khoản 1 Điều 6 thành kết quả hoặc dẫn chiếu đến kết quả của "các chỉ tiêu phải kiểm soát"; áp dụng cùng khoản 3 Điều 6 không phát sinh thử nghiệm chỉ để nhận diện.
78.	**Công ty CP Gang thép Thái Nguyên**	Khoản 1 Điều 6:	- **Nội dung tại Dự thảo:** Dự thảo yêu cầu sản phẩm thép phải bảo đảm có thể liên kết, truy xuất thông tin nhận diện thông qua thông tin thể hiện trên sản phẩm. - Thực tế đối với công nghệ: *+ Đối với thép hình cán nóng (chữ C, I, thép góc, thép mỏ, thép chống lò):* Bản chất hình học và công nghệ cán trục định hình không cho phép đúc nổi hoặc in phun mã mẻ/mã lô biến động lên từng thân thanh	**Tiếp thu về phương thức nhận diện.** Lý do: Dự thảo đã cho phép nhãn bó, cuộn, tài liệu kèm theo; không bắt buộc khắc mã mọi thanh. Tiếp thu làm rõ áp dụng cho thép hình, cuộn tròn trơn và sản phẩm tương tự theo đặc tính. Không cần tạo ngoại lệ chỉ cho dưới D10 vì sản phẩm khác có thể cùng hạn chế

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			thép mà không làm giảm tốc độ chuyền hoặc gây lỗi bề mặt chịu lực. Hiện nay nhà máy chỉ có thể quản lý bằng nhãn treo nhãn ở đầu bó thép thành phẩm. *+ Đối với thép cuộn xây dựng cỡ nhỏ (D6, D8 tròn trơn):* Sản xuất bằng block cán tốc độ cao, bề mặt trơn nhẵn nên không thể dập nổi logo hay ký hiệu trực tiếp trên thanh thép giống như thép thanh vằn. - **Kiến nghị:** Sửa đổi bổ sung cụ thể: *"Đối với sản phẩm thép hình cán nóng và thép cốt bê tông dạng cuộn tròn trơn kích thước dưới D10, phương thức thể hiện thông tin nhận diện sản phẩm được chấp thuận thông qua nhãn treo cố định tại đầu mỗi bó/cuộn thép sản phẩm"*	công nghệ; yêu cầu bắt buộc của QCVN về dấu nhận diện nếu có vẫn phải đáp ứng. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 2 Điều 6: cho sử dụng nhãn treo, thẻ bó, cuộn, hồ sơ phù hợp; không bắt buộc mã biến động lên từng thanh khi không có yêu cầu pháp luật/QCVN. Điều 7 duy trì liên kết khi bán lẻ.
79.	**Công ty CP Gang thép Thái Nguyên**	2. Tại Điều 3 (Khoản 2) và Điều 6: Quy định về quy cách đồng nhất của lô sản phẩm.	- **Nội dung dự thảo:** Quy định một lô sản phẩm phải có cùng mác thép và "cùng quy cách, kích thước". - **Thực tế đối với công nghệ:** Quá trình cắt khẩu độ chính xác cho thép xây dựng, thép hình (ví dụ: 11,7m, 6m, 12m) luôn phát sinh một lượng "đầu đuôi thừa", hoặc các thanh lỗi bề mặt nhẹ được phân cấp kỹ thuật (hàng loại 2) để bán giảm giá cho kết cấu phụ trợ. Các sản phẩm này thường được gom thành bó hỗn hợp quy cách. Nếu áp quy định trên, lượng sản phẩm phụ trợ này sẽ không thể lập hồ sơ chất lượng, gây lãng phí rất lớn cho doanh nghiệp. - **Kiến nghị:** Bổ sung điều khoản ngoại lệ cho phép lập Hồ sơ chất lượng và Chứng chỉ nhà sản xuất đối với danh mục "Sản phẩm thép ngắn hỗn hợp khẩu độ" hoặc "Hàng chuyển cấp kỹ thuật" để doanh nghiệp tiêu thụ hợp pháp.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu quản lý thép ngắn, bó hỗn hợp, chuyển cấp bằng hồ sơ phản ánh thật. Khoản 2 Điều 3 bản được cung cấp không quy định nguyên văn cùng quy cách, kích thước như ý kiến nêu; vấn đề cần giải quyết là quy tắc lô/đơn vị thử, tách đặc tính và phạm vi chứng chỉ. Không cho bán sản phẩm dưới chuẩn bắt buộc bằng cách đổi tên hàng loại hai. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 2 Điều 3 theo tiêu chuẩn/QCVN; bổ sung khoản 5 Điều 7 về sản phẩm hỗn hợp, thép

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				ngắn, chuyển cấp; phân tách phần có yêu cầu khác nhau và chứng minh sự phù hợp.
80.	**Thanh tra Chính phủ**		- Đối với Điều 6 và Điều 7 dự thảo Nghị định, đề nghị phân biệt nghĩa vụ lưu giữ thông tin, chứng từ nguồn gốc với nghĩa vụ triên khai hệ thống truy xuất bắt buộc. Điều 22 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP quy định truy xuất bắt buộc đối với sản phẩm có rủi ro cao theo danh mục, lộ trình; các sản phẩm khác được lựa chọn thực hiện. Nếu áp dụng rộng hơn, cần làm rõ căn cứ, sự cần thiết và chi phí tuân thủ. - Đề nghị làm rõ yêu cầu bảo đảm độ tin cậy của kết quả đo khối lượng, kích thước và thử nghiệm tại Điều 6, Điều 7, Điều 12 và Điều 16. Điều 19, khoản 2 Điều 21 và Điều 27, Điều 28 Luật Đo lường quy định việc kiểm soát phương tiện đo, phép đo và tính liên kết chuẩn của kết quả; cần phân biệt kiểm định bắt buộc với hiệu chuẩn, không áp dụng đồng loạt cho mọi thiết bị.	**Tiếp thu.** Lý do: (1) Tách lưu thông tin chứng từ với hệ thống truy xuất điện tử bắt buộc theo danh mục, lộ trình, không mở rộng nghĩa vụ truy xuất của nhóm cao sang mọi thép. (2) Yêu cầu đo lường phải phân biệt phương tiện đo nhóm 2 phải kiểm định với thiết bị hiệu chuẩn theo quy định kỹ thuật; bảo đảm liên kết chuẩn và độ tin cậy, không đồng loạt kiểm định. Phần cuối ý kiến trong bảng bị dở ở cụm "Đối với", không suy diễn thêm yêu cầu chưa có. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 4, khoản 5 Điều 6; khoản 7 Điều 7; khoản 1 Điều 12; khoản 3, khoản 5 Điều 16. Chuẩn hóa dẫn chiếu đo lường trong Bản thuyết minh; đề nghị cơ quan tổng hợp đối chiếu bản góp ý gốc đối với đoạn bị thiếu.
81.	**Thanh tra Chính phủ**	Khoản 2	Đề nghị làm rõ yêu cầu liên kết chỉ áp dụng đối với tài liệu phải có theo quy định của từng loại sản phẩm, tránh mặc nhiên yêu cầu mọi sản phẩm thép phải có chứng nhận hợp quy. Khoản 1, khoản 2 Điều 48 Luật	**Tiếp thu.** Lý do: Tài liệu đánh giá sự phù hợp và truy xuất chỉ phải có khi pháp luật yêu cầu đúng loại sản phẩm,

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quy định các căn cứ công bố hợp quy và trường hợp được miễn; Điều 37 Nghị định số 22/2026/NĐ- CP phân biệt công bố hợp chuẩn tự nguyện với công bố hợp quy bắt buộc.	phương thức và thời điểm; không mặc nhiên yêu cầu mọi thép có chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn hoặc hệ thống truy xuất. Kết quả tự nguyện được sử dụng phải liên kết đúng phạm vi. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3 Điều 6 và khoản 1 Điều 12: chỉ liên kết tài liệu bắt buộc hoặc được sử dụng hợp pháp; chứng nhận hợp quy khi phải có, dữ liệu truy xuất theo danh mục và lộ trình.
82.	**Bộ Tư pháp**		Đề nghị bổ sung chuyển tiếp đối với nghĩa vụ tại Điều 6 và Điều 7 dự thảo Nghị định, nhất là hàng tồn kho, thép đã chia tách hoặc sản phẩm không thể khôi phục mã mẻ luyện, mã lô ban đầu; tránh yêu cầu doanh nghiệp bổ sung thông tin không thể thực hiện đối với hàng hóa đã lưu thông hợp pháp.	**Tiếp thu.** Lý do: Hàng tồn, sản phẩm đã chia tách lưu thông hợp pháp có thể không khôi phục được dữ liệu mẻ, lô. Không buộc tạo dữ liệu lịch sử không thể có; vẫn phải lưu chứng từ hiện có và không miễn gian lận hoặc sản phẩm nguy hiểm. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 4 Điều 26: sử dụng hồ sơ hợp pháp hiện có; phần tiếp tục gia công sau thời điểm áp dụng phải liên kết hồ sơ đang có, không yêu cầu khôi phục mã bất khả thi.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
83.	**Bộ Công Thương**	Điều 6	Tại Điều 6 và Điều 7 dự thảo Nghị định, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét, bổ sung quy định theo chuỗi: Mẻ luyện, phôi, lô sản phẩm, chứng chỉ chất lượng, đơn hàng, nhập khẩu, kho, chia/cắt/gia công, khách hàng cuối cùng. Đồng thời quy định rõ hơn việc gia công chia cắt làm thay đổi chất lượng thép như: cán, nhiệt luyện,...	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu liên kết mẻ luyện, phôi, sản phẩm, chứng chỉ, giao nhận, nhập khẩu, kho và gia công theo công đoạn có liên quan. Không buộc mỗi chủ thể thu thập toàn bộ chuỗi đến mọi người dùng cuối hoặc tạo thêm hệ thống bắt buộc cho mọi mức rủi ro. Phải phân biệt chia tách không đổi đặc tính với cán, kéo, nhiệt luyện làm đổi chỉ tiêu. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa Điều 6, khoản 1–3 Điều 7, khoản 2 Điều 12, khoản 2, khoản 4 Điều 16; mỗi chủ thể lưu bên giao, bên nhận trực tiếp và liên kết lô. Hệ thống truy xuất số theo khoản 4 Điều 6.
Điều 7. Duy trì khả năng truy xuất nguồn gốc khi chia tách, gia công hoặc đóng gói lại				
84.	**Bộ Giáo dục và Đào tạo**	Điều 7	Đề nghị quy định rõ việc áp dụng các yêu cầu về nhận diện lô sản phẩm, thiết lập mã nhận diện sau gia công, lưu giữ hồ sơ và truy xuất nguồn gốc đối với thép, mẫu thép được sử dụng trong nghiên cứu khoa học, thí nghiệm, thực hành, đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, không nhằm mục đích kinh doanh, lưu thông trên thị trường. Đặc biệt, khoản 1 Điều 7 đang quy định chung đối với hoạt động cắt, xẻ, gia công thép, có	**Tiếp thu.** Lý do: Hoạt động chuẩn bị mẫu chỉ để nghiên cứu, thí nghiệm, thực hành, đào tạo không phải gia công sản phẩm để tiếp tục lưu thông. Không buộc tạo mã bán hàng hoặc hệ thống truy xuất riêng cho mẫu; vẫn giữ nghĩa vụ an toàn, hồ sơ mẫu

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			thể được hiểu bao gồm cả việc gia công, chuẩn bị mẫu thí nghiệm. Đề nghị phân định rõ hoạt động gia công để tiếp tục lưu thông với hoạt động chuẩn bị, thử nghiệm mẫu trong nghiên cứu, đào tạo; bảo đảm không phát sinh nghĩa vụ quản lý không cần thiết, đồng thời vẫn đáp ứng yêu cầu an toàn và truy xuất theo quy định pháp luật. Việc quy định đối với thép nhập khẩu cần thống nhất với trường hợp miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng mẫu phục vụ nghiên cứu khoa học, khảo nghiệm, thử nghiệm tại điểm c khoản 1 Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP	theo phương pháp thử và pháp luật. Miễn kiểm tra hàng mẫu nhập khẩu phải đúng điểm c khoản 1 và điều kiện liên quan tại Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, không miễn mọi thép mua bởi cơ sở giáo dục. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 1 và khoản 6 Điều 7; khi sản phẩm được đưa trở lại lưu thông phải đáp ứng nghĩa vụ tương ứng, không tiếp tục hưởng ngoại lệ mẫu chỉ từ tên gọi của đơn vị sử dụng.
85.	**Bộ Công Thương**	Điều 7	Tại Điều 6 và Điều 7 dự thảo Nghị định, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét, bổ sung quy định theo chuỗi: Mẻ luyện, phôi, lô sản phẩm, chứng chỉ chất lượng, đơn hàng, nhập khẩu, kho, chia/cắt/gia công, khách hàng cuối cùng. Đồng thời quy định rõ hơn việc gia công chia cắt làm thay đổi chất lượng thép như: cán, nhiệt luyện,...	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu liên kết mẻ luyện, phôi, sản phẩm, chứng chỉ, giao nhận, nhập khẩu, kho và gia công theo công đoạn có liên quan. Không buộc mỗi chủ thể thu thập toàn bộ chuỗi đến mọi người dùng cuối hoặc tạo thêm hệ thống bắt buộc cho mọi mức rủi ro. Phải phân biệt chia tách không đổi đặc tính với cán, kéo, nhiệt luyện làm đổi chỉ tiêu. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa Điều 6, khoản 1–3 Điều 7, khoản 2 Điều 12, khoản 2, khoản 4 Điều 16; mỗi chủ thể lưu bên giao,

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				bên nhận trực tiếp và liên kết lô. Hệ thống truy xuất số theo khoản 4 Điều 6.
86.	**Bộ Xây dựng**	Điều 7	- Tại Điều 7, đề nghị phân biệt trường hợp chỉ chia tách, đóng gói lại, cắt, uốn hoặc gia công không làm thay đổi các đặc tính kỹ thuật cần kiểm soát với trường hợp gia công làm thay đổi đặc tính kỹ thuật của sản phẩm. Trường hợp có thay đổi phải quy định trách nhiệm xác định, chứng minh chất lượng sản phẩm sau gia công; không sử dụng kết quả thử nghiệm của sản phẩm trước gia công để chứng minh các chỉ tiêu đã bị thay đổi, đồng thời vẫn duy trì liên kết truy xuất tới lô vật liệu đầu vào. - Đối với cắt, uốn, gia công cốt thép tại công trường, đề nghị cho phép thực hiện truy xuất thông qua hồ sơ xuất - nhập vật liệu, mã lô, biện pháp thi công và biên bản nghiệm thu; không bắt buộc thiết lập một hệ thống mã độc lập nếu vẫn bảo đảm liên kết đầy đủ với lô ban đầu. - Làm rõ quy định tại khoản 3 Điều 7 về trường hợp sản phẩm không còn khả năng chứng minh nguồn gốc: xác định tình trạng pháp lý, điều kiện tiếp tục sử dụng (nếu có) và cơ chế xác lập lại hồ sơ chất lượng.	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu cả ba nhóm: chia tách không đổi đặc tính sử dụng chứng chỉ đúng phạm vi; gia công làm đổi chỉ tiêu phải chứng minh chất lượng sau gia công; cắt uốn tại công trường dùng hồ sơ xây dựng. Không đủ liên kết không đồng nghĩa không đạt chất lượng, nhưng kết quả thử nghiệm mới không thay thế bằng chứng về nguồn gốc. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 7; xác định trách nhiệm chủ thể gia công, phương thức hồ sơ công trường và giới hạn sử dụng chứng chỉ ban đầu.
87.	**Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam**	khoản 1 Điều 7	Bổ sung thêm vào cuối khoản 1: "…; việc chuyển mã mẻ luyện, mác thép sang từng phần sản phẩm sau cắt tách phải được thực hiện trước khi cắt và được ghi nhận trong hồ sơ."	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu thiết lập phương án nhận diện trước khi cắt để không mất liên kết. Không bắt buộc chuyển mã vật lý lên mọi phần

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				trước cắt nếu có bảng cắt, sơ đồ, hồ sơ kho và chứng từ đủ đối chiếu; yêu cầu phải phù hợp dạng sản phẩm, quy mô và công nghệ. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa câu cuối khoản 1 Điều 7: phương án nhận diện được xác lập trước chia tách và ghi nhận khi thực hiện; cho phép mã nội bộ, bảng kê, hồ sơ, bản sao nhãn gắn với giao dịch.
88.	**UBND Điện Biên**	khoản 2	Đề nghị nghiên cứu bổ sung mẫu Bảng kê hồ sơ chuyển giao và quy định thống nhất về thành phần hồ sơ khi thực hiện chia tách, gia công thép, nhằm tạo thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện và bảo đảm thống nhất trong công tác quản lý.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu thống nhất trường thông tin tối thiểu. Chưa tiếp thu biểu mẫu bắt buộc riêng vì doanh nghiệp đã có hệ thống kho, hóa đơn, bảng cắt, giao nhận; biểu mẫu mới dễ tạo chi phí và hồ sơ trùng. Có thể phát hành mẫu hướng dẫn tự nguyện khi tổ chức thực hiện. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 2 Điều 7 xác định lượng nhận, xử lý, giao; nhận diện, phương thức, thời gian, bên giao/nhận trực tiếp; cho sử dụng chứng từ điện tử và hồ sơ hiện có, không buộc mẫu riêng.
89.	**Thanh tra Chính**	khoản 3	đề nghị quy định theo hướng cấm giả mạo, làm sai lệch thông tin, tránh cấm tuyệt đối việc thay đổi	**Tiếp thu.**

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	phủ		thông tin khi gia công hợp pháp làm thay đổi đặc tính sản phẩm. Trường hợp này cần xác định trách nhiệm đánh giá, công bố thông tin của sản phẩm sau gia công và duy trì liên kết với lô ban đầu; không sử dụng chứng chỉ cũ để chứng minh đặc tính đã thay đổi	Lý do: Cấm tuyệt đối thay đổi mác hoặc tiêu chuẩn có thể ngăn gia công hợp pháp làm đổi chất lượng. Cần cấm giả mạo, làm sai lệch; cho phép xác định lại thông tin trung thực của sản phẩm sau gia công trên cơ sở thử nghiệm, đánh giá đúng yêu cầu. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3, khoản 4 Điều 7; trách nhiệm chất lượng của chủ thể gia công tại khoản 4 Điều 25. Không dùng kết quả cũ cho chỉ tiêu đã thay đổi.
90.	**Bộ Nông nghiệp và Môi trường**	Khoản 3	Đề nghị làm rõ quy định: "không còn khả năng chứng minh có nguồn gốc từ lô đó" để minh bạch, thống nhất trong việc áp dụng.	**Tiếp thu.** Lý do: Không đủ bằng chứng liên kết là tình trạng không đối chiếu được phần sản phẩm với lô ban đầu từ thông tin nhận diện và chứng từ; phải tách khỏi kết luận không đạt chỉ tiêu. Đánh giá bổ sung có thể chứng minh đặc tính hiện tại nhưng không tự chứng minh lại nguồn gốc. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 4 Điều 7: không được dùng chứng chỉ lô ban đầu nếu không đủ liên kết, xác minh và xử lý theo pháp luật; không tự động kết luận không đạt, không hợp thức hóa

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				nguồn gốc bằng thử nghiệm
91.	**Công ty CP Gang thép Thái Nguyên**	Điều 7	□ **Nội dung dự thảo:** Yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện chia bó, cắt xẻ, chuyển đổi quy cách phải thiết lập mã nhận diện mới và lưu trữ hồ sơ chuyển giao. □ **Trong thực tế:** Thép hình và thép xây dựng khi ra thị trường thường được các đại lý nhỏ lẻ rút cây bán lẻ cho các đơn vị kết cấu hoặc người dân. Các thanh thép lẻ này hoàn toàn mất nhãn treo gốc của nhà máy, trong khi các đại lý thương mại không thể in lại tem nhãn. Quy định này vô tình đẩy sản phẩm bán lẻ thành "hàng không rõ nguồn gốc", gây rủi ro pháp lý hệ thống cho nhà sản xuất khi cơ quan quản lý thị trường hậu kiểm. □ **Kiến nghị:** Phân định rõ trách nhiệm. Đối với các đại lý thương mại chỉ thực hiện rút lẻ, chia nhỏ bó thép nguyên bản để bán lẻ (không gia công làm thay đổi cơ lý tính), chỉ cần yêu cầu lưu giữ và cung cấp bản sao nhãn treo gốc hoặc Chứng chỉ chất lượng đi kèm của nhà sản xuất cho khách hàng.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu đại lý rút lẻ không đổi cơ tính được lưu bản sao nhãn/chứng chỉ kết hợp chứng từ kho, giao nhận thay in tem mới. Bản sao nhãn đơn thuần không đủ nếu không chứng minh thanh bán ra thuộc lô tương ứng; không tự động đẩy trách nhiệm của đại lý về nhà sản xuất. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1, khoản 2 Điều 7 và khoản 3 Điều 25: duy trì tương ứng phần bán với lô, được dùng hồ sơ sẵn có, trách nhiệm theo công đoạn. Không bắt buộc hệ thống mã độc lập.
92.	**Vun Pháp chế, Bộ KH&CN**	Điều 6, Điều 7 và Điều 8	Đề mhjok làm rõ căn cứ pháp lý của các quy định đặc thù hoặc quy định bổ sung so với quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời, đề nghị đánh giá tác động của các yêu cầu này đối với hoạt động sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh sản phẩm thép; bảo đảm thống nhất với pháp luật về truy xuất nguồn gốc, hộ chiếu số sản phẩm, ghi nhãn, quản lý chất lượng hàng hóa và không làm phát sinh thủ tục hành chính hoặc chi phí tuân thủ không cần thiết	**Tiếp thu.** Lý do: Các yêu cầu nhận diện, lưu giữ thông tin, gia công và hộ chiếu số chỉ phù hợp khi cụ thể hóa đúng nghĩa vụ luật định, có tính cần thiết và tương xứng với rủi ro. Không phát sinh thủ tục hành chính mới không có nghĩa là không phát sinh chi phí tuân thủ; cần đánh giá cả chi phí mã hóa, phần mềm, lưu trữ,

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				nhân lực và thử nghiệm. Đề xuất chỉnh lý: (1) Điều 6 chỉ yêu cầu khả năng nhận diện, đối chiếu và truy xuất; chấp nhận mã, chứng từ, dữ liệu điện tử hợp pháp sẵn có. (2) Điều 7 phân biệt gia công không làm thay đổi chỉ tiêu chất lượng với gia công làm thay đổi chỉ tiêu; trách nhiệm chứng minh sự phù hợp tương ứng với phần bị tác động, không mặc nhiên thử nghiệm lại toàn bộ. (3) Điều 8 dẫn chiếu lộ trình và phạm vi áp dụng hộ chiếu số theo quyết định của cấp có thẩm quyền; không biến dữ liệu khuyến khích về môi trường thành điều kiện lưu thông hoặc thông quan. Đề xuất bổ sung quy định chung: "Không yêu cầu tổ chức, cá nhân lập lại hoặc cung cấp lại thông tin, tài liệu hợp pháp đã có và được cơ quan có thẩm quyền khai thác qua kết nối, chia sẻ dữ liệu. Nghĩa vụ tạo lập, cung cấp dữ liệu bắt buộc được thực hiện theo đúng đối tượng, nội dung và thời điểm do pháp luật quy định."
Điều 8. Hộ chiếu số của sản phẩm thép				
93.	**UBND Điện Biên**	khoản 1	Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về lộ trình	**Tiếp thu về xây dựng lộ trình.**

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			triển khai Hộ chiếu số theo từng giai đoạn, trong đó có thể ưu tiên triển khai trước đối với thép kết cấu, thép cốt bê tông; sau đó mở rộng đối với các nhóm thép thương mại khác, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng đáp ứng của doanh nghiệp.	Lý do: Tiếp thu cân nhắc ưu tiên nhóm có rủi ro, nhu cầu quản lý và khả năng hạ tầng cao. Chưa ấn định ngay thứ tự thép kết cấu, cốt bê tông trong Nghị định khi chưa đánh giá chi phí, dữ liệu, năng lực; thẩm quyền phê duyệt lộ trình hộ chiếu số thực hiện theo Điều 33 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1 Điều 8 về nhóm sản phẩm, thời điểm, dữ liệu, kỹ thuật và thời gian chuẩn bị; khoản 4 Điều 22 về nhiệm vụ trình/triển khai lộ trình đúng thẩm quyền. Báo cáo đánh giá so sánh phương án triển khai theo giai đoạn.
94.	**Công ty CP China Steel & Nippon Steel Việt Nam**	khoản 1	Để xuất tối thiểu 24 tháng chuẩn bị từ khi đủ hướng dẫn kỹ thuật và công săn sàng. Lý do: Hộ chiếu sản phẩm thép nên giữ áp dụng theo lộ trình, phạm vi sản phâm áp dụng và căn cứ bắt buộc; công bố kể hoạch, phương pháp, người chịu trách nhiệm dữ liệu và quyến truy cập trước khi áp dụng.	**Tiếp thu** yêu cầu công bố lộ trình và điều kiện kỹ thuật trước khi bắt buộc áp dụng hộ chiếu số. Chỉnh khoản 1 Điều 8 theo hướng lộ trình phải đánh giá tác động, xác định nhóm sản phẩm, yêu cầu dữ liệu, điều kiện triển khai và thời gian chuẩn bị hợp lý. Không tiếp thu ấn định cứng tối thiểu 24 tháng cho mọi nhóm khi chưa có cơ sở đánh giá và thẩm quyền quyết định lộ trình cụ thể thuộc văn bản triển khai.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
95.	**UBND Hải Phòng**	Điểm b khoản 2	đề nghị bỏ cụm từ "cơ sở và địa điểm sản xuất". Với lý do đã được quy định với thông tin tối thiểu tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu không yêu cầu khai báo trùng thông tin nhà sản xuất. Tuy nhiên, địa điểm nhà máy có thể khác địa chỉ pháp nhân, cần liên kết để quản lý đúng cơ sở và lô. Vì vậy giữ giá trị thông tin cơ sở, địa điểm nhưng chỉ sử dụng lại dữ liệu chủ, không thêm biểu mẫu. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa điểm b khoản 2 Điều 8: "Mã mẻ luyện, mã lô và thông tin liên kết với cơ sở, địa điểm sản xuất; sử dụng lại thông tin đã có trong dữ liệu chủ".
96.	**Công ty CP China Steel & Nippon Steel Việt Nam**	điểm đ, khoản 2	Phân định rõ: Khái niệm kiểm kê khí nhà kính (KNK) cấp cơ sở (nghĩa vụ bắt buộc theo Luật BVMT) và dấu chân carbon cấp sản phẩm (tính theo vòng đời, hiện chưa bắt buộc chung). Kiến nghị: Làm rõ căn cứ pháp lý, phương pháp tính, |yêu câu thâm tra và lộ trình áp dụng cụ thể trước khi quy định bắt buộc trong hộ chiều số. Lý do: đề xuất cơ quan soạn thảo làm rõ sự khác biệt giữa dữ liệu kiêm kê khí nhà kính cập cơ sở và dữ liệu dậu chân carbon câp sản phẩm trong yêu cầu về hộ chiếu số sản phẩm thép heo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành, nghĩa vụ kiêm kê, báo cáo và giảm nhẹ phát	**Tiếp thu**. Chỉnh điểm đ khoản 2 Điều 8 và khoản 5 Điều 26: phân biệt kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở với dấu chân carbon cấp sản phẩm; chỉ phát sinh dữ liệu bắt buộc khi có căn cứ, phương pháp, yêu cầu kỹ thuật và thời điểm được ban hành đúng thẩm quyền. Không chuyển dữ liệu tự nguyện thành điều kiện công bố hợp quy, thông quan hoặc lưu thông.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			thải khí nhà kính được áp dụng đối với các cơ sở thuộc đối tượng quản lý. Trong khi đó, việc định lượng và công bô dâu chân carbon của từng sản phẩm thép có phạm vi, phương pháp tính toán và mục đích sử dụng khác biệt, hiện chưa phải nghĩa vụ bắt buộc chung đối với tất cả sản phẩm thép. Page 5 of 7 Do đó, đề xuất quy định rõ căn cứ pháp lý, đối tượng áp dụng, phương pháp tính toán, yêu cầu xác minh và lộ trình thực hiện đổi với từng loại dữ liệu trước khi đưa và dạnh mục thông tin bắt buộc của hộ chiêu số sản phẩm thép.	
97.	**UBND tỉnh Cà Mau**	Điều 8	Tại Điều 8 (trang 4, 5): Đề nghị quy định theo hướng nguyên tắc đối với hộ chiếu số; các yêu cầu cụ thể về cấu trúc dữ liệu, mã định danh, phương thức kết nối, trường dữ liệu bắt buộc và thời điểm áp dụng cần gắn với lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Khoa học và Công nghệ, tránh phát sinh nghĩa vụ bắt buộc khi hạ tầng kỹ thuật và hệ thống dữ liệu chưa đầy đủ.	**Tiếp thu.** Lý do: Nghị định chỉ quy định nguyên tắc và nhóm dữ liệu đặc thù, thời điểm bắt buộc phải theo lộ trình phê duyệt, cấu trúc và hạ tầng dùng chung. Không yêu cầu doanh nghiệp tự xây hệ thống mới hay khai lại dữ liệu đã có. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1, khoản 3 Điều 8 và khoản 5 Điều 21; khoản 5 Điều 26 dẫn đúng lộ trình truy xuất, hộ chiếu số; không trao quyền hướng dẫn để đặt thêm nghĩa vụ vượt luật.
98.	**Thanh tra Chính phủ**	Điều 8	Đối với quy định về hộ chiếu số của sản phẩm thép, đề nghị bảo đảm thực hiện theo đúng lộ trình, yêu cầu kỹ thuật và hệ thống dữ liệu được cơ quan có thẩm quyền xác định; không làm phát sinh yêu cầu	**Tiếp thu.** Lý do: Nghị định chỉ quy định nguyên tắc và nhóm dữ liệu đặc thù, thời điểm bắt buộc phải theo lộ trình

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			tổ chức, cá nhân phải thiết lập hệ thống dữ liệu riêng hoặc cung cấp lại thông tin đã có trên hệ thống được kết nối, chia sẻ.	phê duyệt, cấu trúc và hạ tầng dùng chung. Không yêu cầu doanh nghiệp tự xây hệ thống mới hay khai lại dữ liệu đã có. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1, khoản 3 Điều 8 và khoản 5 Điều 21; khoản 5 Điều 26 dẫn đúng lộ trình truy xuất, hộ chiếu số; không trao quyền hướng dẫn để đặt thêm nghĩa vụ vượt luật.
99.	**Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân**	Điều 8	Điều 8 Hộ chiếu số của sản phẩm thép trong dự thảo quy định việc áp dụng hộ chiếu số của sản phẩm thép có khả năng kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia phải có hoặc liên kết được với các thông tin tối thiểu theo quy định của pháp luật và các thông tin đặc thù khác. Tuy nhiên, Nghị định 372/2026/NĐ-CP vừa được Chính phủ ban hành ngày 29/9/2026, có hiệu lực từ 1/1/2027 thiết lập Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá (mã UID; dữ liệu chủ về sản phẩm; kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia; nguyên tắc truy xuất theo lô/mẻ hoặc đơn vị;...). Như vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung đánh giá trong báo cáo thuyết minh, làm rõ cơ chế giữa hai hệ thống quản lý định danh - hộ chiếu sản phẩm, hàng hóa để tránh nghĩa vụ tuân thủ chồng lấn, lặp lại của doanh nghiệp theo cả hai văn bản và hai hệ thống.	**Tiếp thu.** Lý do: Hộ chiếu số là tập dữ liệu sản phẩm phục vụ quản lý chất lượng; định danh, xác thực, truy xuất theo Nghị định số 372/2026/NĐ-CP là hạ tầng và cơ chế kết nối. Hai nội dung phải liên thông, không buộc doanh nghiệp duy trì hai bộ mã, hai lần khai cùng dữ liệu; cần phân tích quan hệ này tại Bản thuyết minh. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3 Điều 8 và Điều 21 về kết nối Nền tảng quốc gia, Cổng truy xuất và cơ sở dữ liệu liên quan; xác định chủ thể cập nhật, sử dụng lại kết nối, dữ liệu. Thuyết minh Điều 8, Điều 21 phân biệt chức năng dữ liệu và hạ tầng.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
100.	**Bộ Xây dựng**	Điều 8	Đề nghị rà soát Điều 8, Điều 21 và các quy định liên quan để thống nhất với khuôn khổ quản lý dữ liệu, truy xuất nguồn gốc và nền tảng số quốc gia theo Nghị định số 372/2026/NĐ-CP. Hộ chiếu số của thép nên được xác định là bộ dữ liệu chuyên ngành tích hợp với hạ tầng dùng chung, không thiết lập hệ thống độc lập nếu không cần thiết. - Phân loại rõ trường dữ liệu bắt buộc, dữ liệu cung cấp khi có yêu cầu và dữ liệu khuyến khích; quy định chủ thể tạo lập, cập nhật, xác thực và quyền khai thác dữ liệu. - Đối với thông tin về hàm lượng vật liệu tái chế, dữ liệu phát thải khí nhà kính, dấu chân carbon, đề nghị cân nhắc lộ trình và mức độ bắt buộc phù hợp với năng lực đo lường, kiểm kê hiện nay; trước mắt có thể áp dụng theo cơ chế khuyến khích hoặc bắt buộc đối với trường hợp doanh nghiệp chủ động công bố, thị trường xuất khẩu hoặc quy định chuyên ngành có yêu cầu.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu tích hợp dữ liệu chuyên ngành, tách bắt buộc/tự nguyện, chủ thể và quyền truy cập. Làm rõ công bố tự nguyện làm phát sinh trách nhiệm trung thực, chứng minh nội dung đã công bố, không làm mọi dữ liệu môi trường trở thành nghĩa vụ chất lượng chung; yêu cầu xuất khẩu chỉ áp dụng giao dịch tương ứng. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 2–4 Điều 8; Điều 21 và Điều 25 phân trách nhiệm từng chủ thể; khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 9 và khoản 5 Điều 26 giới hạn bắt buộc theo căn cứ, lộ trình.
101.	**Sở KHCN tỉnh An Giang**	Khoản 3 Điều 8	Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: "Hộ chiếu số của sản phẩm thép phải sử dụng mã định danh duy nhất, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống truy xuất nguồn gốc của địa phương (nếu địa phương có hệ thống truy xuất nguồn gốc) và Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia; không yêu cầu tổ chức, cá nhân thiết lập hệ thống dữ liệu riêng đối với các thông tin đã được cập nhật trên hệ thống có kết nối, chia sẻ dữ liệu".	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu khả năng liên thông hệ thống địa phương, nhưng không buộc doanh nghiệp kết nối thêm riêng từng địa phương khi đã kết nối hợp lệ qua hạ tầng quốc gia hoặc hệ thống liên thông. Tránh phân mảnh yêu cầu kỹ thuật. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3 Điều 8, Điều 21 theo Nghị định số 372/2026/NĐ-

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				CP: dữ liệu được chia sẻ cho địa phương theo phân quyền qua hạ tầng dùng chung; không thêm nghĩa vụ kết nối trùng lặp.
102.	**Công ty CP Gang thép Thái Nguyên**	Tại Điều 8	**Nội dung dự thảo:** Quy định áp dụng bắt buộc Hộ chiếu số sản phẩm thép tích hợp dữ liệu phát thải khí nhà kính, dấu chân carbon theo lộ trình của Thủ tướng Chính phủ. **Trong thực tế:** Ngành luyện kim cán nóng là ngành tiêu thụ năng lượng lớn. Phần lớn các dây chuyền sản xuất thép hình và thép xây dựng trong nước hiện nay chưa đồng bộ hệ thống tự động hóa đo lường phát thải đến từng mẻ cán cụ thể do thiếu hệ thống phần mềm quản lý sản xuất. Doanh nghiệp cần chi phí và thời gian rất lớn để cải tạo đầu tư. **Kiến nghị:** Đối với riêng nhóm sản phẩm thép cán nóng phục vụ xây dựng và kết cấu trong nước, kiến nghị kéo dài lộ trình chuẩn bị bắt buộc áp dụng Hộ chiếu số tối thiểu từ 5 – 7 năm kể từ khi Nghị định có hiệu lực để doanh nghiệp kịp chuyển đổi số, tránh gây đứt gãy cung ứng nội địa và làm tăng giá thành xây dựng.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu nhu cầu thời gian, đầu tư và năng lực đo lường của doanh nghiệp; không coi dữ liệu phát thải đến từng mẻ là nghĩa vụ mặc nhiên. Chưa tiếp thu cố định miễn 5–7 năm riêng nhóm cán nóng khi chưa có đánh giá tác động; thẩm quyền phê duyệt lộ trình được xác định tại Điều 33 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP; thời hạn phải theo nhóm, dữ liệu và hạ tầng thực tế, không tùy tiện kéo dài nghĩa vụ pháp luật môi trường đang có. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1 Điều 8 về lộ trình và thời gian chuẩn bị; khoản 8 Điều 3 về phạm vi tính carbon; khoản 5 Điều 26 theo lộ trình riêng. Đề nghị bổ sung vào Tờ trình chi phí thiết bị, phần mềm, nhân lực theo phương án giai đoạn, không ấn định 5–7 năm trong Nghị định.
Điều 9. Hệ thống quản lý tiên tiến và sản xuất giảm phát thải				

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
103.	**Công ty CP China Steel & Nippon Steel Việt Nam**	Điểm d, khoản 1	Phân biệt phạm vi: Tách bạch việc kiêm kê KNK nhà máy với định lượng dầu chân carbon từng mã sản phâm. Kiến nghị: Duy trì cơ chế khuyến khích, tự nguyện đối với công bố dâu chân carbon; tránh áp đặt thành tiêu chí bắt buộc khi chưa có văn bản luật giao quyên.	**Tiếp thu.** Khoản 4 Điều 4 và Điều 9 khẳng định công bố dấu chân carbon là khuyến khích, trừ khi pháp luật có quy định nghĩa vụ bắt buộc cụ thể. Đồng bộ cách diễn đạt tại điểm đ khoản 2 Điều 8 và khoản 5 Điều 26; phân biệt kiểm kê cấp cơ sở với định lượng cấp sản phẩm.
104.	**Công ty CP China Steel & Nippon Steel Việt Nam**	Khoản 1	Phân định rõ: Nội dung "được xem xét ghi nhận trong đánh giá lịch sử tuân thủ" hiện chưa xác định rõ cơ quan thực hiện đánh giá, tiêu chí đánh giá, chu kỳ cập nhật và phương thức sử dụng kết quả đánh giá. Kiến nghị: Bổ sung quy định hoặc dẫn chiếu văn bản quy định về thẩm quyền, phương pháp, tần suất đánh giá lịch sử tuân thủ và ảnh hưởng của kết quả đánh giá đối với hoạt động quản lý rủi ro, hậu kiểm và lựa chọn đối tượng kiêm tra	**Tiếp thu một phần**. Chỉnh khoản 3 Điều 9, xác định cơ quan có thẩm quyền đánh giá rủi ro, kiểm tra theo pháp luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; việc ghi nhận lịch sử tuân thủ và tác động đến chế độ kiểm tra chỉ theo tiêu chí, kỳ đánh giá, thẩm quyền có quy định hiện hành. Không đặt thêm quy trình, chu kỳ đánh giá độc lập trong Nghị định này.
105.	**Bộ Nông nghiệp và Môi trường**	điểm đ khoản 1	Đề nghị làm rõ quy định về "phòng thử nghiệm" thuộc loại nào, đáp ứng điều kiện, quy định nào để cơ sở sản xuất thép được khuyến khích áp dụng và được xem xét ghi nhận trong đánh giá lịch sử tuân thủ.	**Tiếp thu.** Lý do: Làm rõ phòng thử nghiệm có năng lực theo chỉ tiêu, phương pháp, phạm vi đo; có thể là phòng nội bộ phục vụ kiểm soát sản xuất hoặc tổ chức dịch vụ. Kết quả dùng cho nghĩa vụ bắt buộc phải đáp ứng điều kiện pháp lý tương ứng. Chứng nhận/công nhận năng lực không tự động tạo lịch sử tuân thủ tốt.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Thay điểm đ khoản 1 Điều 9 cũ bằng khoản 2 Điều 9 mới; khoản 3 không tự động ưu tiên hay giảm kiểm tra vì có hệ thống/phòng thử nghiệm.
106.	**Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ, Bộ KH&CN**	điểm c khoản 1 và khoản 2	Sửa đổi, bổ sung tên Điều 9, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Dự thảo Nghị định (Khuyến khích ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ tiên tiến, công nghệ xanh) - Quy định tại dự thảo cần sửa: Điểm c khoản 1 Điều 9 chỉ quy định "c) Sản xuất sạch hơn, kinh tế tuần hoàn, sử dụng nguyên liệu tái chế, tiết kiệm tài nguyên và năng lượng;" (chưa khớp với cột 2 Điều 9 Bản thuyết minh ghi "c) Sản xuất xanh..."), bỏ sót nội dung khuyến khích ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ sản xuất thép tiên tiến, công nghệ sạch, công nghệ xanh. - Đề nghị sửa tên Điều 9, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 9 thành: + Tên Điều 9: "Điều 9. Hệ thống quản lý tiên tiến, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ xanh và sản xuất giảm phát thải"; + Điểm c khoản 1 Điều 9 (đồng bộ với Bản thuyết minh): "c) Ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch, công nghệ xanh; sản xuất sạch hơn, kinh tế tuần hoàn, sử dụng nguyên liệu tái chế, tiết kiệm tài nguyên và năng lượng;"; + Khoản 2 Điều 9: "2. Việc khuyến khích ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ thực hiện theo pháp luật về chuyển giao công nghệ và pháp luật có liên quan, không làm phát sinh điều kiện đầu tư kinh doanh hoặc thủ tục hành chính mới. Chứng nhận hệ thống quản lý hoặc	**Tiếp thu** về nội dung khuyến khích ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ. Sửa tên Điều 9, khoản 1 Điều 9, thống nhất với Bản thuyết minh. Không quy định ưu đãi, điều kiện hoặc quy trình chuyển giao công nghệ mới vì đã thuộc pháp luật chuyên ngành; các nội dung quản lý chất lượng được giữ đúng phạm vi Nghị định.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			việc áp dụng biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này không thay thế yêu cầu về chất lượng sản phẩm, đánh giá sự phù hợp, công bố hợp quy hoặc kiểm tra nhà nước theo quy định của pháp luật.” - Lý do, căn cứ pháp lý: Bảo đảm thống nhất với điểm đ khoản 3 Điều 6c Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Luật số 78/2025/QH15: “đ) Hỗ trợ trong việc phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường, công nghệ xanh và giải pháp tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất.”) và khoản 5a Điều 2, khoản 3 Điều 3, khoản 2 Điều 9 Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 (sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 7 Điều 1 Luật số 115/2025/QH15): “2. Công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch, công nghệ xanh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam được khuyến khích chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao trong nước...”.	
107.	**UBND Hải Phòng**	Khoản 3	Đề nghị xem xét lại quy định “3. Việc sử dụng dữ liệu phát thải, năng lượng, vật liệu tái chế hoặc thông tin môi trường để quản lý chất lượng sản phẩm thép chỉ được thực hiện khi dữ liệu đó là nội dung bắt buộc của quy chuẩn kỹ thuật, hộ chiếu số, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc cam kết hợp pháp của tổ chức, cá nhân.” Do việc hạn chế sử dụng dữ liệu này sẽ không khuyến khích cơ sở sản xuất thép áp dụng Hệ thống quản lý tiên tiến và sản xuất giảm phát thải.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu bỏ cách diễn đạt có thể ngăn sử dụng thông tin môi trường tự nguyện. Bảo lưu nguyên tắc không biến dữ liệu đó thành điều kiện chất lượng hoặc ưu đãi kiểm tra vô căn cứ. Dữ liệu có thể dùng kiểm chứng công bố và phân tích rủi ro khi liên quan trực tiếp, có căn cứ, đúng mục đích. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3, khoản 4 Điều 9:

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				cho sử dụng thông tin hợp pháp, có liên quan; không tự động miễn, giảm kiểm tra hoặc đặt ngưỡng môi trường thay yêu cầu kỹ thuật sản phẩm.
108.	**UBND Cần Thơ**	khoản 3 Điều 9	Đề nghị xem xét lại quy định "3. Việc sử dụng dữ liệu phát thải, năng lượng, vật liệu tái chế hoặc thông tin môi trường để quản lý chất lượng sản phẩm thép chỉ được thực hiện khi dữ liệu đó là nội dung bắt buộc của quy chuẩn kỹ thuật, hộ chiếu số, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc cam kết hợp pháp của tổ chức, cá nhân." Do việc hạn chế sử dụng dữ liệu này sẽ không khuyến khích cơ sở sản xuất thép áp dụng Hệ thống quản lý tiên tiến và sản xuất giảm phát thải.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu bỏ cách diễn đạt có thể ngăn sử dụng thông tin môi trường tự nguyện. Bảo lưu nguyên tắc không biến dữ liệu đó thành điều kiện chất lượng hoặc ưu đãi kiểm tra vô căn cứ. Dữ liệu có thể dùng kiểm chứng công bố và phân tích rủi ro khi liên quan trực tiếp, có căn cứ, đúng mục đích. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3, khoản 4 Điều 9: cho sử dụng thông tin hợp pháp, có liên quan; không tự động miễn, giảm kiểm tra hoặc đặt ngưỡng môi trường thay yêu cầu kỹ thuật sản phẩm.
109.	**UBND tỉnh Lai Châu**	Điều 9	Điều 9 dự thảo Nghị định quy định về Hệ thống quản lý tiên tiến và sản xuất giảm phát thải: Đề nghị đơn vị soạn thảo làm rõ cơ sở pháp lý của việc "… ghi nhận trong đánh giá lịch sử tuân thủ…" đối với các biện pháp về "hệ thống quản lý môi trường, quản lý năng lượng, quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; sản xuất sạch hơn, kinh tế tuần hoàn; đo	**Tiếp thu.** Lý do: Ý kiến có cơ sở: dự thảo cũ gắn mọi hệ thống môi trường, năng lượng, an toàn và giảm phát thải với lịch sử tuân thủ chất lượng là quá rộng. Khuyến khích không đồng nghĩa tự động có ưu tiên hoặc giảm

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			lường, kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính, công bố dấu chân carbon của sản phẩm" nhằm bảo đảm không làm phát sinh thêm tiêu chí, điều kiện quản lý chất lượng ngoài quy định của pháp luật. Qua rà soát, các nội dung này được quy định trong các lĩnh vực chuyên ngành tương ứng, như pháp luật về bảo vệ môi trường; sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; an toàn, vệ sinh lao động và các tiêu chuẩn có liên quan; tuy nhiên, chưa thấy quy định trực tiếp xác định đây là tiêu chí để "ghi nhận trong đánh giá lịch sử tuân thủ".	kiểm tra; tiêu chí áp dụng phải theo pháp luật về chất lượng. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bỏ cụm "được xem xét ghi nhận trong đánh giá lịch sử tuân thủ" ở câu mở khoản 1 Điều 9; bổ sung khoản 3 về chỉ dữ liệu trực tiếp liên quan, có căn cứ mới được phân tích; không tự động áp dụng ưu tiên trong chế độ kiểm tra.
110.	**Công ty CP Gang thép Thái Nguyên**	Điều 9	- Nội dung dự thảo: Quy định áp dụng bắt buộc Hộ chiếu số sản phẩm thép tích hợp dữ liệu phát thải khí nhà kính, dấu chân carbon theo lộ trình của Thủ tướng Chính phủ. - Trong thực tế: Ngành luyện kim cán nóng là ngành tiêu thụ năng lượng lớn. Phần lớn các dây chuyền sản xuất thép hình và thép xây dựng trong nước hiện nay chưa đồng bộ hệ thống tự động hóa đo lường phát thải đến từng mẻ cán cụ thể do thiếu hệ thống phần mềm quản lý sản xuất. Doanh nghiệp cần chi phí và thời gian rất lớn để cải tạo đầu tư. - Kiến nghị: Đối với riêng nhóm sản phẩm thép cán nóng phục vụ xây dựng và kết cấu trong nước, kiến nghị kéo dài lộ trình chuẩn bị bắt buộc áp dụng Hộ chiếu số tối thiểu từ 5 – 7 năm kể từ khi Nghị định có hiệu lực để doanh nghiệp kịp chuyển đổi số, tránh gây đứt gãy cung ứng nội địa và làm tăng giá thành xây dựng.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu nhu cầu thời gian, đầu tư và năng lực đo lường của doanh nghiệp; không coi dữ liệu phát thải đến từng mẻ là nghĩa vụ mặc nhiên. Chưa tiếp thu cố định miễn 5–7 năm riêng nhóm cán nóng khi chưa có đánh giá tác động; thẩm quyền phê duyệt lộ trình được xác định tại Điều 33 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP; thời hạn phải theo nhóm, dữ liệu và hạ tầng thực tế, không tùy tiện kéo dài nghĩa vụ pháp luật môi trường đang có. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1 Điều 8 về lộ trình và thời gian chuẩn bị; khoản 8 Điều 3 về phạm vi tính carbon; khoản 5 Điều 26 theo lộ trình riêng. Đề nghị

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				bổ sung vào Tờ trình chi phí thiết bị, phần mềm, nhân lực theo phương án giai đoạn, không ấn định 5–7 năm trong Nghị định.
Điều 10. Áp dụng chế độ quản lý chất lượng thép nhập khẩu				
111.	**Bộ Giáo dục và Đào tạo**	Điều 10	Đề nghị quy định rõ việc áp dụng các yêu cầu về nhận diện lô sản phẩm, thiết lập mã nhận diện sau gia công, lưu giữ hồ sơ và truy xuất nguồn gốc đối với thép, mẫu thép được sử dụng trong nghiên cứu khoa học, thí nghiệm, thực hành, đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, không nhằm mục đích kinh doanh, lưu thông trên thị trường. Đặc biệt, khoản 1 Điều 7 đang quy định chung đối với hoạt động cắt, xẻ, gia công thép, có thể được hiểu bao gồm cả việc gia công, chuẩn bị mẫu thí nghiệm. Đề nghị phân định rõ hoạt động gia công để tiếp tục lưu thông với hoạt động chuẩn bị, thử nghiệm mẫu trong nghiên cứu, đào tạo; bảo đảm không phát sinh nghĩa vụ quản lý không cần thiết, đồng thời vẫn đáp ứng yêu cầu an toàn và truy xuất theo quy định pháp luật. Việc quy định đối với thép nhập khẩu cần thống nhất với trường hợp miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng mẫu phục vụ nghiên cứu khoa học, khảo nghiệm, thử nghiệm tại điểm c khoản 1 Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP	**Tiếp thu.** Lý do: Hoạt động chuẩn bị mẫu chỉ để nghiên cứu, thí nghiệm, thực hành, đào tạo không phải gia công sản phẩm để tiếp tục lưu thông. Không buộc tạo mã bán hàng hoặc hệ thống truy xuất riêng cho mẫu; vẫn giữ nghĩa vụ an toàn, hồ sơ mẫu theo phương pháp thử và pháp luật. Miễn kiểm tra hàng mẫu nhập khẩu phải đúng điểm c khoản 1 và điều kiện liên quan tại Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, không miễn mọi thép mua bởi cơ sở giáo dục. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 1 và khoản 6 Điều 7; khi sản phẩm được đưa trở lại lưu thông phải đáp ứng nghĩa vụ tương ứng, không tiếp tục hưởng ngoại lệ mẫu chỉ từ tên gọi của đơn vị sử dụng.
112.	**Bộ Nông nghiệp và Môi trường**	Khoản 1 Điều 10	Tại Thông tư 36/2026/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục sản	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu không suy rằng toàn

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, thép được xếp vào loại sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình. Do đó, tại khoản 1 Điều 10 dự thảo Nghị định, đề nghị sửa cụm từ "sản phẩm thép nhập khẩu có … mức độ rủi ro cao" cho phù hợp với pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa và pháp luật có liên quan.	bộ thép là rủi ro cao. Không bỏ tuyệt đối quy định dự phòng cho sản phẩm thuộc danh mục cao khi danh mục được sửa hợp pháp; mức rủi ro tại thời điểm áp dụng quyết định chế độ quản lý. Các nhóm trung bình vẫn theo cơ chế trung bình, không bị áp kiểm tra nhập khẩu của nhóm cao. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 14 và khoản 2, khoản 3 Điều 22 theo danh mục còn hiệu lực, thẩm quyền hiện hành; Điều 11 chỉ áp dụng cơ chế tương ứng tại Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Không tự động nâng mức rủi ro bằng Nghị định này.
113.	**Văn phòng, Bộ KHCN**	Khoản 2, Điều 10	Quy định không yêu cầu thành phần hồ sơ riêng đối với sản phẩm thép, trừ dữ liệu nhận diện đặc thù tại Điều 6; trong khi Điều 12 khoản 2 yêu cầu phân tách hồ sơ hoặc lập bảng đối chiếu đối với lô hàng có nhiều mác thép, mẻ luyện hoặc lô sản phẩm. Tuy nhiên, dự thảo chưa làm rõ đây là tài liệu tổ chức, cá nhân tự lưu giữ phục vụ hậu kiểm hay thành phần hồ sơ, thông tin phải cung cấp khi thực hiện TTHC. Đề nghị làm rõ tính chất của các thông tin, tài liệu nêu trên. Trường hợp phải cung cấp khi thực hiện TTHC, cần xác định cụ thể TTHC có liên quan, nội dung và cách thức cung cấp; đồng thời cho phép sử dụng	**Tiếp thu.** Lý do: Ngoại lệ "trừ dữ liệu nhận diện đặc thù tại Điều 6" dễ được hiểu là bổ sung thành phần hồ sơ nhập khẩu. Cần phân biệt hồ sơ doanh nghiệp tự lưu giữ phục vụ truy xuất, hậu kiểm với thông tin phải nộp khi thực hiện thủ tục hành chính; việc đổi tên tài liệu thành "dữ liệu" không làm mất tính chất thủ tục nếu vẫn bắt buộc nộp để được

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử hợp pháp đã có, không yêu cầu lập lại tài liệu có nội dung trùng lặp. Trường hợp làm thay đổi thành phần hồ sơ hoặc thông tin kê khai của TTHC hiện hành, đề nghị xác định TTHC bị tác động và thực hiện đánh giá tác động theo quy định	giải quyết. Đề xuất sửa khoản 2 Điều 10: "Thành phần hồ sơ, thông tin kê khai và việc giải quyết thủ tục kiểm tra chất lượng thép nhập khẩu thực hiện theo pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật có liên quan. Thông tin nhận diện tại Điều 6 và tài liệu đối chiếu tại khoản 2 Điều 12 do tổ chức, cá nhân lưu giữ để bảo đảm truy xuất và cung cấp khi có yêu cầu kiểm tra hợp pháp; không là thành phần hồ sơ bổ sung hoặc điều kiện thông quan theo Nghị định này." Đề xuất sửa khoản 2 Điều 12: "Đối với lô hàng có nhiều mác thép, mẻ luyện hoặc lô sản phẩm, tổ chức, cá nhân lưu giữ thông tin cho phép đối chiếu từng phần hàng hóa với chứng từ chất lượng tương ứng. Được sử dụng chứng từ, bảng kê hoặc dữ liệu điện tử hợp pháp sẵn có; chỉ lập thông tin đối chiếu bổ sung đối với nội dung còn thiếu, không bắt buộc một biểu mẫu riêng."
114.	**Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia**	khoản 2 Điều 10	Bổ sung khoản 2 Điều 10: khai thác dữ liệu từ hồ sơ, chứng chỉ, hệ thống đã có; chỉ bổ sung thông tin còn thiếu để xác minh lô hàng, không lập biểu mẫu, giấy	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu khai thác hồ

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	Việt Nam		xác nhận hoặc thử nghiệm mới chỉ để cung cấp dữ liệu nhận diện.	sơ/chứng chỉ sẵn có, chỉ làm rõ thiếu hụt cần thiết, không phát sinh thử nghiệm hay giấy xác nhận chỉ vì yêu cầu nhận diện. Điều này không miễn tài liệu, thử nghiệm bắt buộc do pháp luật/QCVN yêu cầu. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 2 Điều 10, khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 12 về tận dụng dữ liệu, không biểu mẫu mới hoặc thử nghiệm mới chỉ để cung cấp thông tin nhận diện.
115.	**Bộ Ngoại giao**	Tại khoản 3 Điều 10	đề nghị chỉnh sửa như sau: "Kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức nước ngoài được sử dụng khi được thừa nhận theo pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế có liên quan". Do việc dẫn chiếu đến pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đã bao gồm các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về sự phù hợp (quy định tại Điều 57 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật) nên không cần thiết nêu riêng "điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế có liên quan".	**Tiếp thu một phần về việc tránh trùng lặp dẫn chiếu**. Sửa khoản 3 Điều 10 theo hướng dẫn chiếu pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và điều ước quốc tế có liên quan. Không đồng nhất "thỏa thuận quốc tế" với điều ước quốc tế hoặc mặc nhiên coi mọi kết quả nước ngoài được sử dụng khi chưa đáp ứng cơ chế thừa nhận hợp pháp và phạm vi thừa nhận.
116.	**Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân**	khoản 3 Điều 10	Khoản 3 Điều 10 quy định "Kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức nước ngoài được sử dụng khi được thừa nhận theo pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế có liên quan." Dự thảo nghị định cho phép thừa nhận	**Tiếp thu.** Lý do: Dẫn chiếu thừa nhận phải đi kèm khả năng tra cứu tổ chức, phạm vi sản phẩm, chỉ tiêu, tiêu chuẩn/QCVN và hiệu lực; không để

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức nước ngoài, tuy nhiên để doanh nghiệp thực sự sử dụng được kết quả đó, phải xác định được tổ chức nước ngoài nào được thừa nhận và phạm vi thừa nhận cụ thể (ví dụ như Quyết định 4419/QĐ-BQP ngày 15/8/2026 của Bộ Quốc phòng về thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức nước ngoài, đã công bố danh sách các tổ chức, quốc gia, sản phẩm và tiêu chuẩn/QCVN cụ thể). Nếu không có danh sách/văn bản tra cứu công khai, doanh nghiệp vẫn có rủi ro phải thực hiện lại thử nghiệm tại Việt Nam hoặc phải trao đổi trước với cơ quan quản lý để xác định khả năng chấp nhận.	doanh nghiệp phải xin xác định lại từng lô. Không thể lập danh sách mới khi chưa có quyết định thừa nhận hợp pháp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 3 Điều 10; khoản 4, khoản 5 Điều 21 về công khai, tra cứu và cập nhật quyết định thừa nhận; hồ sơ phải rà soát danh sách thực tế, không dùng quyết định của ngành khác làm thừa nhận mặc nhiên cho thép.
117.	**UBND Nghệ An**	Điều 10	Đề nghị nghiên cứu, chỉ rõ cách xử lý khi một sản phẩm thuộc từ hai quy chuẩn trở lên.	**Tiếp thu.** Lý do: Sản phẩm thuộc nhiều QCVN phải đáp ứng yêu cầu bắt buộc tương ứng; một kết quả không tự động thay mọi kết quả theo QCVN khác. Cần tái sử dụng cùng chỉ tiêu khi phương pháp, mẫu, hiệu lực và phạm vi phù hợp, chỉ đánh giá phần thiếu và xử lý chồng lấn theo thẩm quyền. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 5 Điều 5; khoản 2, khoản 6 Điều 26 giao rà soát trong 12 tháng và xử lý chuyển tiếp, không tạo thủ tục xác nhận tương đương. Rà soát cụ thể từng sản phẩm, chỉ tiêu trước khi kết luận có

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				chồng lấn.
118.	**UBND Đồng Nai**	Điều 10	Đề nghị bổ sung nguyên tắc xử lý đối với trường hợp hồ sơ nhập khẩu có sai khác về tên hàng, quy cách, khối lượng, mã hàng hoặc cách thể hiện thông tin giữa các chứng từ, nhưng vẫn có đủ căn cứ xác định nguồn gốc và sự phù hợp của sản phẩm. Việc này sẽ hạn chế tình trạng sản phẩm bị đánh giá không phù hợp chỉ do lỗi hành chính hoặc sai khác về cách thể hiện hồ sơ trong khi chất lượng thực tế vẫn đáp ứng yêu cầu.	**Tiếp thu.** Lý do: Sai khác tên, cách viết, quy cách, số lượng hoặc mã hàng phải được đánh giá xem có ảnh hưởng thực chất đến nhận diện và nghĩa vụ pháp lý. Chỉ lỗi hình thức có thể khắc phục mới được giải trình tương ứng; sai HS, xuất xứ, khối lượng có hậu quả thuế hoặc gian lận không mặc nhiên được coi lỗi hình thức. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3, khoản 4 Điều 12: cho giải trình sai khác còn xác định được sản phẩm; nêu nội dung, căn cứ, thời hạn; tách lỗi hồ sơ với chưa đủ bằng chứng và kết luận không phù hợp, xử lý gian lận theo pháp luật.
Điều 11. Xác định sản phẩm thép nhập khẩu cùng loại				
119.	**Bộ Xây dựng**	khoản 1 Điều 11	Tại khoản 1 Điều 11, đề nghị làm rõ sản phẩm thép nhập khẩu "cùng loại" là sản phẩm của lần nhập khẩu tiếp theo có cùng các thông tin nhận diện và thuộc phạm vi của sản phẩm đã được đánh giá trước đó; tiêu chí này cần thống nhất trực tiếp với Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.	**Tiếp thu.** Lý do: Cùng loại phải đáp ứng toàn bộ điều kiện tương ứng tại Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP; không chỉ cùng nhà sản xuất, mác, công nghệ hoặc tổ chức đánh giá sự phù hợp. Không thêm điều kiện

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				phải cùng tổ chức đánh giá sự phù hợp khi luật không quy định; không sử dụng lại chứng nhận theo lô cho lô mới ngoài hiệu lực. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1, khoản 2 Điều 11: giữ điều kiện tên, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính, cơ sở, xuất xứ và điều kiện khác tại Điều 86; đối chiếu phạm vi sản phẩm, không yêu cầu cùng chứng chỉ theo lô.
120.	**Bộ Nông nghiệp và Môi trường**	Khoản 1 Điều 11	Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa quy định về sản phẩm thép có mức độ rủi ro cao tại khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 14, khoản 3 Điều 22 dự thảo Nghị định cho phù hợp với pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa và pháp luật có liên quan.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu không suy rằng toàn bộ thép là rủi ro cao. Không bỏ tuyệt đối quy định dự phòng cho sản phẩm thuộc danh mục cao khi danh mục được sửa hợp pháp; mức rủi ro tại thời điểm áp dụng quyết định chế độ quản lý. Các nhóm trung bình vẫn theo cơ chế trung bình, không bị áp kiểm tra nhập khẩu của nhóm cao. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 14 và khoản 2, khoản 3 Điều 22 theo danh mục còn hiệu lực, thẩm quyền hiện hành; Điều 11 chỉ áp dụng cơ chế tương ứng tại Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				Không tự động nâng mức rủi ro bằng Nghị định này.
121.	**Bộ Quốc phòng**	Điểm c khoản 1	Đề nghị nghiên cứu việc sử dụng cụm từ "nếu có" tại quy định của khoản này: "Cùng công dụng, nhãn hiệu, tiêu chuẩn công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, nếu có". Lý do: Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, một trong những tiêu chí để giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao là phải "Cùng công dụng, nhãn hiệu".	**Tiếp thu về làm rõ câu chữ.** Lý do: Cụm nếu có trong dự thảo chỉ nhằm chỉ QCVN, không cho phép thiếu nhãn hiệu hoặc công dụng khi Điều 86 yêu cầu phải cùng. Bỏ toàn bộ mà không chỉnh câu có thể gây hiểu mọi thép phải có QCVN. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa điểm c khoản 1 Điều 11 thành: "Cùng công dụng, nhãn hiệu và tiêu chuẩn công bố áp dụng; áp dụng cùng quy chuẩn kỹ thuật khi thuộc phạm vi điều chỉnh". Giữ điều kiện chung tại khoản 1 theo Điều 86.
122.	**Thanh tra Chính phủ**	điểm d khoản 1	Đề nghị tách rõ điều kiện xác định hàng hóa cùng loại với điều kiện sử dụng lại kết quả đánh giá sự phù hợp. Khoản 2 Điều 34 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và khoản 5 Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP quy định việc không phải công bố hợp quy lại; không đồng nghĩa được sử dụng chứng nhận của lô trước cho lô sau trong trường hợp chứng nhận theo lô	**Tiếp thu.** Lý do: Cùng loại là tiêu chí sản phẩm phục vụ chế độ quản lý; hiệu lực kết quả đánh giá sự phù hợp là vấn đề khác. Không công bố hợp quy lại không cho phép dùng chứng nhận lô trước thay chứng nhận lô sau khi phương thức bắt buộc là theo lô. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				sửa: Giữ tiêu chí cùng cơ sở sản xuất tại điểm d khoản 1 Điều 11; khoản 2 khẳng định không sử dụng chứng nhận theo lô ngoài phạm vi hiệu lực. Không đặt điều kiện phải cùng một giấy chứng nhận cho mọi lần nhập.
123.	**Bộ Xây dựng**	điểm d khoản 1 Điều 11	Tại điểm d khoản 1 Điều 11, nghiên cứu bổ sung tiêu chí cùng doanh nghiệp/công ty, cùng cơ sở và địa điểm sản xuất, đồng thời thuộc phạm vi của cùng sản phẩm đã được đánh giá sự phù hợp để tăng tính chặt chẽ khi áp dụng cơ chế giảm kiểm tra hoặc không thực hiện lại công bố hợp quy.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu giữ cơ sở, địa điểm và phạm vi sản phẩm đã đánh giá. Không thay điều kiện cùng người nhập khẩu tại Điều 86 bằng cùng nhà sản xuất/công ty; nhiều pháp nhân hoặc nhà máy không mặc nhiên là một cơ sở. Không yêu cầu cùng giấy chứng nhận khi giấy chứng nhận cấp theo lô. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa mở đầu khoản 1 Điều 11 dẫn toàn bộ điều kiện Điều 86, điểm d gắn với cơ sở và sản phẩm; khoản 2 tách hiệu lực kết quả. Không thêm điều kiện độc lập về công ty nếu không cần cho định danh cơ sở.
124.	**UBND Đồng Nai**	điểm d, khoản 1	Được sản xuất tại cùng cơ sở, địa điểm sản xuất và thuộc phạm vi của cùng kết quả đánh giá sự phù hợp. Đề nghị điều chỉnh thành "Được sản xuất tại cùng cơ sở, cùng nhà sản xuất thuộc một quốc gia/vùng lãnh thổ và thuộc phạm vi của cùng kết quả đánh giá	**Tiếp thu một phần và bảo lưu tiêu chí cơ sở.** Lý do: Tiếp thu thuận lợi thương mại và dùng dữ liệu đã có. Chưa tiếp thu coi nhiều nhà máy cùng

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			sự phù hợp". Do tại Điểm d theo dự thảo quy định "Được sản xuất tại cùng cơ sở, địa điểm sản xuất" là chưa thật sự tạo điều kiện cho thương mại quốc tế. Ví dụ: Công ty Thép Hòa Phát (của Việt Nam), công ty này có nhà máy sản xuất tại miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Nếu quy định tại cùng cơ sở, địa điểm sản xuất thì 03 nhà máy của Hòa Phát sẽ là 03 cơ sở và 03 địa điểm khác nhau, trong khi đó cùng một ký mã hiệu sản phẩm dù được sản xuất tại nhà máy nào của Hòa Phát trên lãnh thổ Việt Nam thì đều có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật.	doanh nghiệp, cùng quốc gia là một cơ sở để giảm kiểm tra: dây chuyền, nguyên liệu, kiểm soát có thể khác; Điều 86 yêu cầu cùng cơ sở sản xuất. Cùng tiêu chuẩn không chứng minh cùng chất lượng, phạm vi đánh giá. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Giữ điểm d khoản 1 Điều 11 về cùng cơ sở, địa điểm thuộc phạm vi sản phẩm đã đánh giá; khoản 2, khoản 3 cho đối chiếu hồ sơ và không xin xác nhận. Trường hợp đánh giá bao quát nhiều địa điểm phải xem căn cứ và phạm vi pháp lý, không suy rộng tự động.
125.	**UBND Nghệ An**	Khoản 1 Điều 11	Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung nội dung "cùng mã số hàng hóa đã được đánh giá".	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu dùng mã HS trong hồ sơ đối chiếu. Không bổ sung cùng mã HS làm điều kiện đủ hoặc độc lập: nhiều mác khác chất lượng có cùng HS, thay đổi phân loại hành chính chưa chắc thay đổi sản phẩm. Điều kiện cùng loại vẫn phải theo Điều 86. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung câu tại khoản 2 Điều 11: "Mã HS dùng đối chiếu, không thay thế đặc tính kỹ thuật"; khoản 3

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				sử dụng hồ sơ hải quan và tài liệu kỹ thuật làm căn cứ.
126.	**UBND Quảng Ninh**	khoản 3 Điều 11	Tại khoản 3 Điều 11: Đề nghị bổ sung thêm cơ chế quản lý rủi ro đồng bộ và hệ thống: "Trong trường hợp phát hiện doanh nghiệp có hành vi gian lận, lạm dụng quy định tự xác định hàng cùng loại, cơ quan kiểm tra gửi thông tin để cập nhật vào Hệ thống quản lý rủi ro quốc gia, tự động từ chối quyền tự xác định của doanh nghiệp trong các lần nhập khẩu tiếp theo".	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu cập nhật thông tin về gian lận vào dữ liệu rủi ro và xử lý theo chế độ kiểm tra có căn cứ pháp luật. Không tiếp thu cơ chế tự động từ chối quyền tự xác định hàng cùng loại đối với các lần nhập khẩu tiếp theo chỉ bằng cập nhật dữ liệu, vì chưa xác định căn cứ, thẩm quyền, phạm vi và thời hạn áp dụng. Việc xử lý phải dựa trên kết quả xác minh, bảo đảm quyền giải trình và điều kiện điều chỉnh biện pháp theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 4 Điều 11; Điều 21 cập nhật dữ liệu, Điều 19 xem xét khắc phục; không thiết lập chế tài tự động mới hoặc hệ thống rủi ro riêng.
127.	**UBND Lào Cai**	khoản 3 Điều 11	"Tổ chức, cá nhân nhập khẩu tự xác định, lưu giữ hồ sơ chứng minh việc đáp ứng điều kiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật; không phải thực hiện thủ tục xin xác nhận trước. Cơ quan kiểm tra thực hiện đối chiếu trong hoạt động hậu kiểm...". Đề nghị Ban soạn thảo quy định rõ hoặc giao cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thành phần hồ sơ tối thiểu mà tổ	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu xác định các nhóm thông tin doanh nghiệp cần lưu để chứng minh điều kiện; không tạo bộ hồ sơ xin phép, mẫu cố định hay thêm giấy xác nhận. Tài liệu tối thiểu tùy cơ chế và phương thức

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			chức, cá nhân nhập khẩu phải lưu giữ để chứng minh việc đáp ứng điều kiện xác định sản phẩm thép nhập khẩu cùng loại theo quy định. Lý do: Trong quá trình thực hiện, các tổ chức, cá nhân có thể áp dụng khác nhau trong việc xác định và lưu giữ hồ sơ chứng minh, dẫn đến cách hiểu và thực hiện không thống nhất, gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động hậu kiểm, đối chiếu, xác minh và đánh giá việc tuân thủ quy định. Việc quy định rõ thành phần hồ sơ tối thiểu sẽ góp phần bảo đảm tính minh bạch, thống nhất trong thực hiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về chất lượng thép.	đánh giá, phải đủ đối chiếu lần trước/lần sau và lịch sử tuân thủ. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3 Điều 11: hồ sơ hải quan, tài liệu nhà sản xuất, kỹ thuật, đánh giá sự phù hợp và tuân thủ theo trường hợp; lưu thông tin đối chiếu điều kiện, không biểu mẫu riêng, không xác nhận trước.
Điều 12. Liên kết hồ sơ của thép nhập khẩu				
128.	**Bộ Xây dựng**	khoản 1 Điều 12	Tại khoản 1 Điều 12, đề nghị sửa "chứng nhận hợp quy" thành "chứng nhận hợp quy trong trường hợp pháp luật quy định phải có" và rà soát tương tự đối với các tài liệu đánh giá sự phù hợp khác, bảo đảm phù hợp cơ chế quản lý theo mức độ rủi ro và tránh phát sinh yêu cầu hồ sơ vượt quá quy định.	**Tiếp thu.** Lý do: Tài liệu đánh giá sự phù hợp và truy xuất chỉ phải có khi pháp luật yêu cầu đúng loại sản phẩm, phương thức và thời điểm; không mặc nhiên yêu cầu mọi thép có chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn hoặc hệ thống truy xuất. Kết quả tự nguyện được sử dụng phải liên kết đúng phạm vi. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3 Điều 6 và khoản 1 Điều 12: chỉ liên kết tài liệu bắt buộc hoặc được sử dụng hợp pháp; chứng nhận hợp quy khi phải có, dữ

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				liệu truy xuất theo danh mục và lộ trình.
129.	**Thanh tra Chính phủ**	Khoản 1	Đề nghị làm rõ yêu cầu liên kết chỉ áp dụng đối với tài liệu phải có theo quy định của từng loại sản phẩm, tránh mặc nhiên yêu cầu mọi sản phẩm thép phải có chứng nhận hợp quy. Khoản 1, khoản 2 Điều 48 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quy định các căn cứ công bố hợp quy và trường hợp được miễn; Điều 37 Nghị định số 22/2026/NĐ- CP phân biệt công bố hợp chuẩn tự nguyện với công bố hợp quy bắt buộc.	**Tiếp thu.** Lý do: Tài liệu đánh giá sự phù hợp và truy xuất chỉ phải có khi pháp luật yêu cầu đúng loại sản phẩm, phương thức và thời điểm; không mặc nhiên yêu cầu mọi thép có chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn hoặc hệ thống truy xuất. Kết quả tự nguyện được sử dụng phải liên kết đúng phạm vi. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3 Điều 6 và khoản 1 Điều 12: chỉ liên kết tài liệu bắt buộc hoặc được sử dụng hợp pháp; chứng nhận hợp quy khi phải có, dữ liệu truy xuất theo danh mục và lộ trình.
130.	**Thanh tra Chính phủ**	Điều 12	Đối với khoản 2 Điều 6 và khoản 1 Điều 12 dự thảo Nghị định, đề nghị làm rõ yêu cầu liên kết chỉ áp dụng đối với tài liệu phải có theo quy định của từng loại sản phẩm, tránh mặc nhiên yêu cầu mọi sản phẩm thép phải có chứng nhận hợp quy. Khoản 1, khoản 2 Điều 48 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quy định các căn cứ công bố hợp quy và trường hợp được miễn; Điều 37 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP phân biệt công bố hợp chuẩn tự nguyện với công bố hợp quy bắt buộc.	**Tiếp thu.** Lý do: Tài liệu đánh giá sự phù hợp và truy xuất chỉ phải có khi pháp luật yêu cầu đúng loại sản phẩm, phương thức và thời điểm; không mặc nhiên yêu cầu mọi thép có chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn hoặc hệ thống truy xuất. Kết quả tự nguyện được sử dụng phải

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				liên kết đúng phạm vi. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3 Điều 6 và khoản 1 Điều 12: chỉ liên kết tài liệu bắt buộc hoặc được sử dụng hợp pháp; chứng nhận hợp quy khi phải có, dữ liệu truy xuất theo danh mục và lộ trình.
131.	**Thanh tra Chính phủ**	Điều 12	Đối với khoản 3 Điều 12 dự thảo Nghị định, đề nghị phân biệt sai phạm hồ sơ, trường hợp chưa đủ bằng chứng và sản phẩm đã được xác định không phù hợp. Dấu hiệu gian lận hồ sơ là căn cứ xác minh, xử lý hành vi liên quan, chưa đủ để kết luận sản phẩm không đạt chất lượng.	**Tiếp thu.** Lý do: Ý kiến đúng về phân biệt hậu quả: gian lận hồ sơ có thể bị xử lý riêng nhưng không tự chứng minh vật liệu không đạt chỉ tiêu; chưa đủ chứng cứ chỉ dẫn đến xác minh, không được suy đoán chất lượng kém. Cần bỏ ngoại lệ cuối khoản 3 cũ có thể làm mất nguyên tắc này. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Tách khoản 3 Điều 12 cũ thành khoản 3 về giải trình lỗi và khoản 4 về ba tình huống; kết luận không phù hợp chất lượng chỉ khi đủ căn cứ; vẫn xử lý gian lận đã chứng minh.
132.	**Bộ Tư pháp**		Về dữ liệu truy xuất nguồn gốc (Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 16) Khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 2 Điều 13 và khoản 5 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định dữ liệu truy	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu giới hạn truy xuất bắt buộc theo khoản 2 Điều 6d Luật và Điều 22 Nghị định số

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			xuất nguồn gốc là thành phần bắt buộc phải liên kết với hồ sơ lô hàng nhập khẩu và là nội dung xác minh khi kiểm tra tại nguồn. Quy định này dẫn đến cách hiểu tất cả sản phẩm thép nhập khẩu đều bắt buộc phải có dữ liệu truy xuất nguồn gốc. Trong khi đó, khoản 3 Điều 6d Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định: "Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông sản phẩm, hàng hóa được khuyến khích và hỗ trợ triển khai truy xuất nguồn gốc, phù hợp với quy mô, đặc điểm ngành hàng và điều kiện sản xuất, kinh doanh". Đồng thời, khoản 2 Điều 6d Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và khoản 1 Điều 22 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP quy định: "Đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao, việc truy xuất nguồn gốc là bắt buộc và do Bộ, cơ quan ngang Bộ xác định, có lộ trình thực hiện, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với năng lực của doanh nghiệp và đặc thù phát triển của từng ngành hàng". Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo cần chỉnh lý quy định tại Điều 12 và Điều 13 dự thảo Nghị định để bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Ngoài ra, khoản 1 Điều 14 dự thảo Nghị định quy định: "Đối tượng được xem xét kiểm tra chất lượng thép tại nguồn là cơ sở sản xuất ở nước ngoài có sản phẩm thép mức độ rủi ro trung bình hoặc mức độ rủi ro cao đã được nhập khẩu, đưa ra lưu thông tại Việt	37/2026/NĐ-CP, cập nhật Nghị định số 372/2026/NĐ-CP. Đối với nhóm trung bình, chỉ dùng hồ sơ phải có hoặc thông tin tự nguyện được sử dụng hợp pháp; việc xác minh gian lận MTC không đồng nghĩa phải có hệ thống truy xuất điện tử. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 4 Điều 6, khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 13, khoản 4 Điều 14, khoản 5 Điều 16; không lấy thiếu dữ liệu tự nguyện làm vi phạm hoặc lý do riêng để lựa chọn tại nguồn.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			Nam". Trong khi đó, một trong các mục tiêu của việc kiểm tra chất lượng thép tại nguồn là để "xác minh tính xác thực, tính nhất quán và khả năng liên kết của hồ sơ chất lượng, chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất và dữ liệu truy xuất nguồn gốc" (điểm b khoản 2 Điều 13 dự thảo Nghị định). Tuy nhiên, khoản 2 Điều 6d Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và khoản 1 Điều 22 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP quy định: "Đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao, việc truy xuất nguồn gốc là bắt buộc và do Bộ, cơ quan ngang Bộ xác định, có lộ trình thực hiện, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với năng lực của doanh nghiệp và đặc thù phát triển của từng ngành hàng". Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo cần chỉnh lý các quy định về việc kiểm tra chất lượng thép tại nguồn đối với sản phẩm thép có mức độ rủi ro trung bình để bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	
133.	**Bộ Tư pháp**		Về kiểm tra chất lượng thép tại nguồn (Chương IV) Chương IV dự thảo Nghị định (Điều 13 đến Điều 20) quy định về kiểm tra chất lượng thép tại nguồn, tức là biện pháp hậu kiểm theo rủi ro được thực hiện đối với cơ sở sản xuất ở nước ngoài có sản phẩm thép được nhập khẩu, đưa ra lưu thông tại Việt Nam. Mặc dù khoản 1 Điều 13 dự thảo Nghị định nêu rõ việc kiểm tra chất lượng thép tại nguồn không phải là "*thủ tục đánh giá sự phù hợp*", khoản 2 Điều 19 dự thảo Nghị định quy định kết quả kiểm tra chất lượng thép tại nguồn "*không có giá trị thay thế kết quả đánh giá sự phù hợp*". Tuy nhiên, đề nghị cơ quan	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu đánh giá theo bản chất: định nghĩa rộng của Phụ lục 1.3 TBT bao gồm thử nghiệm, kiểm tra, xác minh để xác định đáp ứng tiêu chuẩn/QCVN; không thể loại trừ chỉ bằng tuyên bố không phải đánh giá sự phù hợp. Cơ chế chỉ áp dụng nhập khẩu phải được so với nghĩa vụ trong nước ở tình huống tương đương theo GATT III.4 và TBT 5.1, chứng minh cần thiết,

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			chủ trì soạn thảo rà soát kỹ các quy định về kiểm tra chất lượng thép tại nguồn, trong đó có nội dung kiểm tra (Điều 16) và phương pháp kiểm tra (Điều 17), để bảo đảm các quy định này không thuộc phạm vi của thủ tục đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Phụ lục I.3 Hiệp định về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), trong đó quy định rõ thủ tục đánh giá tính phù hợp là bất kỳ thủ tục nào, được áp dụng trực tiếp hoặc gián tiếp, để xác định xem các yêu cầu có liên quan trong các quy định hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật có được thực hiện hay không; bao gồm các thủ tục về chọn mẫu, thử nghiệm, và kiểm tra; đánh giá, thẩm định và đảm bảo tính phù hợp; đăng ký, công nhận và chấp nhận cũng như sự kết hợp của các thủ tục này. Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 14 dự thảo Nghị định xác định đối tượng kiểm tra chất lượng thép tại nguồn là "*cơ sở sản xuất ở nước ngoài có sản phẩm thép mức độ rủi ro trung bình hoặc mức độ rủi ro cao đã được nhập khẩu, đưa ra lưu thông tại Việt Nam*", tuy nhiên, quy định về kiểm tra chất lượng thép tại nguồn không áp dụng cho các cơ sở sản xuất thép trong nước. Liên quan đến nội dung này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát và giải trình rõ về sự phù hợp với nguyên tắc đối xử quốc gia tại Điều III.4 Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) 1994 tại hồ sơ dự thảo Nghị định trình Chính phủ	tương xứng và không phân biệt. Khác phương pháp không tự động vi phạm nhưng không được coi nhập khẩu tự nó là yếu tố rủi ro. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bỏ tuyên bố tuyệt đối không phải thủ tục đánh giá sự phù hợp tại khoản 1 Điều 13 cũ; thêm khoản 4, khoản 5 Điều 13. Hồ sơ phải bổ sung đánh giá cam kết và thực hiện nghĩa vụ thông báo TBT nếu thuộc trường hợp phải thông báo; không giải trình đã tuân thủ khi chưa đánh giá.
134.	**UBND Đồng Nai**		Đề nghị bổ sung thêm quy định "Trường hợp có sai khác về hình thức, cách thể hiện thông tin trên chứng	**Tiếp thu.** Lý do: Sai khác tên, cách viết, quy

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			từ nhưng không ảnh hưởng đến việc xác định nguồn gốc, chủng loại, chất lượng và khả năng truy xuất sản phẩm thì cho phép tổ chức, cá nhân giải trình, bổ sung hoặc khắc phục". Quy định này sẽ phù hợp với nguyên tắc quản lý theo rủi ro và tránh phát sinh các trường hợp xử lý không phù hợp chỉ do lỗi hành chính của hồ sơ.	cách, số lượng hoặc mã hàng phải được đánh giá xem có ảnh hưởng thực chất đến nhận diện và nghĩa vụ pháp lý. Chỉ lỗi hình thức có thể khắc phục mới được giải trình tương ứng; sai HS, xuất xứ, khối lượng có hậu quả thuế hoặc gian lận không mặc nhiên được coi lỗi hình thức. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3, khoản 4 Điều 12: cho giải trình sai khác còn xác định được sản phẩm; nêu nội dung, căn cứ, thời hạn; tách lỗi hồ sơ với chưa đủ bằng chứng và kết luận không phù hợp, xử lý gian lận theo pháp luật.
135.	**Thanh tra Chính phủ**	khoản 3	Đề nghị phân biệt sai phạm hồ sơ, trường hợp chưa đủ bằng chứng và sản phẩm đã được xác định không phù hợp. Dấu hiệu gian lận hồ sơ là căn cứ xác minh, xử lý hành vi liên quan, chưa đủ để kết luận sản phẩm không đạt chất lượng.	**Tiếp thu.** Lý do: Ý kiến đúng về phân biệt hậu quả: gian lận hồ sơ có thể bị xử lý riêng nhưng không tự chứng minh vật liệu không đạt chỉ tiêu; chưa đủ chứng cứ chỉ dẫn đến xác minh, không được suy đoán chất lượng kém. Cần bỏ ngoại lệ cuối khoản 3 cũ có thể làm mất nguyên tắc này. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Tách khoản 3 Điều 12 cũ thành khoản 3 về giải trình lỗi và khoản 4

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				về ba tình huống; kết luận không phù hợp chất lượng chỉ khi đủ căn cứ; vẫn xử lý gian lận đã chứng minh.
136.	**UBND Điện Biên**	khoản 3	Đề nghị quy định cụ thể thời hạn tối đa để doanh nghiệp giải trình, bổ sung, khắc phục các sai lệch về hình thức trên hồ sơ chất lượng, nhằm bảo đảm rõ về thời gian xử lý hồ sơ, hạn chế phát sinh việc kéo dài thời gian thông quan hàng hóa.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu yêu cầu rõ thời hạn, nhưng không đặt thời hạn tối đa riêng cho mọi lỗi chứng từ thép vì còn thủ tục hải quan, kiểm tra và các loại khắc phục khác nhau đã có thời hạn. Một thời hạn mới có thể kéo dài thông quan hoặc rút ngắn quyền giải trình trái quy định. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3 Điều 12: cơ quan nêu rõ nội dung, căn cứ và thời hạn theo thủ tục hiện hành; không thêm thời gian chờ. Thời hạn 07 ngày tại Điều 18 chỉ cho dự thảo báo cáo xác minh tại nguồn, không áp dụng thay thời hạn hồ sơ nhập khẩu.
Điều 13. Tính chất, mục tiêu và nguyên tắc kiểm tra chất lượng thép tại nguồn				
137.	**Thanh tra Chính phủ**		a) Điều 13 dự thảo Nghị định quy định việc kiểm tra chất lượng thép tại nguồn "không phải là điều kiện thông quan, thủ tục hành chính đối với người nhập khẩu, thủ tục đánh giá sự phù hợp và không thay thế kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định". Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu đánh giá giá trị tăng thêm, căn cứ, quyền tiếp cận và nguồn lực. Kết quả chỉ cung cấp thông tin hậu kiểm chưa đủ để biện minh đoàn trực tiếp thường xuyên;

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			làm rõ căn cứ pháp lý, sự cần thiết và hiệu quả, giá trị tăng của việc kiểm tra trực tiếp tại cơ sở sản xuất ở nước ngoài so với các phương thức xác minh từ xa, kiểm tra hồ sơ, lấy mẫu thử nghiệm và hậu kiểm tại Việt Nam, qua đó chứng minh sự cần thiết của cơ chế này. Đồng thời, cần làm rõ tính khả thi và nguồn lực thực hiện, gồm: kinh phí từ ngân sách nhà nước; nhân lực, chuyên môn, phương tiện và thiết bị phục vụ kiểm tra; quyền tiếp cận cơ sở kiểm tra tại nước sở tại.... Trường hợp kết quả kiểm tra không có giá trị thay thế các thủ tục, kết quả đánh giá sự phù hợp và kiểm tra chất lượng bắt buộc tại Việt Nam, đề nghị đánh giá cụ thể hiệu quả quản lý thu được so với chi phí và nguồn lực ngân sách phải bỏ ra.	cần chỉ ra thông tin không thể xác minh ở Việt Nam, từ xa hoặc bằng hợp tác nước xuất khẩu. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa Điều 13, khoản 3 Điều 14, khoản 2 Điều 20; hồ sơ phải có so sánh chi phí/phương án, căn cứ hợp tác, nhân lực và thử nghiệm. Nếu thiếu điều kiện thì chọn từ xa, kiểm tra trong nước; không tổ chức đoàn trực tiếp chỉ vì kế hoạch chuyên đề.
Điều 14. Đối tượng và căn cứ lựa chọn kiểm tra chất lượng thép tại nguồn				
138.	**Thanh tra Chính phủ**	Điều 14	b) Trong dự thảo Báo cáo đánh giá thực trạng quản lý chất lượng thép chưa có đủ số liệu về tỷ lệ thép nhập khẩu không phù hợp, trong khi điểm e khoản 2 Điều 14 dự thảo Nghị định cho phép kiểm tra theo kế hoạch hậu kiểm chuyên đề. Đề nghị bổ sung cơ sở thực tiễn và rà soát các nội dung sau: - Căn cứ, tiêu chí lựa chọn cơ sở kiểm tra, nhất là lựa chọn mẫu trong hậu kiểm chuyên đề; yêu cầu hồ sơ phân tích rủi ro thể hiện rõ lý do cần kiểm tra tại nguồn, bảo đảm khách quan, tránh kiểm tra tràn lan; Trường hợp lấy mẫu đối chứng, trách nhiệm của các bên và giá trị sử dụng của kết quả thử nghiệm; không kết luận sản phẩm không phù hợp chỉ vì không thực hiện được kiểm tra tại nguồn;	**Tiếp thu.** Lý do: (a) Không dùng kế hoạch chuyên đề thay bằng chứng rủi ro; bổ sung phương pháp chọn mẫu và lý do cần đến nguồn, tỷ lệ/khối lượng lô. (b) Mẫu đối chứng chỉ đại diện đúng phạm vi, không suy sang mọi lô, không kết luận không đạt chỉ vì không kiểm tra được. (c) Xác định cơ quan nhận bằng chứng, thời hạn xem xét và khai báo, xử lý lợi ích. Dữ liệu tỷ lệ không phù hợp chưa có phải thu thập, không suy đoán để hợp thức hóa chính sách.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			- Cơ quan tiếp nhận bằng chứng khắc phục, thời hạn xem xét và thông báo việc điều chỉnh biện pháp quản lý theo khoản 4 Điều 19; bảo đảm kết quả kiểm tra tại nguồn chỉ phục vụ hậu kiểm, không thay thế chứng nhận hoặc kết quả đánh giá sự phù hợp. Đề nghị bảo đảm hoạt động kiểm tra tại nguồn thực sự mang tính hậu kiểm, dựa trên rủi ro và bằng chứng, không trở thành một hình thức tiền kiểm hoặc một thủ tục mới đối với hoạt động nhập khẩu. c) Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cụ thể hóa việc khai báo, xem xét và xử lý xung đột lợi ích của thành viên đoàn kiểm tra theo khoản 2 Điều 15 dự thảo Nghị định.	Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa Điều 14, Điều 15, Điều 17 và khoản 4 Điều 19; bổ sung Báo cáo thực trạng bảng mẫu thống kê theo nhóm, thời kỳ, kết quả, mức độ vi phạm và nguồn. Bỏ kết luận tỷ lệ cao khi thiếu dữ liệu.
139.	**Bộ Nông nghiệp và Môi trường**	Điều 14	Nghiên cứu, chỉnh sửa quy định về sản phẩm thép có mức độ rủi ro cao tại khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 14, khoản 3 Điều 22 dự thảo Nghị định cho phù hợp với pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa và pháp luật có liên quan.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu không suy rằng toàn bộ thép là rủi ro cao. Không bỏ tuyệt đối quy định dự phòng cho sản phẩm thuộc danh mục cao khi danh mục được sửa hợp pháp; mức rủi ro tại thời điểm áp dụng quyết định chế độ quản lý. Các nhóm trung bình vẫn theo cơ chế trung bình, không bị áp kiểm tra nhập khẩu của nhóm cao. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 14 và khoản 2, khoản 3 Điều 22 theo danh mục còn hiệu lực, thẩm quyền hiện hành; Điều 11 chỉ

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				áp dụng cơ chế tương ứng tại Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Không tự động nâng mức rủi ro bằng Nghị định này.
140.	**Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam**	Điều 14 khoản 2 điểm a, b	Tại điểm a: Đề xuất làm rõ "bị kết luận không phù hợp" là kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền sau khi hoàn tất giải trình, khiếu nại và thử nghiệm lại (nếu có); Tại điểm b: Đề nghị bổ sung tiêu chí đánh giá về khối lượng và tỷ lệ số lô không phù hợp trên tổng số lô nhập khẩu trong 12 tháng liên tục, kết hợp với tính chất, mức độ và nguyên nhân của sự không phù hợp, nhằm xác định căn cứ lựa chọn kiểm tra tại nguồn tương xứng với rủi ro của từng nhóm sản phẩm thép.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu kết luận của cơ quan có thẩm quyền, kết quả thử lại, sửa/hủy kết luận và tỷ lệ lô, khối lượng trên tổng trong 12 tháng. Chưa tiếp thu phải chờ hoàn tất mọi khiếu nại mới kiểm soát rủi ro: khiếu nại không mặc nhiên đình chỉ quyết định hợp pháp, nguy cơ nghiêm trọng cần xử lý kịp thời; phải bảo đảm quyền khiếu nại theo luật. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa điểm a, b khoản 2 và khoản 4 Điều 14: dùng kết luận đúng thẩm quyền, cập nhật thay đổi, tỷ lệ kết hợp mức độ; không tự động lựa chọn chỉ vì hai lô, không chờ hết mọi tranh chấp mới bảo vệ an toàn.
141.	**Vụ Pháp chế, Bộ KH&CN**	Điều 13, 14	Đề nghị rà soát thêm quy định về kiểm tra tại nguồn trong đó đề nghị làm rõ mục đích, ý nghĩa, giá trị, chi phí, vấn đề pháp lý, cơ chế phối hợp quốc tế về việc kiểm tra tại nguồn "của cơ sở sản xuất thép ở nước ngoài"; làm rõ nội dung kiểm tra, kết quả thực hiện kiểm tra	**Tiếp thu.** Lý do: Hoạt động tại cơ sở nước ngoài không thể dựa riêng vào thẩm quyền hậu kiểm trong nước hoặc sự đồng ý của doanh nghiệp. Cần chứng minh sự cần thiết, cơ sở hợp

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				tác, sự phù hợp với pháp luật nước sở tại, nguồn lực và giá trị sử dụng kết quả; phân biệt với đánh giá nhà máy trong hoạt động chứng nhận. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Khoản 1, khoản 2 Điều 13 quy định ưu tiên hồ sơ, dữ liệu và trao đổi từ xa; trực tiếp tại cơ sở nước ngoài chỉ khi có cơ sở hợp tác hợp pháp, được cơ sở đồng ý và có chấp thuận hoặc phối hợp của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại nếu pháp luật hoặc cơ chế hợp tác yêu cầu. Sự đồng ý của cơ sở không thay thế yêu cầu pháp lý này. Điều 14, Điều 15 xác định bằng chứng rủi ro, hồ sơ, phạm vi, phương pháp, nhân sự và kinh phí. Khoản 4 Điều 17 không coi việc không tiếp đoàn là căn cứ duy nhất kết luận không phù hợp. Điều 19 chỉ sử dụng kết quả làm thông tin cho quyết định theo đúng thẩm quyền, không tự phát sinh cấm nhập khẩu hoặc điều kiện thông quan. Điều 20 quy định kinh phí theo dự toán, không buộc doanh nghiệp tài trợ đoàn.
142.	**Công ty Cổ phần Tôn Đông Á**	Khoản 3 Điều 1	Bổ sung khoản 3 Điều 1 dự thảo, đồng thời chỉnh lý, dẫn chiếu tại Điều 10, Điều 14 và các điều khoản liên quan, với nội dung như sau: *"3. Thép cuộn cán*	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu mục tiêu tránh tiền kiểm diện rộng và thủ tục trùng lặp

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			nóng (HRC) thuộc các mã HS chi tiết trong nhóm 7208 và 7225 không thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp sau đây theo Nghị định này: *a) Kiểm tra chất lượng tại nguồn hoặc đánh giá bắt buộc tại cơ sở sản xuất nước ngoài phục vụ nhập khẩu;* *b) Lấy mẫu, thử nghiệm chất lượng tại cảng hoặc cửa khẩu nhập khẩu;* *c) Cấp giấy phép nhập khẩu thép.* *Phạm vi HRC được xác định theo mô tả sản phẩm là thép cán phẳng dạng cuộn, chưa gia công quá mức cán nóng và mã HS chi tiết tương ứng. Không yêu cầu giấy xác nhận, đăng ký hoặc văn bản chấp thuận riêng để được áp dụng quy định loại trừ này."* Rà soát các quy định về kiểm tra tại nguồn, nhận diện hồ sơ, nhãn và thông quan trong Dự thảo để bảo đảm không có điều khoản khác làm phát sinh lại ba biện pháp nêu trên đối với HRC dưới tên gọi hoặc hình thức tương đương. Việc cụ thể hóa mã HS chi tiết phải phù hợp với mô tả HRC và Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Tổ chức tham vấn, đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp sử dụng HRC làm nguyên liệu trước khi hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ, nhằm phản ánh đầy đủ ý kiến của các bên trong chuỗi giá trị ngành thép. Đề nghị Ban soạn thảo công bố và lấy ý kiến đối với báo cáo đánh giá tác động riêng cho HRC, trong đó lượng hóa tối thiểu thời gian thông quan tăng	đối với HRC. Chưa tiếp thu việc loại trừ tuyệt đối kiểm tra tại nguồn và lấy mẫu tại cảng, cửa khẩu vì có thể làm mất công cụ kiểm soát khi có bằng chứng vi phạm hoặc rủi ro cao; việc miễn, giảm kiểm tra phải theo điều kiện pháp luật quy định. Hai nhóm HS 7208 và 7225 có phạm vi rộng, không thể sử dụng riêng mã nhóm để xác định toàn bộ đối tượng được loại trừ. Nghị định không thiết lập giấy phép nhập khẩu thép nên không cần tạo cơ chế xin xác nhận miễn giấy phép. Đề xuất chỉnh lý Điều 10, Điều 13, Điều 14: "Không thiết lập giấy phép nhập khẩu thép hoặc yêu cầu đánh giá bắt buộc cơ sở sản xuất nước ngoài làm điều kiện thông quan theo Nghị định này. Việc kiểm tra, lấy mẫu, thử nghiệm và áp dụng miễn, giảm kiểm tra thực hiện theo pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, căn cứ mức độ rủi ro, dấu hiệu vi phạm và lịch sử tuân thủ; không áp dụng chỉ vì sản phẩm là HRC hoặc vì xuất xứ hàng hóa." Không bổ sung khoản loại trừ tuyệt đối tại Điều 1. Trường hợp cần xác định nhóm HRC để đánh giá tác động hoặc áp dụng biện pháp quản

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			thêm, chi phí lấy mẫu - thử nghiệm, chi phí lưu tàu/lưu bãi, tác động đến vốn lưu động, nguy cơ gián đoạn dây chuyền và năng lực cạnh tranh của sản phẩm thép hạ nguồn. Trường hợp chưa có số liệu chứng minh lợi ích quản lý lớn hơn chi phí tuân thủ, đề nghị chưa áp dụng các biện pháp tiền kiểm đối với HRC	lý cụ thể, phải đồng thời xác định mô tả kỹ thuật và mã HS chi tiết phù hợp; không phát sinh giấy xác nhận riêng. Đối với đề nghị tham vấn và đánh giá tác động riêng: Tiếp thu bổ sung tham vấn doanh nghiệp sản xuất HRC, doanh nghiệp hạ nguồn và hiệp hội; đánh giá các phương án về thời gian thông quan, chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, lưu kho, vốn lưu động và gián đoạn sản xuất. Công khai, lấy ý kiến theo quy định về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Khi chưa có căn cứ chứng minh tính cần thiết, tương xứng và tính khả thi, không đưa thêm biện pháp tiền kiểm đối với HRC vào dự thảo. Phạm vi áp dụng: Khoản 1 Điều 14 chỉ áp dụng đối với sản phẩm thuộc nhóm rủi ro trung bình hoặc cao theo danh mục có hiệu lực. HRC không thuộc các nhóm này không được lựa chọn xác minh theo điều khoản đó; hoạt động kiểm tra khác, nếu có, phải có căn cứ pháp luật riêng, không suy rộng từ Chương IV.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
Điều 15. Quyết định và kế hoạch kiểm tra chất lượng thép tại nguồn				
143.	**Sở KH&CN tỉnh Lai Châu**	Khoản 1 Điều 15	Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ căn cứ pháp lý, phạm vi thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc"quyết định hoặc phân cấp quyết định kiểm tra chất lượng thép tại nguồn" bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật. Qua rà soát, quy định tại Điều 45 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15 và Điều 14 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 cho thấy: thẩm quyền tổ chức, quyết định kiểm tra được giao cho cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ theo lĩnh vực được phân công; điểm c khoản 10 Điều 2 Nghị định số 225/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 giao Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước và tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chưa thấy quy định trực tiếp giao Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm quyền quyết định kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và phân cấp thẩm quyền này.	**Tiếp thu.** Lý do: Thẩm quyền kiểm tra phải gắn cơ quan được luật và Điều 14 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP giao; phê duyệt đoàn công tác, kinh phí không đồng nhất quyết định kiểm tra. Không dùng cụm Bộ trưởng quyết định hoặc phân cấp chung để tự tạo quyền ngoài lãnh thổ hay thu hồi nhiệm vụ đã phân cấp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1 Điều 15: cơ quan kiểm tra thuộc Bộ lập hồ sơ, quyết định hậu kiểm trong thẩm quyền; người có thẩm quyền phê duyệt công tác, hợp tác, kinh phí theo pháp luật. Điều 13 giới hạn điều kiện hợp tác quốc tế, không cưỡng chế.
144.	**UBND tỉnh Lạng Sơn**	khoản 1 Điều 15	Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định đầy đủ, cụ thể trình tự lập, thẩm định, phê duyệt"hồ sơ phân tích rủi ro" để có cơ sở quyết định hoặc phân cấp quyết định kiểm tra chất lượng thép tại nguồn theo đúng quy định của pháp luật.	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu làm rõ quy trình nội bộ lập, xem xét pháp lý, hợp tác, tài chính và phê duyệt hồ sơ. Đây là trách nhiệm cơ quan, không chuyển

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			Lý do: tại dự thảo đề cập đến "hồ sơ phân tích rủi ro" tuy nhiên chưa quy định đầy đủ các nội dung liên quan, từ đó, có thể phát sinh các khó khăn, vướng mắc và sự thiếu thống nhất trong triển khai thực hiện.	thành thủ tục hoặc yêu cầu doanh nghiệp phải lập hồ sơ phân tích rủi ro. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 3 Điều 14 về dữ liệu, nội dung hồ sơ; khoản 1, khoản 2 Điều 15 về cơ quan lập, bộ phận xem xét và người phê duyệt, phạm vi kế hoạch, dự toán. Không thêm hội đồng hoặc tầng phê duyệt không cần thiết.
145.	**Bộ Nông nghiệp và Môi trường**	khoản 2 Điều 15	Đề nghị làm rõ quy định: "có chuyên gia phù hợp với công nghệ sản xuất và chỉ tiêu chất lượng cần xác minh" tại khoản 2 Điều 15 dự thảo Nghị định.	**Tiếp thu.** Lý do: Chuyên gia phù hợp phải có chuyên môn với công nghệ luyện/cán, đặc tính cơ lý/hóa học hoặc phương pháp cần xác minh, được lựa chọn theo nội dung vụ việc; không yêu cầu mọi đoàn có đủ mọi chuyên ngành hoặc tạo chứng chỉ hành nghề mới. Đồng thời cần kiểm soát độc lập. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3 Điều 15 quy định chuyên môn tương ứng, khai báo lợi ích và thay thế khi xung đột; khoản 5 cho hỗ trợ kỹ thuật độc lập, không giao quyền xử lý hành chính.
146.	**Thanh tra Chính**	Điều 15	c) Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cụ thể hóa việc khai báo, xem xét và xử lý xung đột lợi ích của thành	**Tiếp thu.**

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	phủ		viên đoàn kiểm tra theo khoản 2 Điều 15 dự thảo Nghị định.	Lý do: Cấm xung đột lợi ích cần có cách thực hiện: khai báo trước lựa chọn, xem xét quan hệ tài chính/tư vấn/lao động, thay thế và xử lý phát sinh trong quá trình làm việc; đồng thời bảo vệ thông tin công nghệ. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 3 Điều 15 về văn bản khai báo, trách nhiệm người có thẩm quyền, dừng phần việc liên quan và báo cáo; Điều 20 không để đối tượng tài trợ đoàn.
147.	**Vụ Pháp chế, Bộ KH&CN**	Khoản 1 Điều 15	về việc "Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định hoặc phân cấp quyết định kiểm tra chất lượng thép tại nguồn theo quy định của pháp luật, trên cơ sở hồ sơ phân tích rủi ro của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa": đề nghị tiếp tục rà soát nội dung này, làm rõ đây là nhiệm vụ hành chính đối với từng vụ việc hay là nhiệm vụ Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục quy định chi tiết.	**Tiếp thu.** Lý do: Quyết định thực hiện đối với từng vụ việc là hoạt động áp dụng pháp luật, không phải giao Bộ trưởng tiếp tục quy định chi tiết. Cần phân biệt thẩm quyền hậu kiểm, quyết định cử đoàn công tác và phê duyệt kinh phí; việc cử đoàn không tạo quyền kiểm tra cưỡng chế ở nước ngoài. Không giao toàn bộ quyết định hậu kiểm cho Bộ trưởng nếu nhiệm vụ đã được pháp luật giao hoặc phân cấp cho cơ quan khác. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa khoản 1 Điều 15: "Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ được giao nhiệm vụ quản lý chất lượng thép lập hồ sơ phân tích rủi ro, quyết định thực hiện hậu kiểm theo thẩm quyền được pháp luật quy định. Việc cử đoàn công tác, phê duyệt dự toán và thực hiện hợp tác ở nước ngoài thực hiện theo pháp luật có liên quan; quyết định cử đoàn không thay thế căn cứ pháp lý cho phép hoạt động tại nước sở tại.” Thống nhất với khoản 3 Điều 22 về không thay đổi nhiệm vụ đã phân cấp, phân quyền; bỏ cách diễn đạt “quyết định hoặc phân cấp quyết định” không xác định giới hạn. Không giao hướng dẫn kỹ thuật để bổ sung điều kiện kiểm tra hoặc nghĩa vụ của doanh nghiệp.
Điều 16.Nội dung kiểm tra chất lượng thép tại nguồn				
148.	**UBND Nghệ An**	khoản 4 Điều 16	Đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi " Việc lập, phát hành và kiểm soát chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất; liên kết giữa mã mẻ luyện, mã lô sản phẩm, kết quả thử nghiệm và sản phẩm đã đề nghị” sửa đổi thành " nhập khẩu vào Việt Nam".	**Tiếp thu.** Lý do: Cách diễn đạt phải thống nhất với đối tượng là sản phẩm đã nhập khẩu, đưa ra lưu thông tại Việt Nam và làm rõ mối liên hệ giữa chứng chỉ, mã mẻ luyện, mã lô với sản phẩm cần xác minh. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				sửa: Khoản 4 Điều 16 của dự thảo hiện tại đã sử dụng cụm từ "sản phẩm thép đã nhập khẩu vào Việt Nam". Giữ cách diễn đạt này, đồng bộ với khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 14; không mở rộng sang sản phẩm chưa nhập khẩu làm điều kiện chấp thuận nhà máy trước thông quan.
Điều 17. Phương pháp kiểm tra và lấy mẫu đối chứng				
149.	**UBND Nghệ An**	khoản 3 Điều 17	Đề nghị ban soạn thảo quy định ưu tiên sử dụng các Phòng/Tổ chức thử nghiệm tại địa phương đã được đăng ký hoạt động theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP 2 và được chỉ định/thừa nhận để thực hiện lấy mẫu, thử nghiệm mẫu đối chứng hậu kiểm. Quy định này giúp tối ưu hóa hạ tầng thiết bị hiện có tại địa phương, rút ngắn thời gian và giảm chi phí cho doanh nghiệp cũng như cơ quan kiểm tra.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu khai thác năng lực sẵn có tại địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí. Không ưu tiên địa giới thay năng lực, độc lập, phạm vi chỉ tiêu và quy định lựa chọn dịch vụ; đăng ký hoạt động chưa đủ trong trường hợp pháp luật còn yêu cầu chỉ định hoặc thừa nhận nếu pháp luật yêu cầu chỉ định/thừa nhận. Nghị định số 107/2016/NĐ-CP cần được đối chiếu tình trạng hiệu lực với khuôn khổ hiện hành tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, không dẫn chiếu như căn cứ duy nhất. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3 Điều 17: chọn theo năng lực, chỉ tiêu, phương

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				pháp, độc lập, chi phí; dùng đơn vị địa phương khi đáp ứng yêu cầu; đăng ký, chỉ định, thừa nhận theo điều kiện tương ứng.
150.	**UBND Cần Thơ**	khoản 4	Đề nghị xem xét bổ sung quy định tăng cường các biện pháp quản lý, kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp không thực hiện được kiểm tra tại nguồn.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu tăng cường quản lý khi có căn cứ rủi ro thực chất. Không thể tự động kiểm tra chặt chỉ vì không đến được nguồn, nhất là pháp luật nước sở tại, bất khả kháng; không hợp tác phải được ghi nhận và đánh giá cùng bằng chứng, điều kiện Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 4 Điều 17, khoản 2 Điều 19 về xác minh từ xa, quản lý trong nước, chuyển chế độ đúng căn cứ; không tự động kết luận không phù hợp hoặc dừng nhập khẩu.
Điều 18. Biên bản, báo cáo và giải trình				
151.	**Bộ Công an**	Tại Điều 18	về biên bản, báo cáo và giải trình: Đề nghị Bộ KH&CN làm rõ định quy này có hình thành thủ tục hành chính trong quy trình kiểm tra chất lượng hay không.	**Tiếp thu và làm rõ.** Lý do: Biên bản, gửi dự thảo báo cáo, tiếp nhận giải trình là các bước của hoạt động hậu kiểm, bảo đảm quyền của bên liên quan. Phải đánh giá theo thành phần, trình tự và kết quả thực tế, không chỉ tuyên bố

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				không có thủ tục hành chính. Phương án chỉnh lý không yêu cầu đơn đăng ký, giấy chấp thuận hay chờ báo cáo để nhập lô tiếp theo. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa Điều 18, nhất là khoản 2, khoản 3; Điều 13 không làm điều kiện thông quan/cấp phép. Hồ sơ bổ sung đánh giá thủ tục hành chính và chi phí phối hợp; nếu phương án sau này tạo yêu cầu xin chấp thuận thì phải đánh giá và thiết kế theo pháp luật thủ tục hành chính.
152.	**Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam**	Điều 18 khoản 4; Điều 21 khoản 1	Quy định công bố kịp thời cảnh báo, kết quả kiểm tra tại nguồn (sau giải trình, trong phạm vi pháp luật cho phép) và cho phép tổ chức mua sắm, nhập khẩu tra cứu kết quả đánh giá sự phù hợp, danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định, cảnh báo trên Hệ thống giám sát quốc gia.	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu tra cứu cảnh báo, tổ chức đánh giá sự phù hợp, phạm vi thừa nhận/chỉ định và hiệu lực kết quả để phục vụ mua sắm. Công khai phải đúng pháp luật, giới hạn thông tin cần thiết sau xem xét giải trình; cảnh báo khẩn cấp theo căn cứ riêng không phải chờ hoàn tất toàn bộ báo cáo. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 4 Điều 18, khoản 3, khoản 4 Điều 21; công khai đúng trạng thái, đính chính, bảo mật. Không công khai toàn bộ công nghệ, hợp đồng hoặc dữ liệu chưa

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				kiểm chứng dưới dạng kết luận vi phạm.
153.	**UBND Tuyên Quang**	Điều 18	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quyền của tổ chức, cá nhân nhập khẩu và cơ sở sản xuất được kiến nghị xem xét lại kết luận trong báo cáo kết quả kiểm tra, kèm trình tự, thời hạn giải quyết kiến nghị.	**Tiếp thu.** Lý do: Bổ sung quyền kiến nghị xem lại báo cáo, tiếp nhận bằng chứng, thông báo kết quả; quyền khiếu nại, khởi kiện quyết định/hành vi hành chính được thực hiện theo luật, không thay bằng thủ tục kiến nghị có phạm vi hẹp hơn. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 5 Điều 18: cơ quan ban hành báo cáo tiếp nhận, xem xét trong 15 ngày làm việc; nếu cần xác minh bổ sung thông báo lý do và dự kiến thời hạn. Quyết định xử lý riêng theo pháp luật có liên quan.
Điều 19. Sử dụng kết quả kiểm tra chất lượng thép tại nguồn				
154.	**Thanh tra Chính phủ**	Điều 19	Đề nghị làm rõ: Cơ quan tiếp nhận bằng chứng khắc phục, thời hạn xem xét và thông báo việc điều chỉnh biện pháp quản lý theo khoản 4 Điều 19; bảo đảm kết quả kiểm tra tại nguồn chỉ phục vụ hậu kiểm, không thay thế chứng nhận hoặc kết quả đánh giá sự phù hợp.	**Tiếp thu.** Lý do: Cơ quan đã quyết định biện pháp quản lý phải tiếp nhận bằng chứng và điều chỉnh đúng thẩm quyền, không để nghĩa vụ bất lợi kéo dài vô hạn. Báo cáo tại nguồn không phải chứng nhận và không làm phát sinh quyền miễn, giảm ngoài Nghị định số 37/2026/NĐ-

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				CP. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 4 Điều 19: 10 ngày làm việc khi nhận đủ bằng chứng, thông báo kết quả hoặc nội dung phải xác minh thêm và thời hạn dự kiến; nếu pháp luật chuyên ngành quy định thời hạn riêng thì theo quy định đó.
155.	**UBND Hải Phòng**	Khoản 5 Điều 19	Đề nghị bổ sung Khoản 5 Điều 19: "Trường hợp cơ sở sản xuất ở nước ngoài từ chối hợp tác hoặc không đáp ứng điều kiện kiểm tra tại nguồn mà không có lý do chính đáng/bất khả kháng, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo tạm dừng áp dụng cơ chế giảm kiểm tra, chuyển toàn bộ các lô hàng nhập khẩu từ cơ sở này sang phương thức kiểm tra chặt tại cửa khẩu." hoặc xem xét cơ chế xã hội hóa hoặc ủy quyền/thừa nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp độc lập có năng lực quốc tế thực hiện đánh giá tại chỗ dưới sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước (lý do đã được nêu tại khoản 2 Điều 20).	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu phối hợp tổ chức kỹ thuật độc lập và quản lý rủi ro khi thiếu thông tin. Chưa tiếp thu tạm dừng giảm kiểm tra, chuyển toàn bộ lô sang kiểm tra chặt chỉ vì không tiếp đoàn: lý do có thể nằm ngoài quyền của nhà nhập khẩu, và chế độ kiểm tra đã có điều kiện tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Không ủy quyền quyền lực hành chính cho tổ chức quốc tế. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 4 Điều 17, khoản 2 Điều 19; khoản 5 Điều 15 cho hỗ trợ kỹ thuật có năng lực, độc lập và căn cứ lựa chọn dịch vụ, cơ quan nhà nước quyết định biện pháp theo luật.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
156.	**Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam**	khoản 3 Điều 19	Bổ sung quy định xử lý đối với thép đã đưa vào công trình, thiết bị: đánh giá, thử nghiệm bổ sung theo mức độ rủi ro, biện pháp khắc phục tương xứng.	**Tiếp thu.** Lý do: Thép đã lắp đặt cần khoanh vùng, đánh giá ảnh hưởng của cơ quan/chủ thể quản lý công trình, thiết bị; không chỉ xử lý thu hồi theo chuỗi hàng hóa khi không thể tháo dỡ tùy tiện. Biện pháp bổ sung phải tương xứng rủi ro và đúng pháp luật chuyên ngành. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 23, khoản 3 Điều 24: thông báo thông tin lô, nơi tiêu thụ, thử nghiệm, phạm vi rủi ro; kiểm định, đánh giá, khắc phục theo xây dựng, thiết bị tương ứng.
157.	**Văn phòng Bộ KH&CN**	Khoản 4, điều 19	quy định biện pháp quản lý được xem xét điều chỉnh khi có bằng chứng khắc phục có hiệu lực hoặc thông tin mới, nhưng chưa quy định rõ cơ quan tiếp nhận, xem xét và thời hạn xử lý. Đề nghị quy định cụ thể cơ quan tiếp nhận, đánh giá bằng chứng khắc phục; thời hạn xem xét, thông báo kết quả và trách nhiệm cập nhật kết quả điều chỉnh trên Hệ thống giám sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa quốc gia. Trường hợp chưa đủ căn cứ điều chỉnh, cần thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân. Lý do: Bảo đảm rõ trách nhiệm, thời hạn xử lý; tạo cơ sở để tổ chức, cá nhân theo dõi kết quả và bảo	**Tiếp thu.** Lý do: Khi có bằng chứng khắc phục hoặc thông tin mới làm thay đổi căn cứ áp dụng, biện pháp quản lý phải được xem xét lại; cần xác định rõ cơ quan chịu trách nhiệm và thời hạn thông báo, tránh kéo dài biện pháp bất lợi. Không bổ sung các mốc 03 ngày yêu cầu hồ sơ và 02 ngày cập nhật riêng cho thép khi chưa đánh giá sự thống nhất với thủ tục chuyên ngành. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			đảm áp dụng thống nhất biện pháp quản lý.	khoản 4 Điều 19: "Cơ quan đã quyết định biện pháp quản lý có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức đánh giá bằng chứng khắc phục hoặc thông tin mới; trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ bằng chứng, thông báo việc duy trì, điều chỉnh hoặc chấm dứt biện pháp theo thẩm quyền, nêu rõ căn cứ. Trường hợp cần bổ sung thông tin, thử nghiệm hoặc xác minh, phải thông báo cụ thể nội dung, lý do và thời hạn dự kiến. Trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định trình tự, thời hạn riêng thì thực hiện theo quy định đó." Cập nhật kết quả theo Điều 21 và thời hạn của hệ thống tương ứng; không yêu cầu doanh nghiệp xin xác nhận khắc phục bằng một thủ tục mới.
Điều 20. Kinh phí và trách nhiệm phối hợp kiểm tra chất lượng thép tại nguồn				
158.	**UBND Hải Phòng**	Khoản 2	Việc sử dụng ngân sách nhà nước chi trả chi phí đi lại, lưu trú cho đoàn kiểm tra tại các nhà máy nước ngoài (Điều 20 Khoản 2) sẽ gặp vướng mắc lớn về quy định tài chính công và ngân sách hạn hẹp. Trường hợp cơ sở nước ngoài từ chối kiểm tra hoặc cố tình trì hoãn, nếu chỉ áp dụng hậu kiểm thông thường sẽ thiếu tính răn đe	**Tiếp thu một phần và bảo lưu nguyên tắc kinh phí công.** Lý do: Tiếp thu ngân sách hạn chế, cần chọn phương án hiệu quả, đủ dự toán, đúng chế độ công tác. Việc ngân sách chi cho nhiệm vụ nhà nước hợp pháp không tự nó trái tài

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				chính công. Không chuyển kinh phí đoàn cho doanh nghiệp hoặc tự tạo chế tài vì cơ sở từ chối; có rủi ro thực chất thì xử lý trong nước theo luật. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1, khoản 2 Điều 20: ưu tiên từ xa, chỉ trực tiếp khi có cơ sở hợp tác và dự toán, không nhận tài trợ đối tượng; khoản 4 Điều 17 xử lý không tiếp cận theo bằng chứng, không tự động kiểm tra chặt.
159.	**Bộ Giáo dục và Đào tạo**	khoản 3 Điều 20	Quy định tổ chức, cá nhân nhập khẩu có trách nhiệm "thu xếp làm việc với cơ sở sản xuất" chưa xác định rõ giới hạn nghĩa vụ của người nhập khẩu, nhất là trường hợp không có quan hệ trực tiếp hoặc không có quyền yêu cầu cơ sở sản xuất ở nước ngoài tiếp đoàn kiểm tra. Đề nghị chỉnh lý theo hướng người nhập khẩu cung cấp thông tin, tài liệu và hỗ trợ liên hệ với cơ sở sản xuất trong phạm vi thông tin, quan hệ pháp lý và khả năng thực hiện; việc tổ chức kiểm tra tại nước ngoài thuộc trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với pháp luật nước sở tại	**Tiếp thu.** Lý do: Người nhập khẩu có thể mua qua trung gian, không có quyền buộc nhà máy nước ngoài tiếp đoàn. Trách nhiệm phải trong phạm vi thông tin, quan hệ pháp lý và khả năng hợp lý; cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm cơ chế hợp tác, tổ chức và đánh giá bằng chứng. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Thay khoản 3 Điều 20, bỏ nghĩa vụ bảo đảm thu xếp tiếp đoàn; yêu cầu cung cấp tài liệu, đầu mối và hỗ trợ liên hệ trong phạm vi kiểm soát. Không coi việc cơ sở từ chối tự nó là vi phạm của nhà nhập khẩu.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
Điều 21. Dữ liệu phục vụ quản lý chất lượng thép				
160.	**Bộ Công an**	Tại Điều 21	về dữ liệu phục vụ quản lý chất lượng thép: Đề nghị Bộ KH&CN bổ sung quy định về việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.	**Tiếp thu.** Lý do: Cần kết nối nền tảng theo Nghị định số 372/2026/NĐ-CP, không chỉ Cổng truy xuất và cơ sở dữ liệu TCĐLCL. Phân biệt dữ liệu chuyên ngành và hạ tầng định danh, tránh tạo hai lần khai, hai bộ thông tin. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1, khoản 2 Điều 21 và khoản 3 Điều 8; bổ sung khoản 5 Điều 23 về Bộ Công an, dùng lại dữ liệu hợp lệ, phân quyền và bảo mật.
161.	**Bộ Y tế**	Khoản 1 Điều 21	dự thảo Nghị định quy định các dữ liệu liên quan sẽ được cập nhật, khai thác trên "Hệ thống giám sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa quốc gia và Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo quy định". Tuy nhiên, để đảm bảo minh bạch và thuận lợi cho tổ chức thực hiện, đề nghị bổ sung các quy định hướng dẫn chi tiết cho việc cập nhật dữ liệu này (cụ thể thực hiện tại địa chỉ cổng thông tin điện tử/tên miền và thông qua hình thức cập nhật nào)	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu cần hướng dẫn địa chỉ, phương thức, tài khoản và cập nhật. Không ghi tên miền cố định vào Nghị định vì có thể thay đổi vận hành, gây nhanh lỗi thời; địa chỉ phải công khai trước triển khai và được cơ quan vận hành bảo đảm thống nhất. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 5 Điều 21 giao công khai địa chỉ truy cập và hướng dẫn kỹ thuật, phân quyền; Điều 22, Điều 27 yêu cầu công bố và tập

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				huấn trước áp dụng. Hướng dẫn không thêm nghĩa vụ hoặc dữ liệu bắt buộc vượt thẩm quyền.
162.	**UBND Vĩnh Long**	Khoản 1 Điều 21	Đề nghị bổ sung trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc cập nhật dữ liệu; thời hạn cập nhật; việc cấp, quản lý và sử dụng tài khoản; quyền truy cập, khai thác dữ liệu; trách nhiệm bảo đảm tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu và cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan trung ương và địa phương. Lý do: Làm rõ trách nhiệm, cơ chế khai thác, chia sẻ dữ liệu, tạo điều kiện cho cơ quan kiểm tra tại địa phương tra cứu thông tin, lịch sử tuân thủ và tiếp nhận cảnh báo rủi ro kịp thời, phục vụ hiệu quả công tác hậu kiểm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép trên địa bàn.	**Tiếp thu.** Lý do: Phải xác định cơ quan cập nhật kết quả do mình ban hành, doanh nghiệp cập nhật công đoạn của mình, tổ chức đánh giá sự phù hợp cập nhật kết quả do mình phát hành; thời hạn theo pháp luật hệ thống tương ứng. Không đặt thêm một lịch cập nhật thép trùng mọi cơ sở dữ liệu hoặc giao cơ quan nhà nước nhập thay mọi kết quả doanh nghiệp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 2–5 Điều 21: chủ thể, trách nhiệm chính xác và thay đổi, thời hạn/tần suất theo quy định hiện hành, chia sẻ cảnh báo kịp thời, tài khoản, phân quyền, hướng dẫn liên thông trung ương–địa phương.
163.	**UBND Nghệ An**	Điều 21	Đề nghị Ban soạn thảo quy định rõ quyền khai thác, chia sẻ dữ liệu của các cơ quan, đơn vị kỹ thuật địa phương trên Hệ thống giám sát chất lượng quốc gia để phục vụ đối chiếu, kiểm tra nhanh hồ sơ chất lượng lưu thông trên địa bàn.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu quyền khai thác cho cơ quan quản lý địa phương theo nhiệm vụ. Đơn vị kỹ thuật chỉ truy cập phần dữ liệu cần để thực hiện nhiệm vụ được giao, không tự có

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				quyền đối với toàn bộ dữ liệu kinh doanh hoặc dữ liệu cá nhân. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 4 Điều 21 và khoản 5 Điều 22 về phân quyền cho địa phương, đơn vị kỹ thuật đúng phạm vi, nhật ký và bảo mật; không phát sinh nghĩa vụ nộp thêm hồ sơ của doanh nghiệp.
164.	**UBND tỉnh Cà Mau**	Điều 21	Tại Điều 21 (trang 11, 12): Đề nghị quy định rõ trách nhiệm cập nhật, khai thác và chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan Trung ương và địa phương; đồng thời giao Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thống nhất về phân quyền truy cập, cấu trúc dữ liệu, phương thức cập nhật và khai thác dữ liệu trên các hệ thống thông tin quốc gia.	**Tiếp thu.** Lý do: Phải xác định cơ quan cập nhật kết quả do mình ban hành, doanh nghiệp cập nhật công đoạn của mình, tổ chức đánh giá sự phù hợp cập nhật kết quả do mình phát hành; thời hạn theo pháp luật hệ thống tương ứng. Không đặt thêm một lịch cập nhật thép trùng mọi cơ sở dữ liệu hoặc giao cơ quan nhà nước nhập thay mọi kết quả doanh nghiệp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 2–5 Điều 21: chủ thể, trách nhiệm chính xác và thay đổi, thời hạn/tần suất theo quy định hiện hành, chia sẻ cảnh báo kịp thời, tài khoản, phân quyền, hướng dẫn liên thông trung ương–địa phương.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
165.	**Thanh tra Chính phủ**	Điều 21	2.4. Về kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu và hộ chiếu số Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định về dữ liệu quản lý chất lượng thép, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với cơ quan hải quan, quản lý thị trường, cơ quan quản lý chuyên ngành và các cơ quan có liên quan. Cần xác định rõ cơ quan đầu mối quản lý, cập nhật, khai thác dữ liệu; trách nhiệm bảo đảm tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu; cơ chế kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu, đồng thời bảo đảm tuân thủ quy định về bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và các thông tin cần được bảo vệ.	**Tiếp thu.** Lý do: Cần phân rõ chủ thể tạo lập, cập nhật, cơ quan quản lý và quyền khai thác; không phát sinh hệ thống riêng hoặc nộp dữ liệu hai lần. Hộ chiếu số chỉ bắt buộc theo lộ trình được phê duyệt, không suy từ nghĩa vụ lưu chứng từ thành nghĩa vụ số hóa mọi sản phẩm. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3, khoản 4 Điều 8 và Điều 21 về hạ tầng dùng chung, trách nhiệm dữ liệu, phân quyền và bảo mật; khoản 5 Điều 22 giao chia sẻ cảnh báo với địa phương.
Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ				
166.	**Thanh tra Chính phủ**	Khoản 2 Điều 22	Đề nghị làm rõ phạm vi sản phẩm thép và yêu cầu quản lý tương ứng với từng mức độ rủi ro theo khoản 4 Điều 5 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Điều 4, Điều 5 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Danh mục cần gắn với mô tả sản phẩm, đặc tính kỹ thuật, mã HS và quy chuẩn áp dụng; xác định đầu mối xử lý trường hợp chưa thống nhất về phân loại.	**Tiếp thu.** Lý do: Danh mục phải gắn mô tả, đặc tính, HS, QCVN, mức rủi ro và biện pháp, không dựa HS đơn lẻ. Đầu mối chất lượng chủ trì phối hợp hải quan về HS, bộ chuyên ngành về đặc tính; bất đồng phân công giải quyết theo Điều 94 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 2 Điều 22; khoản 1 Điều 3 xác định ranh giới; Điều 5

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				xử lý giao thoa, không tạo thủ tục doanh nghiệp xin phân loại chất lượng trước từng lần nhập.
167.	**Bộ Giáo dục và Đào tạo**	khoản 5 Điều 22 dự thảo Nghị định	Đề nghị rà soát quy định các bộ, cơ quan ngang bộ không tổ chức thêm thủ tục đánh giá sự phù hợp, công bố hợp quy, kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với cùng sản phẩm thép, "trừ trường hợp luật có quy định khác", để bảo đảm không hạn chế thẩm quyền quản lý chuyên ngành, thẩm quyền ban hành và áp dụng yêu cầu kỹ thuật được giao theo pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật chuyên ngành. Quy định rõ ranh giới giữa kiểm tra chất lượng sản phẩm thép và kiểm tra việc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu, thiết bị, công trình trong quá trình sử dụng; bảo đảm không đánh giá, kiểm tra trùng lặp nhưng cũng không bỏ sót yêu cầu bảo đảm chất lượng, an toàn.	**Tiếp thu.** Lý do: Quy định tránh thủ tục trùng không được tước thẩm quyền ban hành yêu cầu kỹ thuật hoặc kiểm tra chuyên ngành do luật giao. Cần phân biệt cùng mục tiêu chất lượng sản phẩm với mục tiêu an toàn công trình, thiết bị, sử dụng. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3, khoản 4 Điều 5; khoản 5 Điều 22 chỉ chủ trì xử lý giao thoa trong thẩm quyền, khoản 4 Điều 5 bảo đảm thực hiện kiểm định, nghiệm thu theo pháp luật chuyên ngành. Không cấm tuyệt đối kiểm tra lại khi có căn cứ pháp luật.
168.	**UBND Thanh Hóa**	Điều 22	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định rõ trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc cung cấp, chia sẻ, phân quyền truy cập thông tin cảnh báo rủi ro, kết quả kiểm tra, danh sách sản phẩm/cơ sở vi phạm cho địa phương, thông tin truy xuất nguồn gốc thông qua "Hệ thống giám sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa quốc gia". Lý do: Địa phương được giao thực hiện hậu kiểm chất lượng thép trên địa bàn nhưng muốn kiểm tra đúng đối tượng, đúng mức độ rủi ro thì phải có thông	**Tiếp thu.** Lý do: Địa phương thực hiện hậu kiểm phải có dữ liệu rủi ro, kết quả, cảnh báo, phạm vi lô/cơ sở để chọn đúng đối tượng và tránh kiểm tra lặp. Dữ liệu vi phạm phải thể hiện tình trạng hiệu lực và được sửa khi kết luận thay đổi. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			tin từ hệ thống quản lý chung. Nếu thông tin không được chia sẻ kịp thời, địa phương sẽ khó lựa chọn đối tượng kiểm tra, đồng thời có thể xảy ra tình trạng kiểm tra trùng lặp hoặc bỏ sót sản phẩm có nguy cơ không bảo đảm chất lượng.	sửa: Sửa khoản 5 Điều 22; khoản 3–5 Điều 21 về cảnh báo, phân quyền, trách nhiệm cập nhật; khoản 2 Điều 24 chia sẻ kế hoạch và dữ liệu kiểm tra.
169.	**UBND Nghệ An**	Điều 22	Đề nghị ban soạn thảo bổ sung quy định: "Hướng dẫn, hỗ trợ nâng cao năng lực cho các đơn vị sự nghiệp kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng địa phương đáp ứng yêu cầu phục vụ hậu kiểm, thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về chất lượng thép".	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu hướng dẫn, đào tạo, khai thác năng lực thử nghiệm địa phương để phục vụ hậu kiểm. Không quy định nghĩa vụ đầu tư đồng loạt mọi phòng thử nghiệm hoặc mặc nhiên chỉ định đơn vị sự nghiệp; năng lực và điều kiện pháp lý phải đáp ứng theo chỉ tiêu, nguồn lực được phê duyệt. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 1 Điều 22 về hỗ trợ nghiệp vụ, dữ liệu, năng lực thử nghiệm; khoản 3 Điều 17 về chọn đơn vị đủ điều kiện; nguồn lực theo khoản 4 Điều 20.
170.	**UBND Vĩnh Long**	Khoản 1 Điều 24	Đề nghị quy định cụ thể nội dung nhiệm vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện và nội dung phân cấp cho địa phương; thẩm quyền của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh trong kiểm tra, xử lý và phối hợp xử lý sản phẩm thép không phù hợp; Cơ chế phối hợp giữa cơ quan chuyên môn với cơ quan quản lý thị trường, hải quan và các cơ quan chuyên ngành; trách nhiệm của từng cơ quan khi phát hiện	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu xác định nhiệm vụ trung ương về danh mục/QCVN, liên ngành, dữ liệu và hậu kiểm theo thẩm quyền; địa phương quản lý sản xuất, lưu thông theo phân cấp. Không thể tự giao đầy đủ thẩm quyền xử phạt, kiểm tra nhập khẩu

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			sản phẩm không phù hợp. Lý do: Làm rõ trách nhiệm, thẩm quyền và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tạo cơ sở pháp lý để cơ quan chuyên môn tại địa phương tổ chức thực hiện công tác hậu kiểm, xử lý sản phẩm không phù hợp đúng quy định, đồng thời hạn chế chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động kiểm tra.	chỉ từ nhiệm vụ hậu kiểm chung; thẩm quyền cụ thể theo luật, văn bản phân cấp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa Điều 22 và khoản 1, khoản 2 Điều 24: đầu mối KH&CN, lấy mẫu/kiểm tra trong thẩm quyền, phối hợp thị trường/hải quan/ chuyên ngành, chuyển hồ sơ khi vượt thẩm quyền, chia sẻ kế hoạch và kết quả.
171.	**UBND Nghệ An**	khoản 2 Điều 22	Đề nghị Ban soạn thảo xem xét cần được Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, rà soát sau khi phối hợp với Bộ 3 Xây dựng để xác định rõ các sản phẩm thép sử dụng trong công trình và các sản phẩm thuộc lĩnh vực chuyên ngành khác.	**Tiếp thu.** Lý do: Rà soát danh mục cần phối hợp Bộ Xây dựng và cơ quan chuyên ngành để phân định sản phẩm, yêu cầu kỹ thuật, công dụng và chế độ phù hợp; phân công chất lượng vẫn theo bản chất kỹ thuật, không theo riêng công dụng ở từng giao dịch. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 2 Điều 22 nêu phối hợp Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và bộ chuyên ngành; Điều 5, Điều 26 xử lý kết quả trùng và thời hạn rà soát văn bản
172.	**Bộ Nông nghiệp và Môi trường**	Điều 22	Nghiên cứu, chỉnh sửa quy định về sản phẩm thép có mức độ rủi ro cao tại khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 14, khoản 3 Điều 22 dự thảo Nghị định cho phù hợp	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu không suy rằng toàn

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			với pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa và pháp luật có liên quan.	bộ thép là rủi ro cao. Không bỏ tuyệt đối quy định dự phòng cho sản phẩm thuộc danh mục cao khi danh mục được sửa hợp pháp; mức rủi ro tại thời điểm áp dụng quyết định chế độ quản lý. Các nhóm trung bình vẫn theo cơ chế trung bình, không bị áp kiểm tra nhập khẩu của nhóm cao. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 14 và khoản 2, khoản 3 Điều 22 theo danh mục còn hiệu lực, thẩm quyền hiện hành; Điều 11 chỉ áp dụng cơ chế tương ứng tại Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Không tự động nâng mức rủi ro bằng Nghị định này.
Điều 23. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ				
173.	**UBND Đà Nẵng**		Bổ sung trách nhiệm của Bộ Công thương, Bộ Xây dựng để phù hợp với góp ý tại Điều 5 về nguyên tắc quản lý.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu làm rõ trách nhiệm Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng theo chức năng. Chưa tiếp thu phương án chia thêm đầu mối chất lượng theo mục đích sử dụng thép vì không giải quyết nguyên tắc một sản phẩm có nhiều công dụng; yêu cầu kỹ thuật công trình, thiết bị vẫn được thực hiện theo luật.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1, khoản 2 Điều 23; Điều 5 xác định một đầu mối chất lượng, bảo lưu chức năng ngành và công trình; Điều 26 xử lý phân công chuyển tiếp.
174.	**Bộ Nông nghiệp và Môi trường**	Điều 23	Đề nghị bỏ khoản 4 Điều 23 dự thảo Nghị định do trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại khoản này đã được quy định chung với trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang bộ tại khoản 5 Điều 23. Trường hợp không bỏ khoản 4 Điều 23 dự thảo Nghị định, đề nghị bỏ cụm từ "liên quan đến sản xuất, sử dụng sản phẩm thép" tại khoản này cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu tránh lặp nhiệm vụ chung và giới hạn chia sẻ thông tin môi trường theo chức năng. Giữ một khoản riêng để làm rõ phối hợp do Điều 8, Điều 9 có dữ liệu carbon, phế liệu, chất thải; không yêu cầu Bộ quản lý mọi hoạt động sử dụng thép hoặc cung cấp dữ liệu không liên quan chất lượng. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Biên tập khoản 4 Điều 23 thành trách nhiệm môi trường, phế liệu, chất thải, phát thải theo chức năng và chia sẻ phần cần thiết; không chép nhiệm vụ chung, không tự động đình chỉ chứng nhận vì vi phạm môi trường.
175.	**Bộ Xây dựng**	khoản 2 Điều 23	Đề nghị chỉnh lý khoản 2 Điều 23 theo hướng xác định rõ trách nhiệm của Bộ Xây dựng đối với việc quản lý sử dụng thép trong công trình xây dựng và trách nhiệm phối hợp quản lý sản phẩm thép. Đề xuất nội dung như sau: "2. Bộ Xây dựng thực hiện quản	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu nội dung Bộ Xây dựng đề xuất về quản lý sử dụng thép, thông tin kiểm tra/giám định công trình, yêu cầu kỹ thuật và phối

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			lý nhà nước đối với việc sử dụng thép trong công trình xây dựng theo pháp luật về xây dựng; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, đề xuất yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm thép sử dụng trong công trình; cung cấp, chia sẻ theo thẩm quyền thông tin về sự cố, kết quả kiểm tra chất lượng công trình, kết quả giám định chất lượng công trình có dấu hiệu liên quan đến chất lượng sản phẩm thép; phối hợp truy xuất, cảnh báo và xử lý theo quy định của pháp luật.” Đồng thời, đề nghị bổ sung cơ chế thông báo bắt buộc khi phát hiện thép không phù hợp có khả năng đã được đưa vào công trình, tối thiểu gồm mã lô/mẻ, nhà sản xuất, nhà nhập khẩu hoặc phân phối, nơi tiêu thụ, kết quả thử nghiệm, phạm vi không phù hợp và biện pháp thu hồi để cơ quan quản lý xây dựng có thẩm quyền khoanh vùng, đánh giá ảnh hưởng và xử lý theo pháp luật về xây dựng.	hợp. Bổ sung thông báo ngay khi rủi ro có thể ảnh hưởng thép đã sử dụng; cơ quan xây dựng xử lý công trình theo thẩm quyền, cơ quan chất lượng xử lý hàng hóa. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Thay khoản 2 Điều 23; bổ sung liên kết khoản 3 Điều 19 và khoản 3 Điều 24, thông tin lô/mẻ, nhà sản xuất, nhập khẩu, phân phối, nơi tiêu thụ đã xác định, kết quả và biện pháp để khoanh vùng.
176.	**UBND Quảng Ninh**	khoản 3 Điều 23	Tại khoản 3 Điều 23: Kiến nghị bổ sung: Cần quy định rõ cơ chế dự phòng trực tiếp vào Nghị định “Trong trường hợp hệ thống thông tin gặp sự cố kỹ thuật chưa thể khai thác dữ liệu điện tử, cơ quan hải quan được phép sử dụng bản giấy hoặc bản scan chứng thực điện tử của kết quả kiểm tra chất lượng do người khai hải quan cung cấp để làm thủ tục thông quan, đảm bảo không gây ách tắc hàng hóa tại cửa khẩu”.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu cơ chế dự phòng khi hệ thống sự cố. Chưa tiếp thu coi mọi bản scan là chứng thực điện tử: bản quét không tự có giá trị như bản gốc, bản sao hợp lệ. Phải cho cơ quan hải quan xác thực theo quy định, không tự nới hay thêm điều kiện thông quan bằng Nghị định thép. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 3 Điều 23 và khoản 6 Điều 21: phương thức,

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				chứng từ dự phòng theo hải quan và giao dịch điện tử; cơ quan trao đổi xác thực, tránh ách tắc nhưng giữ giá trị pháp lý tài liệu.
177.	**UBND Quảng Ninh**	Điều 23	Đề nghị bổ sung cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý chất lượng sản phẩm (Sở Khoa học và Công nghệ/Sở Công Thương) với Sở Nông nghiệp và Môi trường. Khi phát hiện cơ sở sản xuất vi phạm nghiêm trọng về môi trường hoặc gây sự cố môi trường, cơ quan môi trường có thẩm quyền kiến nghị đình chỉ/tạm dừng hiệu lực của chứng nhận chất lượng hoặc đình chỉ lưu thông sản phẩm theo quy định.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu chia sẻ sự cố, vi phạm môi trường để cơ quan chất lượng đánh giá rủi ro có liên quan. Không tự động đình chỉ chứng nhận hoặc lưu thông sản phẩm chỉ vì cơ sở vi phạm môi trường: cần căn cứ, thẩm quyền và trình tự theo pháp luật môi trường, chất lượng và chứng nhận tương ứng. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 4 Điều 23 theo cung cấp thông tin và xử lý đúng thẩm quyền; Điều 9 dẫn chiếu nghĩa vụ môi trường của cơ sở, không bổ sung điều kiện chứng nhận chung.
178.	**Bộ Nội vụ**	Điều 23	Tại Điều 23 dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ (Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, ngành khác có liên quan) trong cung cấp thông tin về quy hoạch, đầu tư, năng lực sản xuất, công nghệ trong ngành thép; yêu cầu kỹ thuật đối với thép; dữ liệu nhập khẩu, kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng; dữ liệu về môi trường... Đồng thời, do Điều 5 dự thảo Nghị định chỉ	**Tiếp thu.** Lý do: Điều 5 chỉ cần nguyên tắc; trách nhiệm chi tiết của bộ thuộc Điều 23. Tiếp thu tránh lặp danh sách nhiệm vụ và vẫn giữ yêu cầu sử dụng kết quả, dữ liệu hợp pháp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Biên tập khoản 3 Điều 5 dẫn

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			quy định về nguyên tắc thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép nên để tránh trùng lặp với nội dung đã được quy định tại Điều 23 dự thảo Nghị định, đề nghị biên tập lại khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định theo hướng tập trung xác định nguyên tắc về trách nhiệm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong quản lý chất lượng thép.	Điều 23, phân biệt quản lý chất lượng sản phẩm với nhiệm vụ chuyên ngành tại khoản 2, khoản 4; khoản 6 Điều 23 dẫn trở lại nguyên tắc phối hợp.
Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				
179.	**UBND Nghệ An**	Khoản 1 Điều 24	Đề nghị ban soạn thảo bổ sung trách nhiệm phối hợp của cơ quan này trong việc cung cấp yêu cầu kỹ thuật đối với thép sử dụng trong công trình; thông tin về sự cố, kết quả kiểm tra chất lượng công trình có dấu hiệu liên quan đến sản phẩm thép; phối hợp truy xuất, cảnh báo và xử lý theo thẩm quyền. Đồng thời, cần phân định rõ đầu mối hậu kiểm hàng hóa lưu thông với trách nhiệm quản lý chất lượng công trình để tránh kiểm tra trùng lặp.	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu phối hợp cơ quan xây dựng địa phương trong cung cấp dữ liệu kỹ thuật, sự cố và xử lý; phân biệt hậu kiểm hàng hóa lưu thông với kiểm soát vật liệu, chất lượng công trình. Cùng chỉ tiêu đã có kết quả hợp lệ được khai thác nhưng không thay nghiệm thu theo luật. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 3 Điều 24; khoản 1 xác định cơ quan KH&CN làm đầu mối; phối hợp cơ quan xây dựng theo khoản 4 Điều 5, khoản 2 Điều 23.
180.	**UBND tỉnh Thanh Hóa**	Khoản 1 Điều 24	Dự thảo Nghị định quy định: "Tổ chức hậu kiểm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép trên địa bàn theo phân cấp, phân quyền và hướng dẫn chuyên môn của	**Tiếp thu.** Lý do: Thống nhất quản lý của Bộ không loại bỏ thẩm quyền quản lý

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			Bộ Khoa học và Công nghệ". Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định rõ hơn phạm vi, nội dung và thẩm quyền hậu kiểm của UBND cấp tỉnh, nhất là việc kiểm tra chất lượng thép lưu thông trên thị trường, lấy mẫu và xử lý sản phẩm thép không phù hợp trên địa bàn. Lý do: Tại Điều 5 dự thảo quy định "Bộ Khoa học và Công nghệ là đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép". Việc phân định rõ nội dung, thẩm quyền của UBND cấp tỉnh sẽ tránh được tình trạng chồng chéo hoặc khó xác định cơ quan chủ trì kiểm tra, xử lý trong quá trình triển khai thực hiện.	địa phương được luật, văn bản phân cấp giao. Cần xác định kiểm tra sản xuất, lưu thông, lấy mẫu, xử lý trong phạm vi thẩm quyền; không tự mở rộng kiểm tra nhập khẩu. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1, khoản 2 Điều 24: cơ quan KH&CN đầu mối, cơ quan kiểm tra quyết định theo thẩm quyền, phối hợp liên ngành, chuyển vụ việc vượt thẩm quyền và chia sẻ kế hoạch.
181.	**UBND tỉnh Bắc Ninh**	Khoản 1 Điều 24	Đề nghị chỉnh sửa lại là: "Tổ chức hậu kiểm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép trên địa bàn theo phân cấp, phân quyền và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Khoa học và Công nghệ; phối hợp với cơ quan quản lý thị trường và cơ quan chuyên môn có liên quan, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng và thời kỳ kiểm tra." chuyển thành "Tổ chức hậu kiểm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép trên địa bàn theo phân cấp, phân quyền và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Khoa học và Công nghệ; giao cơ quan chuyên môn phù hợp làm đầu mối tham mưu tổ chức thực hiện, phối hợp với cơ quan quản lý thị trường và cơ quan chuyên môn có liên quan, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng và thời kỳ kiểm tra.".	**Tiếp thu về nội dung.** Lý do: Cần xác định một đầu mối tham mưu tại địa phương để thống nhất phối hợp, chia sẻ dữ liệu và xử lý vụ việc; việc giao đầu mối không thay thế thẩm quyền kiểm tra, xử lý do pháp luật quy định. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Khoản 1 Điều 24 giao cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ làm đầu mối tham mưu, phối hợp quản lý thị trường, cơ quan xây dựng và cơ quan chuyên ngành liên quan; cơ quan có thẩm quyền quyết định kiểm tra, lấy mẫu, xử lý theo

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			Lý do: Quy định hiện tại đã xác định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh và nguyên tắc phối hợp nhưng chưa làm rõ cơ chế đầu mối tham mưu. Việc bổ sung đầu mối giúp xác định rõ trách nhiệm, thuận lợi trong phối hợp liên ngành và tổ chức hậu kiểm.	pháp luật. Không giao chung "cơ quan phù hợp" làm phát sinh nhiều cách xác định đầu mối.
182.	**UBND tỉnh Cà Mau**	Điều 24	Tại Điều 24 (trang 13): Đề nghị bổ sung quy định xác định rõ cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép trên địa bàn theo phân cấp, phân quyền và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Việc xác định rõ đầu mối là cần thiết để bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo, tổ chức hậu kiểm, tiếp nhận và xử lý thông tin, truy xuất nguồn gốc, cảnh báo, thu hồi sản phẩm không phù hợp và phối hợp với các cơ quan có liên quan.	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu dùng tên chức năng cơ quan chuyên môn KH&CN thuộc UBND tỉnh làm đầu mối tham mưu; tránh phụ thuộc tên tổ chức cụ thể sau sắp xếp. Thẩm quyền kiểm tra, xử lý vẫn phải theo luật và phân cấp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1 Điều 24; bổ sung khoản 2 về phối hợp và chuyển thông tin, khoản 4 về cảnh báo, thu hồi, dữ liệu, tập huấn
183.	**UBND tỉnh Lạng Sơn**	Điều 24	Tại Điều 24 dự thảo Nghị định: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung nguyên tắc phân cấp, phân quyền; xác định cụ thể cơ quan đầu mối kiểm tra tại địa phương, cơ chế phối hợp với cơ quan quản lý thị trường và cơ quan kiểm tra thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cũng như cơ chế chia sẻ thông tin về kế hoạch kiểm tra để bảo đảm việc tổ chức kiểm tra chặt chẽ, hiệu quả, đúng quy định pháp luật.	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu phân định đầu mối và cơ chế chia sẻ kế hoạch để không trùng lặp. Không cần đặt nguyên tắc phân cấp riêng khác luật; nhiệm vụ được thực hiện theo phân cấp, phân quyền có hiệu lực, cơ quan trung ương và địa phương phối hợp khi kiểm tra liên địa bàn. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				sửa: Sửa khoản 1, khoản 2 Điều 24 và khoản 3 Điều 22; cơ quan KH&CN làm đầu mối, thông tin kế hoạch và kết quả được chia sẻ, kiểm tra đột xuất theo căn cứ luật định.
Điều 25. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân				
184.	**UBND Nghệ An**	Điều 25	Tại Điều 25 "Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân" Nội dung tại Điều 25 Dự thảo Nghị định trùng lặp với Điều 24 (Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh) do lặp lại các nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương (hậu kiểm, xử lý phản ánh khiếu nại, báo cáo Bộ KHCN...). Đề nghị ban soạn thảo xem xét điều chỉnh Điều 25 dự thảo Nghị định tập trung đúng trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thép và các Tổ chức đánh giá sự phù hợp và đề nghị viết lại theo hướng: "Điều 25. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và tổ chức đánh giá sự phù hợp: - Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thép chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm; thực hiện ghi nhãn, duy trì liên kết truy xuất nguồn gốc, lập mã nhận diện khi cắt xẻ/gia công và phối hợp kiểm tra - Các tổ chức đánh giá sự phù hợp chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả đánh giá; bảo đảm kết quả thử nghiệm liên kết được với mẻ luyện/lô sản phẩm và cập nhật dữ liệu lên hệ thống thông tin quản lý theo quy định".	**Tiếp thu yêu cầu thống nhất nội dung và trách nhiệm của từng chủ thể.** Lý do: Ý kiến phản ánh nguy cơ lặp nhiệm vụ địa phương vào phần trách nhiệm doanh nghiệp. Trong dự thảo Nghị định được cung cấp, Điều 25 đã quy định theo chủ thể, không trùng Điều 24. Vì vậy cần đối chiếu đúng phiên bản và Bản thuyết minh, không kết luận bản hiện tại vẫn mắc lỗi của bản trước. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Giữ Điều 25 phân định nhà sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, gia công, tổ chức đánh giá sự phù hợp và trách nhiệm dữ liệu. Đề nghị cập nhật hàng Điều 25 của Bản thuyết minh tương ứng. Cơ quan nhà nước cập nhật kết quả quản lý do mình ban hành; tổ chức đánh giá sự phù hợp cập nhật kết quả mình phát hành theo quy định, không giao

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				nhiệm vụ quản lý nhà nước cho doanh nghiệp.
185.	**UBND tỉnh Lạng Sơn**	Điều 25	Tại Điều 25 dự thảo Nghị định: đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể trách nhiệm của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, người kinh doanh, đơn vị gia công và tổ chức đánh giá sự phù hợp trên cơ sở chia tách nội dung trách nhiệm của từng nhóm chủ thể tại các khoản, điểm riêng; quy định rõ trách nhiệm về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, truy xuất nguồn gốc, lưu giữ hồ sơ, cảnh báo, thu hồi và cung cấp thông tin. Không quy định trách nhiệm vượt quá khả năng kiểm soát hợp lý của từng chủ thể trong chuỗi cung ứng để bảo đảm việc triển khai thực hiện Nghị định chặt chẽ, hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng thép.	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu phân chia nhà sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, gia công và tổ chức đánh giá sự phù hợp. Nghĩa vụ thông tin trong phạm vi công đoạn, quyền kiểm soát; không buộc bán lẻ xác nhận quá trình luyện, không miễn trách nhiệm hành vi cung cấp sai mà chủ thể biết hoặc phải biết. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Thay Điều 25 bằng 06 khoản theo chủ thể và trách nhiệm chung về dữ liệu, giải trình, khắc phục; liên kết Điều 7, Điều 10–12, Điều 20, Điều 21 thay chép lại toàn bộ nghĩa vụ của luật.
186.	**UBND tỉnh Khánh Hòa**	Điều 25	Đề nghị rà soát, chỉnh lý Bản thuyết minh để thống nhất với dự thảo Nghị định. Cụ thể: Điều 25 dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thép và tổ chức đánh giá sự phù hợp; tuy nhiên tại Bản thuyết minh, nội dung của Điều 25 thể hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước của địa phương (tương ứng với Điều 24 của dự thảo Nghị định).	**Tiếp thu.** Lý do: Theo ý kiến góp ý, nội dung Điều 25 tại Bản thuyết minh chưa thống nhất với dự thảo Nghị định. Đối chiếu dự thảo Nghị định được cung cấp, Điều 24 quy định trách nhiệm địa phương, Điều 25 đã phân định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong chuỗi cung ứng; không có cơ sở kết luận hai điều này của

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				bản hiện tại trùng nhau. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Đề nghị đối chiếu và cập nhật hàng Điều 25 trong Bản thuyết minh theo đúng dự thảo hiện tại, gồm trách nhiệm nhà sản xuất, người nhập khẩu, người kinh doanh, chủ thể gia công, tổ chức đánh giá sự phù hợp và chủ thể tạo lập dữ liệu. Đồng bộ tên điều, nội dung và lý do, không chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước của địa phương sang doanh nghiệp.
Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp				
187.	**Bộ Xây dựng**	.Điều 26, Điều 27	Đề nghị bổ sung, làm rõ tại Điều 26 và Điều 27: - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phát sinh kể từ ngày Nghị định có hiệu lực trong thời gian các quy chuẩn kỹ thuật, danh mục và văn bản quản lý liên quan chưa được sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ. - Trách nhiệm và thời hạn bàn giao hồ sơ, dữ liệu, nhiệm vụ quản lý giữa các cơ quan; ưu tiên chuyển giao điện tử và không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ nếu nội dung và điều kiện pháp lý không thay đổi. - Việc tiếp tục sử dụng quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp còn hiệu lực và trách nhiệm quản lý, giám sát các tổ chức này trong thời gian chuyển tiếp. - Lộ trình áp dụng đối với các yêu cầu đặc thù có chi	**Tiếp thu.** Lý do: Cần bao quát hồ sơ mới, hồ sơ đang giải quyết, hiệu lực kết quả và quyết định chỉ định, thừa nhận, hàng tồn kho, bàn giao dữ liệu và năng lực thi hành để tránh gián đoạn quản lý. Các mốc 30 ngày bàn giao, 12 tháng rà soát là phương án của dự thảo, cần thuyết minh tính khả thi; không phải thời hạn sẵn có của pháp luật chung và không gia hạn hiệu lực quy định trái văn bản cấp trên. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Khoản 1–3 Điều 26 duy trì kết

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			phí tuân thủ hoặc yêu cầu hạ tầng số cao như truy xuất khi chia tách, hộ chiếu số, dữ liệu môi trường và kiểm tra tại nguồn; cân nhắc thời gian chuẩn bị phù hợp trước khi áp dụng bắt buộc. - Bổ sung trong hồ sơ dự thảo số liệu đánh giá về năng lực phòng thử nghiệm theo chỉ tiêu, tổ chức chứng nhận, nhân lực kiểm tra tại nguồn, nguồn kinh phí và thời gian chuẩn bị để chứng minh tính khả thi của phương án tổ chức thực hiện.	quả hợp pháp còn giá trị, công khai cơ quan tiếp nhận trước ngày hiệu lực, không yêu cầu nộp lại hồ sơ, xác định trách nhiệm giám sát sau bàn giao. Khoản 4–6 xử lý hàng tồn, dữ liệu lịch sử, lộ trình số và sử dụng kết quả phù hợp. Đề xuất khoản 1 Điều 27 ấn định ngày có hiệu lực bảo đảm ít nhất 06 tháng chuẩn bị từ ngày ban hành; hộ chiếu số và dữ liệu bắt buộc vẫn theo lộ trình riêng.
188.	**Bộ Quốc phòng**	Khoản 3 Điều 26	Đề nghị chỉnh lý "Kết quả và dữ liệu được chuyển, cập nhật cho Bộ Khoa học và Công quy định tại Nghị định này" thành "Kết quả và dữ liệu được chuyển, cập nhật cho Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Nghị định này"	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu sửa tên cơ quan bị thiếu và xác định chủ thể bàn giao, tiếp nhận, thời hạn, phương thức điện tử; lỗi kỹ thuật không phải căn cứ mở thêm nghĩa vụ nộp lại hồ sơ cho doanh nghiệp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3 Điều 26, trong đó ghi: "Kết quả và dữ liệu được chuyển, cập nhật cho Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Nghị định này"; bàn giao điện tử trong 30 ngày, không yêu cầu nộp lại.
189.	**Thanh tra Chính phủ**	Điều 26	Đối với khoản 2 Điều 26 dự thảo Nghị định, đề nghị quy định trách nhiệm, thời hạn rà soát, xử lý quy	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu trách nhiệm, thời

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			chuẩn và văn bản quản lý hiện hành; làm rõ cơ quan tiếp nhận hồ sơ mới, xử lý hồ sơ đang giải quyết và bàn giao dữ liệu. Việc tiếp tục áp dụng văn bản hiện hành cần bảo đảm mục tiêu thống nhất đầu mối và nguyên tắc tại điểm a khoản 1 Điều 26a Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Đồng thời, cần chỉ rõ sản phẩm, chỉ tiêu và quy định được cho là chồng lấn giữa QCVN 7:2019/BKHCN và QCVN 16:2023/BXD để có phương án xử lý. Đề nghị tiếp tục rà soát điều khoản chuyển tiếp, nhất là đối với sản phẩm đã được sản xuất, nhập khẩu, lưu thông hợp pháp trước thời điểm Nghị định có hiệu lực; hồ sơ đã được tiếp nhận; yêu cầu về hộ chiếu số, dữ liệu phát thải, dấu chân carbon và vật liệu tái chế, bảo đảm tính khả thi, không hồi tố bất lợi và có thời gian phù hợp để các cơ quan, tổ chức, cá nhân chuẩn bị điều kiện thực hiện. Đề nghị bổ sung chuyển tiếp đối với nghĩa vụ tại Điều 6 và Điều 7 dự thảo Nghị định, nhất là hàng tồn kho, thép đã chia tách hoặc sản phẩm không thể khôi phục mã mẻ luyện, mã lô ban đầu; tránh yêu cầu doanh nghiệp bổ sung thông tin không thể thực hiện đối với hàng hóa đã lưu thông hợp pháp.	hạn và hồ sơ chuyển tiếp, dữ liệu nhận diện hàng tồn. Phần chồng lấn QCVN 7/QCVN 16:2023/BXD phải có đối chiếu chính xác về đối tượng và chỉ tiêu, không lặp giả định; nếu không có cơ sở thì sửa Báo cáo thực trạng và giải trình, không xây ngoại lệ dựa trên tiền đề chưa được chứng minh. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 26; khoản 5 Điều 5 đúng phạm vi.
190.	**Bộ Tư pháp**		Về điều khoản chuyển tiếp (Điều 26) a) Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các tình huống có thể phát sinh khi Nghị định quy định về quản lý chất lượng thép có hiệu lực để quy định đầy đủ phương hướng xử lý tại dự thảo Nghị định, tránh	**Tiếp thu.** Lý do: (a) Bổ sung các tình huống bàn giao, hồ sơ mới/cũ, tổ chức đánh giá sự phù hợp và hàng tồn. (b) Bỏ căn cứ mở không còn bảo đảm;

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			bỏ sót, phát sinh "khoảng trống pháp lý". b) Về khoản 1 Điều 26 dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ "căn cứ xác định không còn bảo đảm" đối với giấy chứng nhận, kết quả thử nghiệm, giám định, đăng ký công bố hợp quy và kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thép được cấp, tiếp nhận hoặc ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực để bảo đảm tính khả thi trên thực tiễn. c) Khoản 4 Điều 26 dự thảo Nghị định quy định: "yêu cầu bắt buộc về hộ chiếu số, dữ liệu phát thải, dấu chân carbon và hàm lượng vật liệu tái chế chỉ được áp dụng theo lộ trình và yêu cầu kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành;…". Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ quan ban hành, lộ trình áp dụng, quy định cụ thể được áp dụng tại khoản 4 Điều 26 dự thảo Nghị định nêu trên để cơ quan, tổ chức, cá nhân có cơ sở thực hiện, bảo đảm tính khả thi trên thực tiễn.	đình chỉ, thu hồi, chấm dứt dùng kết quả phải có căn cứ, đúng thẩm quyền. (c) Hộ chiếu số theo lộ trình Thủ tướng phê duyệt tại Điều 33 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP; định danh, truy xuất theo danh mục, lộ trình Nghị định số 372/2026/NĐ-CP; môi trường theo pháp luật chuyên ngành, không giao chung một cơ quan ban hành mọi nghĩa vụ. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1–5 Điều 26, khoản 1 Điều 8 và khoản 4 Điều 22; hồ sơ xác định các điều khoản áp dụng và văn bản triển khai theo từng thẩm quyền, không tự ấn định dữ liệu môi trường bắt buộc từ Nghị định thép.
191.	**Bộ Giáo dục và Đào tạo**	Điều 26	Đề nghị rà soát khoản 2 Điều 26 theo hướng việc tiếp tục áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật, danh mục và văn bản quản lý hiện hành phải bảo đảm phù hợp với văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn; chỉnh lý khoản 3 Điều 26 về tên "Bộ Khoa học và Công" thành "Bộ Khoa học và Công nghệ", đồng thời làm rõ chủ thể và phương thức chuyển, cập nhật kết quả, dữ liệu	**Tiếp thu.** Lý do: Quy định tiếp tục áp dụng không thể duy trì văn bản trái luật hoặc Nghị định mới. Tiếp thu sửa đầy đủ tên Bộ, xác định cơ quan chuyển, nhận hồ sơ, thời hạn và phương thức điện tử. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 2, khoản 3 Điều 26: phạm vi tiếp tục áp dụng hợp pháp,

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				công khai đầu mối trước hiệu lực, bàn giao 30 ngày, không nộp lại hồ sơ, trách nhiệm giám sát sau bàn giao.
192.	**Bộ Tư pháp**	Điều 26	2.5. Về quy định liên quan đến phát thải, dấu chân carbon, trách nhiệm của các bộ, cơ quan và điều khoản chuyển tiếp Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định về hệ thống quản lý tiên tiến, sản xuất giảm phát thải, dữ liệu phát thải, dấu chân carbon và vật liệu tái chế để phân định rõ nội dung mang tính khuyến khích, phục vụ quản lý rủi ro với các yêu cầu bắt buộc về chất lượng sản phẩm; tránh làm phát sinh điều kiện, yêu cầu mới khi chưa có căn cứ nhán lý và yêu cầu kỹ thuật tương ứng. Đối với khoản 2 Điều 26 dự thảo Nghị định, đề nghị quy định trách nhiệm, thời hạn rà soát, xử lý quy chuẩn và văn bản quản lý hiện hành; làm rõ cơ quan tiếp nhận hồ sơ mới, xử lý hồ sơ đang giải quyết và bàn giao dữ liệu. Việc tiếp tục áp dụng văn bản hiện hành cần bảo đảm mục tiêu thống nhất đầu mối và nguyên tắc tại điểm a khoản 1 Điều 26a Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Đồng thời, cần chỉ rõ sản phẩm, chỉ tiêu và quy định được cho là chồng lấn giữa QCVN 7:2019/BKHCN và QCVN 16:2023/BXD để có phương án xử lý. Đề nghị tiếp tục rà soát điều khoản chuyển tiếp, nhất là đối với sản phẩm đã được sản xuất. nhân khẩu. lưu	**Tiếp thu**. Phân biệt nghĩa vụ môi trường với nghĩa vụ về chất lượng thép tại Điều 4, Điều 8, Điều 9; tiếp tục quy định rà soát văn bản trong 12 tháng, bàn giao dữ liệu trong 30 ngày, không yêu cầu doanh nghiệp nộp lại hồ sơ và không áp dụng hồi tố. Việc xác định chồng lấn quy chuẩn cần đối chiếu chỉ tiêu, đối tượng và phạm vi cụ thể trong hồ sơ thuyết minh.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			thông hợp pháp trước thời điểm Nghị có hiệu lực; hồ sơ đã được tiếp nhận; yêu cầu về hộ chiếu số, dữ liệu phát thải, dấu chân carbon và vật liệu tái chế, bảo đảm tính khả thi, không hồi tố bất lợi và có thời gian phù hợp để các cơ quan, tổ chức, cá nhân chuẩn bị điều kiện thực hiện.	
193.	**UBND Nghệ An**	Điều 26 (giai đoạn chuyển tiếp)	Bộ KH&CN phối hợp với các địa phương tổ chức tập huấn, hướng dẫn chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu kết nối về Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia cho cán bộ kỹ thuật và doanh nghiệp. Lý do: Tại Điều 8 và Khoản 4 Điều 26 dự thảo Nghị định quy định: Việc quy định "Hộ chiếu số" và công bố dấu chân Carbon, vật liệu tái chế là cần thiết nhưng còn mới đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đề nghị bổ sung trách nhiệm Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Bộ Xây dựng rà soát, thống nhất phạm vi sản phẩm, chỉ tiêu kỹ thuật, cơ quan đầu mối và phương thức đánh giá, kiểm tra; không yêu cầu thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp hoặc cung cấp lại hồ sơ đối với cùng chỉ tiêu, cùng lô sản phẩm đã có kết quả hợp pháp, còn giá trị; trường hợp có 4 yêu cầu kỹ thuật riêng thì chỉ thực hiện đánh giá phần chỉ tiêu bổ sung.	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu tập huấn, chuẩn hóa dữ liệu theo hạ tầng dùng chung, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ; phối hợp Bộ Xây dựng rà soát phạm vi và yêu cầu kỹ thuật. Chỉ sử dụng lại kết quả đúng mẫu, chỉ tiêu, phương pháp, hiệu lực, phần thiếu mới đánh giá bổ sung; không mặc nhiên coi mọi kết quả là tương đương. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Bổ sung khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 22 và khoản 4 Điều 24 về hỗ trợ triển khai; khoản 5 Điều 5, khoản 6 Điều 26 về kết quả và phần bổ sung. Tập huấn thuộc kế hoạch thực hiện, nguồn lực theo Điều 20.
194.	**UBND tỉnh Bắc Ninh**	khoản 2 Điều 26	Đề nghị sửa lại thành: "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Danh mục sản phẩm, hàng hóa thép và văn bản quản lý chất lượng thép do bộ, cơ quan ngang bộ ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục được áp dụng cho đến khi	**Tiếp thu về nội dung.** Lý do: Tiếp thu quy định trách nhiệm rà soát và thời hạn xử lý văn bản, đồng thời giới hạn việc tiếp tục áp dụng trong phạm vi không trái

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			được sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan rà soát các quy định nêu trên để bảo đảm thống nhất với Nghị định này.". Lý do: Quy định hiện tại đã bảo đảm không tạo khoảng trống pháp lý trong giai đoạn chuyển tiếp nhưng chưa làm rõ trách nhiệm rà soát, đồng bộ hệ thống QCVN, danh mục và văn bản hiện hành sau khi Nghị định có hiệu lực.	văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn và Nghị định này. Nội dung này được thể hiện tại khoản 2 Điều 26 của bản chỉnh lý. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 2 Điều 26 theo trách nhiệm Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp các bộ, hoàn tất rà soát trong 12 tháng; chỉ tiếp tục văn bản không trái cấp trên/Nghị định mới, không chờ hết thời hạn rà soát để xử lý quy định trái pháp luật.
195.	**Bộ Quốc phòng**	Điều 26	Khoản 3 Điều 26: Đề nghị chỉnh lý "Kết quả và dữ liệu được chuyển, cập nhật cho Bộ Khoa học và Công quy định tại Nghị định này" thành "Kết quả và dữ liệu được chuyển, cập nhật cho Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Nghị định này".	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu sửa tên cơ quan bị thiếu và xác định chủ thể bàn giao, tiếp nhận, thời hạn, phương thức điện tử; lỗi kỹ thuật không phải căn cứ mở thêm nghĩa vụ nộp lại hồ sơ cho doanh nghiệp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3 Điều 26, trong đó ghi: "Kết quả và dữ liệu được chuyển, cập nhật cho Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Nghị định này"; bàn giao điện tử trong 30 ngày, không yêu cầu nộp lại.
196.	**Sở KH&CN tỉnh**	Điều 26	Đề nghị ghi đúng tên cơ quan nhà nước tại khoản 3 Điều 26 của dự thảo Nghị định: "Kết quả và dữ liệu	**Tiếp thu.**

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	Khánh Hòa		được chuyển, cập nhật cho Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại Nghị định này".	Lý do: Tiếp thu sửa tên cơ quan bị thiếu và xác định chủ thể bàn giao, tiếp nhận, thời hạn, phương thức điện tử; lỗi kỹ thuật không phải căn cứ mở thêm nghĩa vụ nộp lại hồ sơ cho doanh nghiệp. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 3 Điều 26, trong đó ghi: "Kết quả và dữ liệu được chuyển, cập nhật cho Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Nghị định này"; bàn giao điện tử trong 30 ngày, không yêu cầu nộp lại.
197.	**Sở KH&CN tỉnh Lai Châu**	Điều 26	Tại khoản 2 Điều 26 dự thảo Nghị định có quy định "2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Danh mục sản phẩm, hàng hoá thép và văn bản quản lý chất lượng thép do bộ, cơ quan ngang bộ ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục được áp dụng cho đến khi được sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ". Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung trách nhiệm, lộ trình rà soát, sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ các quy chuẩn kỹ thuật, danh mục sản phẩm, hàng hóa và văn bản quản lý chất lượng thép hiện hành, bảo đảm thống nhất với Nghị định này và pháp luật chuyên ngành có liên quan.	**Tiếp thu.** Lý do: Tiếp thu cần mốc rà soát, chủ thể xử lý, không duy trì vô thời hạn hệ thống chồng lấn. Thời hạn 12 tháng là phương án đề xuất cho rà soát đồng bộ; văn bản trái cấp trên phải xử lý theo pháp luật ngay, không được hưởng thời gian trì hoãn. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 2 Điều 26: Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các bộ xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền; gắn với đầu mối hồ sơ và bàn giao tại khoản

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				3.
198.	**Sở KH&CN tỉnh Khánh Hòa**	Điều 26	Tại điểm đ khoản 5 Phần II của Báo cáo đánh giá thực trạng quản lý chất lượng thép đã nêu vấn đề phát sinh: "đối với thép cốt bê tông, có trường hợp sản phẩm đồng thời thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 7:2019/BKHCN và QCVN 16:2023/BXD, làm phát sinh nguy cơ trùng lặp thủ tục". Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 26 dự thảo Nghị định quy định "các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và văn bản quản lý chất lượng thép do các bộ, cơ quan ngang bộ ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục được áp dụng cho đến khi được sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ". Đề nghị Ban soạn thảo Nghị định nghiên cứu, làm rõ nguyên tắc áp dụng điều khoản này trong trường hợp một sản phẩm thép đồng thời thuộc phạm vi điều chỉnh của nhiều quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (đặc biệt là sản phẩm thép cốt bê tông) nhằm tránh phát sinh chồng chéo, trùng lặp trong thực hiện các thủ tục đánh giá sự phù hợp, công bố hợp quy và kiểm tra chất lượng ở giai đoạn chuyển tiếp.	**Tiếp thu.** Lý do: Không mặc nhiên chấp nhận khẳng định thép cốt bê tông đồng thời thuộc QCVN 7:2019/BKHCN và QCVN 16:2023/BXD. Cần đối chiếu danh mục, chỉ tiêu, phạm vi, sửa đổi đang có hiệu lực; nếu không chứng minh trùng, bỏ nhận định trong Báo cáo thực trạng, không lấy làm lý do cho cơ chế miễn. Với giao thoa có thật, vẫn đáp ứng yêu cầu bắt buộc và dùng lại kết quả đúng phạm vi. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 5 Điều 5, khoản 2 và khoản 6 Điều 26 theo nguyên tắc chung; chỉnh điểm đ khoản 5 Phần II Báo cáo thực trạng thành nội dung cần rà soát, chỉ nêu ví dụ có bảng đối chiếu chứng minh. Không quy định kết quả QCVN 7:2019/BKHCN đương nhiên thay QCVN 16:2023/BXD.
199.	**Vụ Pháp chế, Bộ KH&CN**	Khoản 2 Điều 26	Quy định các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, danh mục sản phẩm, hàng hóa thép và văn bản quản lý chất lượng thép do bộ, cơ quan ngang bộ ban hành trước ngày Nghị định có hiệu lực tiếp tục được áp dụng cho đến khi được sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ: Đề	**Tiếp thu.** Lý do: Điều khoản chuyển tiếp không được kéo dài hiệu lực văn bản đã hết hiệu lực, duy trì nội dung trái văn bản cấp trên hoặc làm chậm

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			nghị rà soát quy định này để bảo đảm phù hợp với nguyên tắc xác định hiệu lực và áp dụng văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời làm rõ trách nhiệm, thẩm quyền sửa đổi, thay thế, bãi bỏ các văn bản quản lý chất lượng thép đã được ban hành, đặc biệt trong trường hợp có sự thay đổi về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước.	thực hiện phân công mới. Thay đổi đầu mối quản lý không đương nhiên cho phép cơ quan nhận nhiệm vụ sửa, bãi bỏ mọi văn bản do cơ quan khác ban hành; việc xử lý phải theo đúng thẩm quyền, kể cả cơ chế xử lý văn bản khi chuyển giao chức năng, nhiệm vụ. Đề xuất sửa khoản 2 Điều 26: "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, danh mục sản phẩm, hàng hóa thép và văn bản quản lý chất lượng thép còn hiệu lực tại ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục áp dụng trong phạm vi không trái văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn và Nghị định này. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan hoàn thành việc rà soát, xác định văn bản, nội dung cần sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ và xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xử lý. Việc sửa đổi, thay thế, bãi bỏ thực hiện theo pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy định về xử lý văn bản khi chuyển giao chức năng, nhiệm vụ. Quy định trái văn bản cấp trên phải được xử lý theo pháp luật,

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				không chờ hết thời hạn rà soát.” Đồng bộ khoản 3 về cơ quan tiếp nhận hồ sơ mới, xử lý hồ sơ đang giải quyết và bàn giao dữ liệu, không yêu cầu doanh nghiệp nộp lại. Thời hạn 12 tháng là phương án rà soát đề xuất, không phải thời gian gia hạn hiệu lực cho quy định trái pháp luật.
200.	**Công ty CP Gang thép Thái Nguyên**	Điều 26	- Nội dung dự thảo: Quy định áp dụng bắt buộc Hộ chiếu số sản phẩm thép tích hợp dữ liệu phát thải khí nhà kính, dấu chân carbon theo lộ trình của Thủ tướng Chính phủ. - Trong thực tế: Ngành luyện kim cán nóng là ngành tiêu thụ năng lượng lớn. Phần lớn các dây chuyền sản xuất thép hình và thép xây dựng trong nước hiện nay chưa đồng bộ hệ thống tự động hóa đo lường phát thải đến từng mẻ cán cụ thể do thiếu hệ thống phần mềm quản lý sản xuất. Doanh nghiệp cần chi phí và thời gian rất lớn để cải tạo đầu tư. - Kiến nghị: Đối với riêng nhóm sản phẩm thép cán nóng phục vụ xây dựng và kết cấu trong nước, kiến nghị kéo dài lộ trình chuẩn bị bắt buộc áp dụng Hộ chiếu số tối thiểu từ 5 – 7 năm kể từ khi Nghị định có hiệu lực để doanh nghiệp kịp chuyển đổi số, tránh gây đứt gãy cung ứng nội địa và làm tăng giá thành xây dựng.	**Tiếp thu một phần.** Lý do: Tiếp thu nhu cầu thời gian, đầu tư và năng lực đo lường của doanh nghiệp; không coi dữ liệu phát thải đến từng mẻ là nghĩa vụ mặc nhiên. Chưa tiếp thu cố định miễn 5–7 năm riêng nhóm cán nóng khi chưa có đánh giá tác động; thẩm quyền phê duyệt lộ trình được xác định tại Điều 33 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP; thời hạn phải theo nhóm, dữ liệu và hạ tầng thực tế, không tùy tiện kéo dài nghĩa vụ pháp luật môi trường đang có. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Sửa khoản 1 Điều 8 về lộ trình và thời gian chuẩn bị; khoản 8 Điều 3 về phạm vi tính carbon; khoản 5 Điều 26 theo lộ trình riêng.

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
201.	**Công ty CP China Steel & Nippon Steel Việt Nam**	Khoản 4 Điều 26	Cụ thể hóa lộ trình: Quy định rõ mộc thời gian, đôi tượng áp dụng, cơ quan hướng dẫn và phương pháp tính/xác minh cho dữ liệu KNK, carbon và tỷ lệ tái chế. Nguyên tắc: Chỉ áp dụng bắt buộc sau khi đã ban hành đầy đủ tiêu chuẩn kỹ thuật.	**Tiếp thu về nguyên tắc lộ trình áp dụng.** Sửa khoản 5 Điều 26 và điểm đ khoản 2 Điều 8 để bảo đảm nghĩa vụ cung cấp dữ liệu phát thải, dấu chân carbon, tỷ lệ tái chế chỉ phát sinh khi xác định rõ đối tượng, nội dung, phương pháp và thời điểm theo văn bản có thẩm quyền. Không ấn định nghĩa vụ hoặc thời hạn mới chỉ bằng điều khoản chuyển tiếp.
202.	**UBND Thanh Hóa**	Điều 27	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định thời hạn hiệu lực thi hành của Nghị định tối thiểu là 06 tháng kể từ ngày ký ban hành. Lý do: Nghị định quy định nhiều nội dung kỹ thuật mới (Hộ chiếu số, kết nối dữ liệu, truy xuất nguồn gốc, mẻ luyện), đề nghị quy định khoảng thời gian chuyển tiếp tối thiểu 06 tháng kể từ ngày Nghị định được ký ban hành đến ngày có hiệu lực thi hành để các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương và cộng đồng doanh nghiệp có đủ thời gian chuẩn bị hạ tầng công nghệ thông tin, tập huấn nghiệp vụ và giúp các doanh nghiệp sản xuất, gia công thép trên địa bàn kịp điều chỉnh quy trình công nghệ, đầu tư hệ thống mã hóa dữ liệu.	**Tiếp thu về thời gian chuẩn bị.** Lý do: Việc thay đổi đầu mối, bàn giao hồ sơ và chuẩn bị hạ tầng dữ liệu cần thời gian phù hợp. Mốc ít nhất 06 tháng là phương án chính sách được đề xuất trên cơ sở nhu cầu triển khai, không phải khẳng định pháp luật chung bắt buộc mọi nghị định phải có khoảng thời gian này. Nội dung tiếp thu, đề xuất chỉnh sửa: Khoản 1 Điều 27 để ngày, tháng, năm cụ thể được xác định khi trình ký, bảo đảm ít nhất 06 tháng kể từ ngày ban hành theo phương án tiếp thu; chưa cố định năm nếu thời điểm ban hành chưa xác định. Khoản 2 Điều 27 quy định công khai đầu mối, hướng dẫn và tập

STT	Đơn vị góp ý	Điều khoản được góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				huấn trước áp dụng. Khoản 5 Điều 26 giữ lộ trình riêng đối với định danh, truy xuất, hộ chiếu số và dữ liệu môi trường; không mặc nhiên buộc triển khai đồng loạt sau 06 tháng.